

SỐ 482

# KINH TRÌ THẾ

*Hán dịch: Đồi Hậu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.*

## QUYỂN 1

### Phẩm 1: TÚ LỢI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Đức Thế Tôn được vô số trăm ngàn vạn chúng cung kính vây quanh nghe thuyết pháp. Trong chúng hội ấy có một Đại Bồ-tát tên Trì Thế, vì các Đại Bồ-tát với vô lượng công đức trang nghiêm mà phát tâm muốn biết rõ về tất cả pháp Ba-la-mật, muốn biết rõ việc phát khởi vô lượng nguyện, đầy đủ vô lượng trang nghiêm, muốn thông suốt về tướng quyết định của vô lượng các pháp, muốn phát khởi vô lượng nguyện trang nghiêm nơi chỗ hành của tâm sâu xa thanh tịnh, muốn biết rõ về bố thí được tròn đầy thanh tịnh, muốn biết rõ về trì giới thanh tịnh rất ráo, muốn biết rõ về tâm nhẫn nhục nhu hòa tròn đủ, muốn biết rõ về tinh tấn thanh tịnh, muốn biết rõ về thiền định thanh tịnh, muốn thông suốt về Trí tuệ ba-la-mật, vì vô lượng công đức như vậy nên rời khỏi tòa ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, chấp tay hướng về Phật, bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Con xin phép được thưa hỏi Thế Tôn, vì muốn tạo lợi ích, an vui cho tất cả chúng sinh và các Đại Bồ-tát không đoạn mất giống Phật, chốn hành hóa đầy đủ uy nghi, không

vướng mắc vào việc trì giới, thọ giới và hành dụng đại pháp tròn đủ thanh tịnh, khéo biết nắm giữ vô lượng hành xứ nơi đạo pháp, vì các Bồ-tát này nên nay con xin thưa hỏi Đức Thế Tôn. Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát khéo biết về thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt về tướng của các pháp, cũng có thể chứng đắc niêm lực, cũng phân biệt rõ về chương cú nơi tất cả các pháp? Thế nào là Đại Bồ-tát khi chuyển thân luôn thành tựu chánh niệm, cho đến khi đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Lành thay! Lành thay! Nay Bồ-tát Trì Thế! Ông đã có thể vì các Đại Bồ-tát nên thưa hỏi Như Lai những việc như vậy. Tức biết, ông vì thương xót thế gian nên làm nhiều việc an ổn cho chúng sinh, tạo lợi ích an vui cho chư Thiên và người đời, cũng làm ánh sáng lớn cho các Bồ-tát nơi đời này và đời sau. Công đức của ông là không thể hạn lượng, nên mới có thể thưa hỏi Như Lai những việc như thế. Ông chắc chắn muốn dứt trừ những sự nghi ngờ cho hết thảy chúng sinh, thương giúp tất cả chúng sinh nên làm ánh sáng lớn, muốn chỉ dạy những điều lợi ích, có ý nghĩa cho tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh có thể vượt qua con đường hiểm, muốn làm người cứu hộ, làm hải đảo, làm nhà cửa, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi ba đường ác, muốn đặt yên chúng sinh nơi đạo vô thượng, muốn giải thoát chúng sinh ra khỏi sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, muốn ban cho chúng sinh niềm vui Niết-bàn vô thượng. Ông muốn giữ gìn chánh pháp nơi đời sau, muốn độ chúng sinh nơi đời ác trước đây những sợ hãi sau này. Nay Bồ-tát Trì Thế! Ông nay hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ giải thích rõ việc này cho ông.

–Xin vâng, kính bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

–Nay Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát vì thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng tu tập về thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ về văn nghĩa của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Phải đạt được niêm tròn đủ.
2. Phải đạt được niêm không gián đoạn.
3. Phải dùng tuệ an ổn để tự tăng trưởng.

## 4. Niệm thường tại tâm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ về văn nghĩa của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Phải khéo nhận biết nghĩa quyết định của các pháp.
2. Phải khéo nhận biết nghĩa của các pháp.
3. Phải khéo nhận biết vô số nhân duyên của các pháp.
4. Phải khéo nhập vào pháp môn như thật của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Phải khéo biết tướng của vô lượng pháp.
2. Phải khéo biết tu tập vô lượng pháp quyết định.
3. Phải nên hành vô lượng công đức để tự tăng trưởng.
4. Phải thấy biết tướng sinh diệt của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Cần phải gần gũi Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
2. Phải mau chóng đầy đủ các pháp trợ Bồ-đề.
3. Phải biết rõ các pháp phương tiện mà không theo lời nói của người khác.
4. Phải biết rõ tất cả trí tuệ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn pháp lợi ích nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh nên tâm không keo kiệt.
2. Thường hành giới thanh tịnh, vì an trú nơi Tỳ-lê-da ba-la-mật.
3. Phát khởi hạnh tinh tấn dũng mãnh không ngừng.
4. Vì chánh tư duy nên khéo hành Trí tuệ ba-la-mật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Thành tựu đầy đủ tâm sâu xa và nguyện thanh tịnh.
2. Thành tựu đầy đủ công đức của đối tượng hành hóa thanh tịnh.
3. An trụ nơi công đức nhu hòa, nhẫn nhục.
4. Phân biệt được ánh sáng nơi thật tướng của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Vì dốc sức muốn cầu đạt Nhất thiết trí.
2. Khéo biết phân biệt rõ các Tam-muội của thiền định giải thoát để phát sinh sự mong muốn lớn.
3. Vì muốn được tâm đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả nên tạo phương tiện hành hạnh thanh tịnh.
4. Khéo tu tập nghĩa quyết định.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Đầy đủ tuệ hạnh.
2. Cũng cầu đạt nơi chốn của trí hạnh thanh tịnh.
3. Ưa thích trí vô ngại.
4. Thường không xa lìa nguyện của Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát có bốn pháp nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát thấy rõ bốn việc lợi ích nên hay cầu niệm lực. Bốn việc đó là:

1. Tu tập đầy đủ niệm căn.
2. Hành tập tuệ an ổn.
3. Thường đầy đủ niệm không gián đoạn.
4. Nên tu tập đầy đủ bốn Niệm xứ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn thứ lợi ích nên có thể cầu đạt niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. Hành đầy đủ các pháp trợ Bồ-đề, nên niệm luôn ở nơi tâm.
2. Nhờ niệm căn bén nhạy nên khéo biết sự tu tập ở đời trước.
3. Vì trí tuệ thanh tịnh tròn đủ nên mau được niệm không gián

đoạn.

4. Gieo trồng nhân duyên về Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên hay cầu niệm lực. Bốn việc đó là:

1. Tu tập đầy đủ phương tiện tư duy.
2. Tu tập trí tuệ như thật.
3. Siêng phát khởi tinh tấn để được pháp của chư Phật.
4. Không quên nhớ nghĩ để chứng đắc niệm lực không gián

đoạn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là đạt được niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. Niệm tuệ an ổn do thường siêng năng tinh tấn không ngừng nghỉ.

2. Thường nhất tâm vì chứng đắc thật tướng của các pháp.
3. Thường không buông lung do chánh niệm các pháp.
4. Thường hộ trì các căn nhờ chánh tư duy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là chứng đắc niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. An trụ nơi sự trì giới thanh tịnh.
2. Thành tựu hành xứ oai nghi thanh tịnh.
3. Trừ bỏ năm thứ ngăn che nơi tâm.
4. Không bị pháp thế gian làm nhiễm ô, xa lìa nghiệp chướng,

phiền não chướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là chứng đắc niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. Dùng tâm không tán loạn cầu pháp thiện.
2. Siêng năng tu tập tướng nhất tâm.
3. Khéo nhận biết các pháp môn chánh nhập.
4. Xa lìa gia đình, không thích sự náo nhiệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là chứng đắc niệm lực. Đó là:

1. Gắn gũi tri thức thiện.

2. Thường tu tập pháp sâu xa.
3. Thường thích đến chỗ chư Phật và Bồ-tát.
4. Thường thích thỉnh vấn pháp tu tập trí tuệ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thấy rõ bốn pháp nên gọi là chứng đắc niệm lực.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thấy rõ bốn việc lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt chương cú. Đó là:

1. Khéo biết rõ thật tướng của tất cả pháp.
2. Phân biệt nhân của tất cả pháp.
3. Biết nghĩa quyết định của các pháp.
4. Khéo biết ngôn ngữ, chương cú của tất cả pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy bốn pháp lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo biết rõ thứ lớp tùy nghi của các pháp.
2. Khéo biết rõ phương tiện nhân duyên của tất cả pháp.
3. Tu tập đầy đủ phương tiện của tất cả pháp.
4. Phân biệt, biết rõ kinh liễu nghĩa, kinh chưa liễu nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy bốn pháp lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo học hỏi trí tuệ là đạo, là phi đạo.
2. Nên đạt được lực thuyết giảng về nghĩa của tất cả pháp.
3. Mau chứng được hành xứ của trí tuệ thanh tịnh.
4. Tu tập Trí tuệ ba-la-mật tròn đủ.

Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thấy rõ bốn pháp lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo biết tu tập tướng tập của các pháp.
2. Khéo biết tướng nhân của các pháp.
3. Khéo biết tướng duyên của các pháp.
4. Có thể nhập nơi phương tiện của nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Biết rõ về Khổ của các pháp.
2. Biết rõ về Tập của các pháp.

3. Biết rõ về Diệt của các pháp.

4. Biết rõ về Đạo của các pháp..

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo biết các pháp hợp tan.

2. Tạo phương tiện để đạt được lực của nhân trước.

3. Khéo biết chỗ thích nghi của các pháp.

4. Khéo biết phân biệt về văn tự, chương cú.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Bốn pháp đó là:

1. Biết rõ về kinh không liễu nghĩa.

2. Ở trong kinh liễu nghĩa, không theo ngôn thuyết của kẻ khác.

3. Biết rõ tướng ẩn của tất cả pháp.

4. Cũng khéo an trụ trong trí vô tướng của tất cả pháp.

Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát có bốn pháp nên hay tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Hiểu rõ về pháp thiện, bất thiện.

2. Thành tựu an tuệ của niệm đệ nhất.

3. Có thể xa lìa năm thứ ngăn che nơi tâm.

4. Tâm luôn nhớ nghĩ đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Khéo tu tập bốn Niệm xứ.

2. Khéo tu tập tuệ học phân biệt.

3. Đối với các thiền định thì trí tuệ là đứng đầu.

4. Được thông tỏ ở trong trí tuệ quyết định.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Đạt được các môn Đà-la-ni.
2. Cũng tu tập trí vô sinh.
3. Nhập vào tậ trí.
4. Cũng quán sát diệt trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Chấm dứt mọi tham ái, giận dữ.
2. Không tham đắm tất cả pháp hữu vi, vô vi.
3. Tâm thông suốt trí tuệ vô vi.
4. Đạt đến nơi chốn hành hóa của Như Lai.

Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến đạt được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát có năm sức của tịnh trí, có thể đạt đầy đủ các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi thâm tâm.
2. Sức của tịnh trí nơi nguyện.
3. Sức của tịnh trí nơi căn lành.
4. Sức của tịnh trí nơi hồi hướng.
5. Sức của tịnh trí nơi nghiệp chướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí, có thể đạt đầy đủ các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi hành xứ oai nghi.
2. Sức của tịnh trí nơi niệm cụ túc.
3. Sức của tịnh trí nơi phương tiện.
4. Sức của tịnh trí nơi duyên chúng sinh.
5. Sức của tịnh trí nơi duyên tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi tâm xả.
2. Sức của tịnh trí tạo lợi ích cho chúng sinh.
3. Sức của tịnh trí sinh đại Từ.
4. Sức của tịnh trí sinh đại Bi.
5. Sức của tịnh trí sinh đại Hỷ, đại Xả.



Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí trì giới.
2. Sức của tịnh trí không chấp trước trì giới.
3. Sức của tịnh trí nhẫn nhục
4. Sức của tịnh trí không chấp trước nhẫn nhục.
5. Sức của tịnh trí đa văn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí tinh tấn sâu xa.
2. Sức của tịnh trí thọ nhận tinh tấn.
3. Sức của tịnh trí thiền định.
4. Sức của tịnh trí nơi phương tiện thiền định.
5. Sức của tịnh trí nơi phương tiện Chỉ Quán.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi tuệ.
2. Sức của tịnh trí nơi phương tiện quyết định về đa văn.
3. Sức của tịnh trí thế gian, xuất thế gian.
4. Sức của tịnh trí nơi phương tiện tuệ.
5. Sức của tịnh trí hữu vi, vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi phương tiện quán.
2. Sức của tịnh trí nơi minh giải thoát.
3. Sức của tịnh trí nơi tướng vô sinh.
4. Sức của tịnh trí nơi nhất tướng, vô tướng.
5. Sức của tịnh trí nơi Đệ nhất nghĩa, thế đế nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Do Đại Bồ-tát có năm sức của tịnh trí này nên mau đạt được đầy đủ tất cả công đức như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Do được lợi ích như vậy nên Đại Bồ-tát đối với sức của tịnh trí này luôn siêng năng tu tập.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thành tựu ba pháp, nên ở trong sức của tịnh trí có thể siêng năng tu tập. Ba pháp đó là:

1. Dục.

2. Tinh tấn.

3. Không phóng dật.

Đại Bồ-tát thành tựu ba pháp này, nên có thể siêng năng tu tập, có thể đạt đầy đủ tất cả công đức ở trong sức của tịnh trí. Vì sao?

Này Bồ-tát Trì Thế! Dục, Tinh tấn, Không phóng dật đều là chỗ căn bản của tất cả pháp. Đại Bồ-tát được sức của tịnh trí ấy thì có thể mau chóng được Nhất thiết trí, cũng gọi là bậc tinh tấn không thoái chuyển, cũng gọi là bậc không thoái chuyển nơi pháp, cũng nhờ đây nên công đức mau được tăng trưởng, cũng ở trong tất cả pháp nhanh chóng có được sức của tịnh trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người nào ở trong tất cả pháp như vậy mà được sức của tịnh trí thì người đó là ruộng phước của thế gian. Người ấy có thể kế tiếp ta nhận lãnh sự cúng dường. Người ấy có thể đạt đến hành xứ của Như Lai. Người ấy có thể thấy pháp của Như Lai. Người ấy không lâu có thể chứng được trí tuệ của Như Lai.

Này Bồ-tát Trì Thế! Xưa kia trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, khi ta hành đạo Bồ-tát, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta: “Ông trải qua a-tăng-kỳ kiếp sẽ được làm Phật.”

Ngay khi ấy Ta mới biết sức của tịnh trí như vậy hiện bày khắp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người nào ở trong tất cả pháp có thể thành tựu sức của tịnh trí như vậy, người ấy cũng sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như hôm nay ta đã đạt được. Người ấy cũng chuyển pháp luân như hôm nay ta đã chuyển pháp luân. Người ấy cũng gầm vang tiếng sư tử như ta hôm nay đã gầm vang tiếng sư tử. Người ấy cũng được sức tự tại ở trong tất cả các pháp như ta hôm nay.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ông đối với sức của tịnh trí này nên siêng năng tinh tấn hành trì, không lâu sẽ đạt được đầy đủ Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nơi đời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước có Phật hiệu Trí Cao Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai Trí Cao Vương này có vô lượng Thanh văn Tăng, cũng có vô lượng Bồ-tát Tăng, là chỗ đạt đến của nhân duyên nơi bản nguyện của Phật. Quốc độ của Ngài không có ba đường ác. Các chúng sinh ở quốc độ đó không biết có sự khổ, tất cả đều được an vui, sung sướng trọn vẹn. Người lìa dục rất nhiều, có thể dứt trừ năm thứ ngăn che. Các chúng sinh này thành tựu được sự an vui thanh tịnh như vậy, như sự an lạc của người vào Đệ tứ thiên. Phật Trí Cao Vương này thọ sáu trăm vạn ức na-do-tha kiếp. Này Bồ-tát Trì Thế! Trong quốc độ ấy chỉ có Phật là vua, không còn có vua nào khác. Chúng sinh trong quốc độ ấy đều gọi Phật là Pháp vương. Phật Trí Cao Vương này thường thuyết giảng kinh “Đoạn trừ nghi hoặc nơi tất cả chúng sinh hoan hỷ nơi tâm của hết thảy chúng sinh thuộc Bồ-tát tạng” cho các Bồ-tát.

Bấy giờ, có năm trăm Bồ-tát nghe sức của tịnh trí nơi các Bồ-tát ấy, nên phát khởi sức tinh tấn như vậy, trọn đời không ngồi, trọn đời không nghĩ tưởng đến y phục, trọn đời không khởi tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng nam nữ, trọn đời hoàn toàn không ăn nhiều, chỉ tu tập lực của tịnh trí như vậy, siêng năng tinh tấn hành trì. Năm trăm Bồ-tát do nhân duyên của căn lành ấy, sau khi mạng chung đều được sinh nơi quốc độ ở phương Đông cách đây hơn mười vạn ức cõi nước. Sau khi sinh không bao lâu, nhờ tu tập pháp này nên được thành tựu lợi căn, biết rõ về túc mạng. Quốc độ đó có Phật hiệu là Vô Lượng Hoa Tích Vương, hiện đang thuyết pháp. Các Bồ-tát ở quốc độ đó mới mười sáu tuổi, đều ở chỗ Phật Vô Lượng Hoa Tích Vương xuất gia, trong sáu mươi ức năm hành phạm hạnh đồng tử, cũng tu hành tinh tấn như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Năm trăm Bồ-tát này được gặp hai mươi ức các Đức Phật như vậy, ở chỗ các Đức Phật đều siêng băng tinh tấn tu tập, thành tựu an tuệ của niệm bậc nhất, sau cùng được gặp Phật Vô Lượng Lực Cao Vương và được thọ ký, qua một vạn kiếp sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Năm trăm vị này, trong một vạn kiếp được gặp hai vạn ức Phật, đạt đầy đủ Phật đạo, ngay nơi một kiếp, lần lượt được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Trì Thế nên biết! Đại Bồ-tát muốn mau chứng đắc quả

vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì đối với lực tịnh trí này nên sinh Dục, Tinh tấn, Không phóng dật. Vì sao? Đây Bồ-tát Trì Thế! Vì chư Phật thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều do Dục, Tinh tấn, Không phóng dật làm căn bản và còn các pháp trợ đạo khác nữa nên có thể đầy đủ pháp Phật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nhờ tinh tấn như vậy nên được gặp hai mươi ức Đức Phật, ở trong các pháp đời đời thành tựu niệm lực, đời đời biết được túc mạng, tu tập pháp này không ngừng nghỉ. Ta hoàn toàn không mất các pháp Dục, Tinh tấn, Không phóng dật ấy. Ta luôn thành tựu các pháp Dục, Tinh tấn, Không phóng dật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng tâm đại Từ bi ngoảnh nhìn bốn phương và thị hiện sức thần thông làm cho các cõi Diêm-phù-đề trong tam thiên thế giới đều có hóa Phật thuyết giảng kinh “Đoạn trừ nghi hoặc nơi tất cả chúng sinh hoan hỷ nơi tâm của hết thảy chúng sinh thuộc Bồ-tát tạng” này cho các chúng sinh, lại dùng thần lực làm cho đại chúng trong đại hội nơi vườn Trúc đều thấy chư Phật hiện hữu khắp cõi Diêm-phù-đề, mỗi một và đều đang thuyết pháp. Đại chúng trông thấy thấy đều vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng nhau lạy Phật và thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Thần lực của chư Phật Như Lai thật không thể nghĩ bàn, đã thành tựu vô lượng pháp không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng:

–Này các thiện nam! Việc này đối với Như Lai chưa đủ lấy làm khó. Vì sao? Vì Như Lai khéo thông suốt tánh của các pháp. Như từ một lỗ chân lông phát ra sức thần thông, ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa thế giới trong mười phương, diễn nói giáo pháp. Nơi một lỗ chân lông có cả trăm ngàn vạn ức phần cũng chưa hiện bày hết được một phần. Như Lai đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn như vậy.

Này các thiện nam! Như Lai quán sâu về tâm chúng sinh để thuyết pháp cho họ.

Này các thiện nam! Chúng sinh đời nay ít có người đối với pháp này ưa thích thực hành.

Này các thiện nam! Chúng sinh đời nay ít có người đối với

pháp này thực hành một cách tinh tấn.

Này các thiện nam! Chúng sinh đời nay ít có người đối với pháp này thực hành không phóng dật. Vì sao? Vì Như Lai nay đã xuất hiện nơi đời có đủ năm thứ ược trước xấu ác, đó là: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước.

Này các thiện nam! Nếu có, cho đến chỉ một người có thể tin nhận pháp thanh tịnh sâu xa này, người đó có thể đạt đến trí tuệ Phật. Người như vậy thật là hiếm có, huống chi là người có thể tin và hiểu việc làm của Như Lai.

Này các thiện nam! Ta luôn luôn nơi cõi sinh tử trang nghiêm nguyện như vậy, hành nhẫn nhục, tinh tấn như vậy. Vì những chúng sinh khổ não không có người cứu hộ, không nơi nương tựa, phần nhiều bị đọa trong đường ác, ngay khi ấy, ta thành tựu Phật đạo, làm lợi ích cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh.

Này các thiện nam! Nên biết ân lực của Như Lai vốn thanh tịnh vì nguyện tinh tấn nên có thể làm cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh tin hiểu, thọ trì pháp sâu xa như vậy.

Này các thiện nam! Ta trong đời trước giáo hóa các chúng sinh, các chúng sinh này có thể hiểu được pháp của ta.

Này các thiện nam! Nay Phật dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, ít có thể khiến chúng sinh tin hiểu pháp sâu xa này. Nếu chúng sinh nào trú trong pháp ấy là đều nhờ ân lực và phương tiện của Như Lai.

Ta ở trong cõi sinh tử luôn luôn không lìa pháp sâu xa này. Ta cũng luôn luôn dùng tâm đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả để thấu giữ chúng sinh. Ít có Như Lai nào xuất hiện nơi đời năm trước làm lợi ích cho chúng sinh. Vì sao? Này các thiện nam! Vì nơi đời trước, ta luôn dùng sức đại tinh tấn, sức đại phương tiện để giáo hóa chúng sinh tu tập đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này các thiện nam! Ta nhớ nơi đời quá khứ, trong một ngày xả bỏ ngàn thân để bố thí làm lợi ích cho chúng sinh.

Này các thiện nam! Ta ở trong vô số ngàn vạn đời như vậy, thấy chúng sinh bị đói khát, tự cắt thịt nơi thân để nấu cho họ ăn, mà tâm Ta lúc ấy vẫn không đau buồn, hối hận, chỉ hành đại Bi đối với khắp tất cả muôn loài.

Các thiện nam nên biết! Ta dùng sức đại tinh tấn, sức đại

phương tiện như vậy để giáo hóa chúng sinh tích tập đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này. Vì thế, này các thiện nam! Nên phát khởi Dục, Tinh tấn, Không phóng dật như vậy mà tu tập quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như ta khi hành đạo Bồ-tát. Các vị cũng nên giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh như ta.

Này các thiện nam! Chư Phật xuất hiện trong Hiền kiếp này không một vị nào là không khen ngợi ta thế này: “Phật Thích-ca Mâu-ni thực hành tinh tấn sâu xa như vậy. Phật Thích-ca Mâu-ni đầy đủ tinh tấn như vậy. Phật Thích-ca Mâu-ni đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật như vậy. Phật Thích-ca Mâu-ni khi hành đạo Bồ-tát đã giáo hóa chúng sinh như vậy. Ngài xuất hiện nơi đời năm trước làm lợi ích cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh.”

Này các thiện nam! Vì hành đạo như vậy nên cần phát khởi Dục, Tinh tấn, Không phóng dật.

Này các thiện nam! Ta nay tuy đã đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà vẫn không ngừng tinh tấn. Đến lúc Niết-bàn vẫn tinh tấn dững mãi, nghiền nát thân thể ra như hạt cải, phân tán chân tay lóng đốt. Vì sao? Vì thương xót chúng sinh nơi đời vị lai.

Ta trong đời trước, khi hành đạo Bồ-tát, chúng sinh được ta giáo hóa, hoặc làm việc sai lầm mà bị đọa vào các xứ nạn, muốn gắng cứu giúp chúng, ta phát khởi tâm đại Bi hiện bày thần lực phân chia xá-lợi cho đến như hạt cải.

Sau khi Ta diệt độ, nếu có các chúng sinh nên dùng xá-lợi để hóa độ khiến tâm được thanh tịnh, khi tâm của các chúng sinh ấy được thanh tịnh rồi, thì ở khắp mọi nơi chốn đều được thành tựu theo nguyện.

Này các thiện nam! Ta xưa kia khi hành đạo Bồ-tát, trong tất cả chúng sinh thành tựu tâm Bi như vậy, nên nghiền nát thân thể, đem xá-lợi phân chia cùng khắp, đó là bản nguyện của ta. Ta dùng vô lượng nhân duyên phước đức như vậy, vì tâm đại Bi nên ta ở nơi đời xấu ác sau này luôn che chở khắp tất cả chúng sinh.

Này các thiện nam! Nếu các Bồ-tát ở trong pháp ấy có thể phát khởi Dục, Tinh tấn, Không phóng dật thì chắc chắn sẽ phát nguyện này, nơi đời sau cùng, đều thọ trì đọc tụng, thuyết giảng rộng những kinh như vậy cho mọi người. Ta sẽ dùng thần lực làm cho các

Bồ-tát thọ trì, đọc tụng và thuyết giảng rộng cho mọi người. Ta cũng đem những kinh điển như vậy phó chúc cho các Bồ-tát ấy để họ có thể thọ trì, đọc tụng và thuyết giảng rộng cho người khác. Vì sao? Nay các thiện nam! Vì tùy theo kinh này trụ ở chỗ nào, nên biết ở chỗ đó có Phật chưa diệt độ, thế nên Như Lai đem kinh này phó chúc cho các Bồ-tát.

Các thiện nam nên biết! Ta trong đời trước dùng nhân duyên như vậy để thâu giữ chúng sinh, đời nay cũng thâu giữ chúng sinh và đời sau cũng lại sẽ thâu giữ chúng sinh. Nghĩa là hộ niệm kinh pháp này, khiến trong năm trăm năm sau sẽ được lưu hành cùng khắp.

Này các thiện nam! Ngay trong đời này hoặc sau khi ta diệt độ, nếu ở nơi xóm làng, thành ấp, đồng trống, núi rừng, có những kinh điển như vậy, nếu có người thọ trì, đọc tụng và giảng thuyết cho người khác thì nên biết nơi đó chắc chắn có Phật. Vì sao? Vì nhân duyên này nên ta nói chư Phật tức là Pháp thân. Do thấy Pháp tức là được thấy Phật. Không nên dùng sắc thân để thấy Phật. Nếu người nghe pháp, tin pháp, người này tức là tin Phật và nghe theo lời Phật dạy. Người nào ở trong pháp ấy mà tu hành đúng như lời dạy, người này tức là thấy Phật, người này được gọi là người nói như thật, người nói đúng pháp, người y theo pháp mà tu hành.

Này các thiện nam! Thân ta không phải pháp, không phải phi pháp mà gọi là “Tùy pháp hành”, gọi là “Đệ nhất pháp thí”, nghĩa là không tham đắm pháp, không tham đắm phi pháp. Vì sao? Vì nếu người tham đắm pháp, người đó không được gọi là người thấy Phật.

Này các thiện nam! Người không tham đắm nơi tất cả pháp, gọi là người thấy Phật. Nếu người đối với tất cả pháp không có chỗ thấy, đó gọi là người thấy Phật. Vì sao? Vì không thể dùng pháp để diễn đạt về Như Lai, không thể dùng phi pháp để diễn đạt về Như Lai, cũng không thể dùng pháp để thấy Như Lai. Vì sao? Nay các thiện nam! Như trong kinh nói: “Các Tỳ-kheo nên biết! Pháp của ta nói ra giống như chiếc bè để qua sông, pháp hãy còn nên xả bỏ, huống chi là phi pháp. Người nào có thể xả bỏ pháp và phi pháp, đó gọi là người thấy Phật. Vì sao? Vì Như Lai gọi là người xả bỏ tất cả pháp, không còn tham đắm, không thọ nhận danh tự của các pháp, không rơi vào danh tự nơi pháp, huống gì là rơi vào danh tự nơi phi pháp.”

Này các thiện nam! Lìa bỏ danh tự của tất cả pháp gọi là Như Lai. Người nào thấy được như vậy gọi là thấy Như Lai. Vì sao? Vì lìa bỏ chỗ thấy tất cả pháp gọi là thấy Như Lai. Do tất cả pháp là không thủ đắc, nên thấy biết như thật tất cả pháp gọi là thấy Như Lai.

Này các thiện nam! Nếu tất cả pháp không thể thủ đắc mà lìa bỏ tất cả pháp thì ngay trong đó không còn hý luận, không còn danh tự của pháp hay là phi pháp, không đến, không đi, đó gọi là thấy Như Lai. Người nào thấy pháp như vậy, gọi là thấy Như Lai. Người nào có thể thấy Như Lai như vậy gọi là người chánh kiến. Người nào thấy khác đi, gọi là tà kiến. Nếu là người tà kiến tức là vọng kiến, người này không gọi là người thấy đúng đắn.

Này các thiện nam! Người thấy chân chánh là người đoạn trừ tất cả đường ngôn ngữ, phi chân, phi vọng, phi hữu, phi vô, xa lìa tất cả pháp, không thủ tất cả pháp, không đắc tất cả pháp. Người thấy như vậy gọi là thấy Như Lai. Vì sao?

Này các thiện nam! Không lấy pháp tánh để thấy Như Lai, người xa lìa sự thấy tánh nơi tất cả pháp gọi là thấy Như Lai. Nếu người có thể thấy như vậy gọi là chánh kiến.

Này các thiện nam! Các vị nên như vậy để thấy Như Lai. Các vị hãy quán sát đúng như lời dạy của ta để quán sát Như Lai. Người quán sát như vậy sẽ biết tất cả pháp đều là Như Lai, sẽ được chân như nơi tất cả pháp, sẽ được thật tướng của tất cả pháp, sẽ được tướng không hư vọng nơi tất cả pháp, sẽ biết tất cả pháp là pháp của Như Lai, sẽ biết tất cả pháp là hành xứ của Như Lai, sẽ biết tất cả pháp là hành xứ không thể nghĩ bàn.

Này các thiện nam! Cho nên ta nói tất cả pháp là hành xứ của Như Lai. Hành xứ của Như Lai là không hành xứ. Vì sao? Vì hành xứ của tất cả pháp, trong đó không có pháp nào có thể hành, nên nói không hành xứ là hành xứ của Như Lai. Hành xứ của tất cả pháp tức là không hành xứ, không hành xứ tức là hành xứ của Như Lai. Vì sao? Vì hành xứ của tất cả pháp là không sở hữu nên không hành xứ là hành xứ của Như Lai. Tất cả hành xứ nhập nơi hành xứ của Như Lai tức chẳng phải là hành xứ. Như Lai thông đạt, chứng đắc pháp này nên gọi không hành xứ là hành xứ của Như Lai.

Này các thiện nam! Người nào có thể biết không hành xứ của



tất cả pháp thì người này có thể nhập nơi hành xứ của Như Lai. Người này có thể quán sát hành xứ của Như Lai. Người này có thể cầu đạt hành xứ của Như Lai. Người này cũng không tham đắm hành xứ của Như Lai. Vì sao? Vì người này biết không hành xứ là hành xứ của Như Lai, xa lìa hành xứ là hành xứ của Như Lai. Tức tất cả pháp là không thể thủ đắc, là không thể phân biệt, không thể tham đắm, nên gọi không phải hành xứ ấy là hành xứ của Như Lai, gọi là hành xứ của Nhập trí, vì không nhập nơi tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không môn nên dùng môn ấy để nhập.

Này các thiện nam! Tất cả pháp là không nhập, không xuất, không có hình tướng. Vì sao? Vì Như Lai không có chỗ thủ đắc đối với các pháp thì lấy pháp nào hoặc xuất, hoặc nhập, hoặc thấy, hoặc thuyết.

Này các thiện nam! Đó gọi là nhập vào môn của tất cả pháp, vì không có tướng nhập. Tất cả pháp không hợp, không tan, không buộc, không mở. Vì môn của tất cả pháp là môn không nên gọi môn này là: Môn không thể ra, môn không thể vào, môn không thể quay về, môn không thể nói, môn rốt ráo không sinh. Do môn của pháp ấy, đối với pháp không chỗ thấy, không chỗ biết. Do pháp môn ấy, đối với pháp không chứng đắc, không chỗ nhập. Vì sao?

Này các thiện nam! Vì tất cả pháp là không có môn, vì môn vốn không thể thủ đắc.

Hư không là môn của tất cả pháp, vì từ xưa đến nay tánh vốn thanh tịnh.

Không đoạn là môn của tất cả pháp, vì đoạn vốn không sở hữu.

Vô biên là môn của tất cả pháp, vì biên vực là không thể thủ đắc.

Vô lượng là môn của tất cả pháp, vì lượng là không thể thủ đắc.

Vô tế là môn của tất cả pháp, vì các cõi là không thật có.

Này các thiện nam! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có thể nhập pháp môn này tức nhập vào tất cả pháp môn, tức biết tất cả pháp môn, tức nói về tất cả pháp môn.

Phẩm 2: NĂM ẤM (Phần 1)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc thật tướng của tất cả pháp, hoặc muốn phân biệt rõ chương câu của tất cả pháp, muốn được niệm lực, muốn được trí tuệ phân biệt tất cả pháp, muốn được đầy đủ chánh niệm chuyển thân không gián đoạn, cho đến đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ mau chóng nhập vào pháp môn này, chứng đắc ánh sáng của trí tuệ. Vì sao? Vì ở trong pháp ấy mau đạt được đầy đủ.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát siêng năng tu tập pháp môn như vậy, nhập vào môn phương tiện này thì có thể phân biệt rõ phương tiện của ấm, phương tiện của giới, phương tiện của nhập, phương tiện của nhân duyên sinh pháp, phương tiện của bốn Niệm xứ, phương tiện của năm Căn, phương tiện của tám Thánh đạo, phương tiện của pháp thế gian, xuất thế gian, phương tiện để phân biệt pháp hữu vi, vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Bồ-tát phân biệt về phương tiện của năm ấm? Đại Bồ-tát chánh quán về năm thủ ấm, nghĩa là ấm vô minh ấm là năm thủ ấm, ấm khổ là năm thủ ấm, ấm si là năm thủ ấm, ấm bệnh, ấm ung nhọt, ấm như mũi tên nhập vào thân là năm thủ ấm.

Bồ-tát phân biệt quán chọn sắc thủ ấm.

Thế nào là phân biệt quán chọn sắc thủ ấm?

Sắc thủ ấm này từ bốn đại sinh ra, giả gọi là sắc thủ ấm. Sắc ấm này không có tự tánh, chỉ do bốn đại hòa hợp giả gọi là sắc ấm. Sắc ấm không có tác giả, không người sai khiến làm, không tạo tác, không dấy khởi, không xuất, gọi là sắc ấm. Chỉ do bốn đại thu nhận nhân duyên của nghiệp từ đời trước nên gọi là sắc ấm, nên phi ấm là sắc ấm, ví như hư không. Ấm thật không có tướng sinh như nói ấm hư không. Vì trong ấy không có pháp sinh, chỉ có danh tự, nên gọi là ấm hư không.

Phàm phu đối với không ấm này tưởng là ấm, do tâm điên đảo nên không thật tướng là thật, tham đắm năm ấm của ngã, năm ấm của ngã sở, sắc ấm của ngã, sắc ấm của ngã sở. Các phàm phu này

tham đắm sắc như vậy rồi, ở trong sắc nường tựa ngã và ngã sở, có sắc, thọ nhận sắc, giữ lấy sắc, chấp trước sắc, dựa vào sắc, thọ nhận và tạo tác các nghiệp ác bất thiện. Chúng ta không nên học theo phàm phu. Chúng ta nên siêng năng tu tập pháp trợ Bồ-đề. Nay nên chánh quán sắc ấm. Khi Bồ-tát chánh quán sắc ấm, biết nó đồng như đồng bọt nước.

Thế nào gọi là biết đồng như đồng bọt nước? Không đồng là đồng bọt nước, chỉ từ các duyên sinh ra, không thể nắm bắt được, không có bền chắc, trong đồng bọt nước không có tướng đám tụ, không đám tụ là đám bọt nước. Sắc ấm cũng như vậy. Trong sắc ấm không có tướng ấm. Khi Bồ-tát quán sát như vậy liền nghĩ thế này: “Phàm phu không thể chánh quán sắc hư vọng, không thể biết đúng như thật về sắc vô thường, không thể biết đúng như thật về tướng sắc. Chúng ta vào chánh đạo không nên tham chấp nơi hư vọng, không nên tham đắm sắc. Vì sao? Vì sắc là tướng không thể tham đắm. Sắc chỉ có danh tự, không có tướng nhất định, nên quán sắc ấy không có tướng quyết định, vì lìa danh tự, nên gọi đó là sắc.

Lại nói sắc là tướng não hoại. Người trí thông đạt biết rõ là vô tướng. Chúng ta phải khéo biết tu tập phương tiện về sắc vô tướng, không tham đắm tướng của sắc. Nếu người tham đắm tướng của sắc tức là tham đắm sắc. Chúng ta phải khéo biết về tướng của sắc nhập. Bồ-tát khi chánh quán như vậy, quán đúng như thật lựa chọn về sắc. Sắc ấm này đều do phàm phu tưởng nhớ, phân biệt mà sinh khởi. Nếu pháp do tưởng nhớ, phân biệt mà sinh khởi, tức là không sinh, vì tất cả sự tưởng nhớ, phân biệt đều không chân thật. Phàm phu do điên đảo, nường tựa vào đó để khởi lên sắc, nên bị sắc trói buộc, bị sắc làm hại, nên phải qua lại trong khổ não, vô minh, si ám. Tham đắm sắc không xả bỏ, thấy sắc có sự bền chắc, thường còn nên phàm phu này bị sắc trói buộc, vì sắc trói buộc nên qua lại trong cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tham đắm sắc vị sâu nặng, không thấy trong sắc có những tội lỗi xấu ác. Chúng ta không nên học theo phàm phu, cần phải quán chọn, phân biệt, tu tập phương tiện của sắc. Khi phân biệt, quán sát, chọn lựa sắc thì thấy tánh của sắc như mộng huyễn, ví như sắc trong mộng đều từ nhớ tưởng, phân biệt, giác quán phát sinh. Do nhân duyên của thấy, nghe, hiểu biết

mà sinh khởi nên trong mộng cũng biết có mình và người, cũng thấy có đất, nước, lửa, gió, cũng thấy núi sông, rừng rú. Sắc tướng của cảnh trong mộng không có nhất định, chỉ do nhớ tưởng mà có. Tưởng của sắc ấm cũng như vậy. Từ nhân duyên của nghiệp nơi đời trước hiện ra, nên không có tánh nhất định. Bồ-tát tư duy như vậy nên không giữ lấy sắc, hoặc ngã, hoặc ngã sở, chỉ chánh quán như thật sắc là tướng vô thường, hư vọng, điên đảo. Chúng sinh điên đảo, tham đắm chấp thủ sắc hoặc sắc của ngã, hoặc sắc của ngã sở, hoặc sắc của người khác, hoặc sắc của chỗ thuộc người khác. Khi chánh quán lựa chọn về sắc như vậy, chẳng thủ đắc sắc, chẳng thấy tánh của sắc, cũng chẳng tham đắm sắc vô thường. Bồ-tát bấy giờ hoặc ở trong sắc dứt trừ hết mọi ái niệm, tham đắm. Biết rõ về tướng chánh của sắc, biết rõ về tướng bình đẳng của sắc, biết rõ về tướng diệt của sắc, biết rõ về tướng diệt đạo của sắc, biết rõ sắc ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu.

Bồ-tát nghĩ thế này: “Thân sắc ấm này đều từ quả báo của nghiệp theo giác quán sinh khởi, bốn đại thân tóm thân sắc ấm này, chẳng phải mình, chẳng phải người, không thuộc nơi nào, không từ đâu sinh ra. Quán sắc ấm như vậy, đối với nội sắc không tham không thọ nhận, đối với ngoại sắc không tham không thọ nhận, đối với sắc quá khứ không tham không thọ nhận, đối với sắc vị lai không tham không thọ nhận, đối với sắc hiện tại không tham không thọ nhận, liền biết tất cả sắc ấm là tướng vô sinh.” Bồ-tát này, bấy giờ không diệt sắc, cũng không cầu diệt sắc pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát sắc thủ ấm như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát lựa chọn về thọ thủ ấm? Bồ-tát tư duy: “Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ này đều từ nhân duyên sinh ra, theo các nhân duyên vào trong tướng thọ, trong đó không có người thọ nhận, chỉ vì tham đắm, tham đắm tức không chân thật. Hư vọng là từ nhớ tưởng, phân biệt phát sinh.” Bồ-tát này khi tư duy như vậy lại nghĩ: “Phàm phu ấy vì thọ hư vọng nên bị trói buộc, bị ba thọ làm hại, nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, chẳng khổ chẳng lạc thọ. Phàm phu này nếu thọ lạc là bị kết ái sai khiến, do kết ái sai khiến nên có thể sinh khởi các nghiệp ác. Nếu thọ khổ là bị kết giận dữ sai khiến, do kết giận dữ sai khiến nên khởi các

nghiệp ác. Nếu thọ chẳng khổ chẳng lạc, là bị kết vô minh sai khiến, người này do kết vô minh sai khiến nên không thoát được ưu bi khổ não. Chúng ta nay không nên học theo phàm phu, nên chánh quán các pháp. Chúng ta nên quán đúng như thật về các thọ.”

Bồ-tát quán như thật về thọ ấm, nghĩ thế này: “Phi ấm là thọ ấm. Từ tưởng nghĩ, phân biệt phát sinh, tương ứng với điên đảo, không có người thọ. Chỉ từ nghiệp nhân nơi đời trước sinh khởi, đời này duyên vào nên tự tánh của thọ vốn không, trong thọ không có tướng thọ.”

Bồ-tát quán rõ thọ ấm giống như bong bóng nước mưa, nổi lên liền tan không có nhất định. Thọ ấm cũng như vậy, theo thứ lớp nhân duyên phát sinh, theo các nhân duyên không có lúc dừng, hư dối không thật. Từ sự tưởng nghĩ tương ứng với điên đảo mà sinh khởi, Bồ-tát bấy giờ nghĩ thế này: “Phàm phu thật đáng thương xót, bị các thọ khống chế, vì không chánh quán thọ ấm nên được lạc thọ liền sinh tham đắm, bị khổ thọ cũng sinh đắm chấp, được bất khổ bất lạc thọ cũng sinh đắm chấp. Bị các thọ trói buộc mà giông ruổi qua lại, từ thân này đến thân khác nhận chịu sự trói buộc, trôi lăn trong năm đường, không lúc nào dừng nghỉ. Phàm phu này tham đắm nơi các thọ, bị thọ khống chế, bị thọ ràng buộc nên không thoát khỏi thọ ấm. Đối với thọ ấm không thấy nơi chốn xuất ly, không biết chánh quán thọ ấm nên không biết quán như thật về thọ ấm là vô thường. Ở trong thọ ấm bị dục nhiễm trói buộc, không biết tướng như thật của thọ ấm. Chúng ta ngày nay không nên học theo phàm phu, nên quán như thật nhận biết đúng về thọ ấm, tức thì quán như thật thọ ấm: ấm không là thọ ấm, ấm không thật là thọ ấm, ấm điên đảo là thọ ấm, ấm chẳng trụ là thọ ấm. Bấy giờ thấy tướng như thật của thọ ấm không có tác giả, không có người sai khiến, tạo tác, trong thọ ấm không thấy tướng thọ ấm. Quán thọ ấm như vậy không thấy thọ ấm ở trong, không thấy thọ ấm ở ngoài, không chấp trước thọ của ta, không chấp trước thọ của người. Biết thọ ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không có pháp nào có thể sinh thọ ấm. Chỉ theo nghiệp báo từ đời trước tương ứng với điên đảo mà gọi là thọ ấm. Thấy thọ ấm do nhân duyên hư vọng tiếp nối hiện hành. Bấy giờ, không tham, không thọ nhận, không chấp trước thọ ấm quá khứ;

không tham, không thọ nhận, không chấp trước thọ ấm hiện tại; không tham, không thọ nhận, không chấp trước thọ ấm vị lai. Người này ngay trong lạc thọ dứt bỏ kết ái, trong khổ thọ trừ bỏ kết giận dữ, trong chẳng khổ chẳng lạc thọ thấy biết kết vô minh, nên siêng năng tinh tấn. Bồ-tát bấy giờ tâm không sinh ái với lạc thọ. Nếu thọ khổ thọ, tâm không sinh giận dữ. Nếu thọ chẳng khổ chẳng lạc thọ, tâm không sinh si.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phạm phu phần nhiều đối với lạc thọ sinh tham ái, với khổ thọ sinh sân hận, đối với chẳng khổ chẳng lạc thọ sinh si mê. Vì ái, giận, si nên các phạm phu này càng chìm sâu vào tăm tối, không thể biết như thật về thọ ấm, cũng không biết tướng của ái, giận, si nên càng tham đắm ái, giận, si, cho đây là ta, đây là của ta, là bỉ, thử...

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong đó chánh quán về thọ ấm, không bị ái, giận, si dẫn dắt. Nếu ái, giận, si phát sinh liền có thể dứt trừ, hành theo chánh đạo. Ở trong lạc thọ dứt trừ kết sử ái, nên siêng năng tinh tấn. Trong khổ thọ dứt trừ kết sử giận, nên siêng năng tinh tấn. Ở trong chẳng khổ chẳng lạc thọ dứt trừ kết sử si, nên siêng năng tinh tấn, biết rõ tướng như thật của ba thọ. Bấy giờ, có chỗ thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, đều xa lìa, không còn đắm chấp. Xa lìa kết sử ái, xa lìa kết sử giận, xa lìa kết sử si. Khi các thọ sinh ra đều có thể thấy biết, biết như thật về thọ ấm là vô thường. Nếu có thể biết được như vậy rồi, thì ở trong thọ ấm dứt trừ dục nhiễm. Vào trong con đường dứt trừ dục nhiễm của thọ ấm, không bị các thọ ấm làm nhiễm ô. Bồ-tát này nếu chánh quán thọ ấm như vậy, là biết như thật về thọ ấm, biết thọ ấm tập, thọ ấm diệt, thọ ấm diệt đạo, sau đó mới biết như thật thọ ấm là tướng không sinh. Vì tướng thọ ấm không sinh nên thông đạt thọ ấm là vô tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát tướng ấm? Đại Bồ-tát khi chánh quán về tướng ấm, thấy tướng ấm đều do điên đảo sinh khởi, hư dối không chắc thật. Từ xưa đến nay là không tướng sinh, chỉ do nhân duyên hòa hợp và nghiệp lực từ đời trước sinh khởi, nên nghĩ thế này: Phi ấm là tướng ấm, ấm hư vọng là tướng ấm, ấm điên đảo là tướng ấm. Trong tướng ấm không có tướng

của tướng ấm. Ví như sau mùa Xuân mặt trời chiếu sáng, do danh tự cho nên nói là chiếu sáng. Tướng ấm cũng như vậy. Do tướng của thức nên gọi là tướng ấm. Phàm phu ở trong đó bị tướng hư vọng trói buộc, hoặc biết vui, hoặc biết khổ, hoặc biết không vui không khổ, biết lạnh, nóng, nam, nữ, biết năm đường sinh tử, biết hợp tan, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, biết tốt, biết xấu, biết có, biết không. Tướng nhận biết của phàm phu đều là hư vọng, điên đảo, thuộc các nhân duyên, chỉ giả gọi là tướng ấm, trong đó hoặc ở trong hoặc ở ngoài, hoàn toàn không có người tướng. Phàm phu bị tướng hư vọng trói buộc nên nhận biết về tham dục, sân giận, ngu si, biết vợ con. Phàm phu nương tựa vào tướng ấm này mà tham chấp nơi hư vọng. Do tướng ấm ấy nên giống ruổi qua lại, không thể quán như thật về tướng ấm là hư vọng. Phàm phu bị tướng mình, tướng người, tướng nam, tướng nữ trói buộc vào tướng ấm nên không thể thoát được. Tham đắm tướng ấm cho ngã là tướng ấm, ngã sở là tướng ấm. Chúng ta không nên học theo phàm phu.

Đại Bồ-tát chánh quán về tướng ấm như vậy. Trong tướng ấm thì tướng của tướng ấm đó không thể thủ đắc, như ánh sáng trong bóng sáng, tướng của bóng sáng là không thể thủ đắc. Bồ-tát thấy tướng ấm như tánh của ánh sáng, không tham, không thọ nhận, không đắm tướng ấm quá khứ, không tham, không thọ nhận, không đắm tướng ấm hiện tại, không tham, không thọ nhận, không đắm tướng ấm vị lai, không phân biệt mình, người, liền đi vào con đường diệt tướng thọ ấm. Hiểu rõ tướng ấm là vô sinh, không thấy chỗ đến, chỗ đi của tướng ấm, chỉ vì điên đảo tương ứng với nghiệp nhân nơi đời trước mà sinh khởi cùng duyên hiện tại trói buộc. Không ấm là tướng ấm, quan sát tướng ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, liền thấu rõ tướng ấm là không sinh, cũng không phân biệt tướng ấm diệt. Chỉ vì diệt tất cả tướng thọ ấm, cũng vì trú nơi sự thấy biết như thật. Khi Bồ-tát quán như thật về tướng ấm, xa lìa tất cả tướng về tâm đạo, cũng không trụ nơi tất cả tướng đạo, chỉ trụ nơi sự thấy biết tướng ấm. Cũng biết đúng như thật về tướng ấm, không tham đắm tướng ấm, quán sát như thật tất cả tướng ấm, biết như thật về tập diệt tận của tướng ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán về tướng ấm như

vậy thì xa lìa dục nhiễm của tướng ấm, cũng có thể hành đạo đoạn trừ dục nhiễm của tướng ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát về hành ấm?

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát hành ấm từ diên đảo sinh khởi nhớ tướng hư vọng, phân biệt, giả hợp mà có. Bấy giờ Bồ-tát hoặc thân, khẩu, ý hành đều quán bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã. Khi quán như vậy, nghĩ thế này: Phi ấm là hành ấm, ấm khổ là hành ấm, ấm do các nhân duyên sinh là hành ấm, ấm tượng là hành ấm. Các hành ấm không tăng, không giảm, không tích tập. Thân hành, khẩu hành, ý hành không có tác giả. Người trí không tham nhận hành ấm này. Vì sao? Vì các thân hành này không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở trung gian. Khẩu hành, ý hành cũng như vậy. Không ở trong ý, không ở ngoài ý, không ở trung gian. Trong hành ấm không có tướng của hành ấm. Vì sao? Vì hành ấm này do từ các nhân duyên diên đảo sinh khởi, hư dối không thật, do nghiệp báo của đời trước thấu tóm và cũng do nhân duyên đời này trói buộc, nên có chỗ hành, chỗ hành hiện có, hoặc thân hành, khẩu hành, ý hành, đều chẳng phải là hành chân thật. Là hành không thật có, là hành hư vọng, là hành diên đảo, cho nên nói phi ấm là hành ấm. Vì sao? Vì người trí không quyết chắc được tướng của hành ấm là thân hành, khẩu hành, ý hành, chỗ này, chỗ kia, hoặc trong, hoặc ngoài. Lại nữa, hành của thân khẩu ý hãy còn không thể quyết định được về hành tướng để có thể đạt được, có thể nêu bày, hướng chỉ là hành ấm mà có thể đạt được, có thể nêu bày? Cho nên nói không ấm là hành ấm.

Phàm phu khởi tướng diên đảo tham đắm nơi hành của thân khẩu ý, nhớ nghĩ, phân biệt cho là hành ấm, nên bị hành ấm trói buộc mà giống ruồi, qua lại. Phàm phu do diên đảo nên sinh khởi hành thân, khẩu, ý, sinh khởi rồi, lại quay về tham đắm. Không có pháp mà sinh tướng có pháp, không có ấm mà sinh tướng có ấm, vì hành diên đảo, tham đắm nên bị hành ấm trói buộc khiến qua lại trong năm đường. Thường lệ thuộc nơi hành của thân, khẩu, ý, không thể quán như thật về hành của thân, khẩu, ý, nên không thể quán như thật về hành ấm. Do nghiệp của thân, khẩu, ý sinh khởi các



hành, các phàm phu này vướng mắc nơi điên đảo, vì vướng mắc nơi pháp không chân thật, vì vướng mắc nơi hư vọng nên gọi là hành ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát ở trong đó chánh quán về các hành không có gốc rễ như vậy, yếu kém không lực, do các duyên hòa hợp nên có thể gọi là hành ấm, ở đây không có hành ấm chân thật, nên không ấm là hành ấm. Từ xưa đến này, không sinh là hành ấm, không tánh là hành ấm. Ba đời của các hành đều không thể thủ đắc. Khi không có chỗ trụ, các hành niệm niệm luôn sinh diệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát chánh quán hành ấm như vậy là không, là không thể thủ đắc, không có tướng bền chắc, cho đến mấy may cũng không thể thủ đắc, nên nghĩ thế này: “Các phàm phu ấy bị pháp không bền chắc trói buộc, bị hành ấm trói buộc, bị tham đắm trói buộc nên phát sinh hành của thân, khẩu, ý.” Cho ngã là hành, ngã sở là hành, khởi nghiệp như vậy là bị hành ấm trói buộc, không biết tánh của hành ấm nên nhập vào chốn vô minh si ám, ở trong các hành khởi tưởng cho là chân thật. Do điên đảo nên tham đắm nhận lãnh giữ lấy hành ấm. Người này vì tham đắm nhận lãnh giữ lấy hành ấm, nên hoặc khởi hành vui, hành khổ, hay khởi hành chẳng khổ chẳng vui.

Người này khởi hành vui xong, thân được vui vẻ, khởi hành khổ xong, thân bị khổ não, khởi hành chẳng khổ chẳng vui xong, thân được không khổ không vui.

Người này thân được vui sướng thì sinh ái, thân bị khổ thì sinh giận, thân được không khổ không vui thì sinh si.

Người ấy do ái, giận và si nên không thấy được lỗi lầm của các hành, không thể hành thân, khẩu, ý thanh tịnh. Người ấy do hành thân, khẩu, ý không thanh tịnh nên bị đọa trong đường không thanh tịnh là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc có khi được tạm sinh trong hàng trời, người, thì tham đắm nơi hành thân, khẩu, ý tức càng đắm chấp sâu nặng nơi hành ấm. Đại Bồ-tát nên chánh quán như vậy. Chúng ta nay không nên học theo phàm phu. Chúng ta nên hành thân, khẩu, ý thanh tịnh, không nên tham đắm nơi hành ấm, nên quán lỗi lầm của hành ấm, nên tìm đường ra khỏi hành ấm. Người quán sát như vậy gọi là “chánh quán như thật về hành ấm”, cũng gọi

là “chánh quán về hành ấm vô thường.” Ngay khi ấy, quán như thật về các hành, các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo, không thọ nhận, không tham, không vương các hành, cũng không tham, không vương nơi hành ấm.

Khi quán như vậy, là xa lìa tướng của hành ấm, cũng đi trên con đường không hành ấm, tức quán các hành là không, ở trong tất cả các hành sinh tâm sợ hãi, nhằm chán. Chỉ khởi hành thân, khẩu, ý thanh tịnh, trừ bỏ tướng hành, vì lìa tướng của hành ấm nên người này có chỗ đạt được của thân đều thanh tịnh. Vì sao? Vì người ấy thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh. Người ấy xa lìa tướng của hành ấm, hủy hoại các pháp và tướng căn bản. Khi chánh quán như vậy, thấy hành ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không thủ đắc tướng sinh nhất định của các hành, cũng không thủ đắc tướng diệt nhất định của các hành, tức quán các hành không có tướng sinh diệt, hết thấy các hành cũng không sinh diệt. Người này quán sát tất cả các hành không có tướng sinh diệt nên sinh tâm nhằm chán, thông đạt đúng đắn về tướng tập diệt của các hành. Tuy chứng đắc tướng vô sinh các hành nhưng vẫn khéo thông đạt tướng của các hành. Vì sao? Đây Bồ-tát Trì Thế! Vì hành ấm này không có tướng nhất định, giống như thân cây chuối không thể có tướng bền chắc. Tướng không bền chắc ấy cũng không thể thủ đắc. Hành ấm này cũng như vậy, không thể có được tướng bền chắc, tướng không bền chắc ấy cũng không thể thủ đắc.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát lựa chọn, tư duy nhập vào hành ấm như vậy.



## KINH TRÌ THẾ

### QUYỂN 2

#### Phẩm 2: NĂM ẤM (Phần 2)

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát chánh quán về thức ấm?

Đại Bồ-tát quán phi ấm là thức ấm, ấm điên đảo là thức ấm, ấm hư vọng là thức ấm. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì thức ấm này từ điên đảo sinh ra, hư vọng làm duyên trói buộc, theo nghiệp nơi đời trước mà có, là chỗ hệ thuộc nơi duyên hiện tại, thuộc về các nhân duyên, hư vọng không có thật, từ nghĩ tưởng, phân biệt dấy khởi, theo thức sinh ra, có đối tượng nhận biết của thức nên gọi là thức. Từ nghĩ tưởng, phân biệt theo giác quán mà sinh, giả mượn mà có, có đối tượng nhận biết nên thường gọi là thức. Do biết các vật, do khởi tâm nghiệp, do tư duy, các duyên sinh ra tướng, do khởi lên vô số tư duy, nên được gọi là thức ấm.

Do có chỗ nhận thức nên có hình tượng của thức sinh xuất, vì chỉ rõ về nghiệp của tâm, thấu tóm tư duy nên gọi là thức ấm, hoặc gọi là tâm, hoặc gọi là ý, hoặc gọi là thức, đều là do ý nghiệp phân biệt nên thuộc về thức ấm, hiện ra tướng thức, hành thức, tánh thức, nên gọi là thức ấm.

Như vậy, phi ấm là thức ấm, không sinh, không khởi, không tạo tác, chỉ do điên đảo tương ứng với duyên nơi hư vọng mà biết nên gọi là thức ấm. Vì sao? Vì thức ấm này từ các duyên sinh khởi, không có tự tánh, thứ lớp tiếp nối sinh khởi, từng niệm từng niệm sinh diệt. Thức này rốt cuộc không sinh tướng ấm.

Vì sao? Vì tướng sinh của thức ấm này là không thể thủ đắc, tướng nhất định cũng không thể thủ đắc. Vì tướng sinh không thể thủ đắc, tướng nhất định không thể thủ đắc, nên nguồn gốc vốn không thật có, vì tự tướng vốn không, vì sự bền chắc không thể thủ đắc nên người trí chánh quán thấu đạt phi ấm là thức ấm.

Phàm phu đối với phi thức ấm sinh tướng về thức ấm, do giác quán tướng nghĩ, phân biệt điên đảo, tương ứng với hư vọng nên bị trói buộc mà tạm gọi là thức ấm. Tham chấp thức ấm này, nương tựa nơi đối tượng nhận thức, nương tựa nơi thức chủng, hiện ra tư duy nên sinh khởi thức ấm. Người này với vô số phân biệt nên tham chấp nơi nội thức, tham chấp nơi ngoại thức, tham chấp nơi nội ngoại thức, tham chấp nơi thức xa, tham chấp nơi thức gần. Do tướng thức nên phân biệt sinh khởi thức ấm. Người này hoặc tâm, hoặc ý, hoặc thức do nhớ tướng, phân biệt giả hợp nên tạm gọi là tâm, là ý, là thức.

Biết vô số tướng của tâm sinh như vậy là phàm phu tham chấp nơi thức ấm, bị thức ấm trói buộc, do tâm ý thức hòa hợp mà sinh khởi các loại thức ấm, phân biệt việc hư vọng, vì là một tướng, vì tướng quyết định, nên có thể đạt được tâm ấy, ý ấy, thức ấy, nên có thể được phân biệt ái chấp. Người này nương tựa nơi thức ấm, cùng tham chấp nơi thức ấm sâu dày, nên cũng được thức ấm quá khứ tham chấp nghĩ là có, cũng được thức ấm vị lai tham chấp nghĩ là có, cũng được thức ấm hiện tại tham chấp nghĩ là có.

Các phàm phu ở trong các pháp thấy, nghe, hay biết, chấp trước nên có thức ấm, tham chấp tướng nghĩ là có. Người này tham chấp pháp thấy, nghe, hay biết nên bị thức ấm trói buộc, quý mến chỗ hiểu biết của mình. Do tâm ý thức hòa hợp trói buộc khiến giống ruồi qua lại, nghĩa là từ đời này đến đời khác, từ đời khác đến đời này đều bị thức ấm trói buộc nên không thể biết như thật về thức ấm. Thức ấm là hư vọng, không thật, tương ứng với điên đảo, vì thấy, nghe, hay biết mà sinh khởi, trong đó không có thức thật. Nếu không có thể thật quán như vậy hoặc khởi lên thức thiện, hoặc khởi lên thức bất thiện, hoặc khởi lên thức thiện, bất thiện. Người này thường hành động theo thức, không biết chỗ sinh của thức, không biết tướng như thật của thức.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong đó chánh quán như vậy, biết thức ấm là từ thức hư vọng sinh khởi. Nghĩa là trong pháp thấy, nghe, hay biết, các nhân duyên sinh khởi, vì không có pháp sinh pháp tướng, nên tham chấp nơi thức ấm.

Chúng ta không nên học theo phàm phu, chúng ta phải chánh quán như thật về thức, chánh quán như thật về thức ấm. Các Bồ-tát

này khi quán biết như thật thức ấm vốn hư vọng, không thật, từ xưa đến nay thường là không có tướng sinh, biết phi ấm là thức ấm, hình tượng ấm là thức ấm, huyền ấm là thức ấm. Cũng như thức của người huyền hóa, không ở bên trong, không ở bên ngoài, cũng không ở trung gian. Tánh của thức cũng như vậy, là tánh như huyền, duyên sinh, hư vọng, theo tưởng nghĩ, phân biệt mà sinh khởi, không thật sự có, như người máy bằng gỗ. Thức cũng như vậy, từ điên đảo sinh khởi, do nhân duyên hư vọng hòa hợp nên có. Khi quán như vậy, biết thức đều là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, biết tướng của thức như huyền, quán tánh của thức như huyền. Bấy giờ Bồ-tát nghĩ thế này: “Thế gian thật là cuồng si, nghĩa là từ nơi thức nghĩ tưởng phân biệt sinh khởi nơi thế gian, cùng tâm ý thức hòa hợp, ba cõi chỉ đều là thức. Tâm ý thức ấy cũng không có hình tướng, không có phương hướng, không ở trong pháp, không ở ngoài pháp. Phạm phu vì tương ứng với hư vọng trói buộc nên ở nơi thức ấm tham chấp cho là ngã hoặc ngã sở. Người này tham chấp thức ấm bên trong, tham chấp thức ấm bên ngoài, tham chấp thức ấm bên trong ngoài, tham chấp thức ấm nơi mình, nơi người. Người này quý trọng thức ấm, bị thức ấm ấy trói buộc, thọ nhận mùi vị của thức ấm, nói tướng của thức ấm, nghĩa là hoặc tâm, hoặc ý, hoặc thức hoạt động theo mùi vị ấy nên tham nhận thức ấm. Người này bị thức trói buộc, thức ấm hợp nên bị tâm ý thức dẫn dắt. Do sức nơi nhân duyên của tâm ý thức nên sinh ra phạm phu. Nếu tư duy thấp kém, chịu thân thấp kém. Nếu tư duy cao thượng, được thân cao thượng. Nếu tư duy trung bình, được thân trung bình. Người này tùy theo sức của tâm ý thức, sinh khởi nương tựa nơi các nhập, vì tham chấp thức ấm, nên không thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não.”

Bồ-tát ở trong ấy chánh quán như thật về thức ấm. Quán như thật tướng của thức ấm là vô thường, nên không tham, không đắm, không nghĩ về thức ấm quá khứ. Biết phi ấm là thức ấm, cũng không tham, không đắm, không nghĩ về thức ấm vị lai. Biết phi ấm là thức ấm, cũng không nương tựa nơi thức ấm hiện tại. Biết như thật thức ấm là tướng vô thường, biết như thật thức ấm là tướng sinh diệt. Nếu người chánh quán tư duy về thức ấm như vậy gọi là người chánh quán đi vào con đường của thức ấm. Nghĩa là biết như thật về thức,

biết như thật về thức tập, biết như thật về thức diệt, biết như thật về thức diệt đạo. Người này quán như thật về tướng tập diệt của thức ấm, có thể phá bỏ thức ấm, có thể đoạn trừ tất cả tướng. Biết tướng tập diệt của thức ấm, cũng là thấu rõ tướng tập diệt của thức ấm. Bồ-tát bấy giờ cũng không sinh thức ấm, cũng không diệt thức ấm, vì thức ấm này từ xưa đến nay không sinh. Khi quán như vậy không phân biệt tướng của thức diệt, thấu rõ tướng vô sinh của thức ấm. Vì sao? Đây Bồ-tát Trì Thế! Vì thức ấm này không sinh, không tướng, không thành, vì tánh của thức ấm này hư vọng nên nhập vào tướng vô sinh. Đây Bồ-tát Trì Thế! Thức ấm hoàn toàn không có tướng sinh diệt, vì tướng của thức ấm này từ các duyên sinh ra.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán pháp nhân duyên như vậy, nên biết. Phi ấm là thức ấm. Quán sát, tin hiểu, chứng biết, thông đạt các thức hiện có đều biết đúng như thật. Bồ-tát biết như thật về thức ấm nên phá bỏ tất cả pháp của đối tượng duyên, đối tượng nhận biết.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán thức ấm như vậy, biết thức ấm này không sinh, không tạo, không khởi, không nhận, không chỗ nhận, chỉ do các duyên sinh, các duyên hợp nên có. Duyên với pháp thấy, nghe, hay, biết nên bị buộc vào cái có, nhưng từ xưa đến nay rốt ráo là không. Khi quán thức ấm như vậy liền biết thức ấm là tướng không tạo, không khởi, không tham, không vướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán như vậy mà vào thức ấm. Nếu Bồ-tát có thể theo phương tiện nhập nơi năm ấm như vậy, có thể theo phương tiện chánh quán về năm ấm như vậy, đó là người thông đạt, đi vào tập diệt đạo của năm ấm, đều có thể đoạn trừ tướng của các ấm, biết chân thật về phương tiện của năm ấm. Do phương tiện này nên đối với năm thủ ấm không tham, không chấp, không buộc, không trói, biết như thật về tướng của sắc là vô thường. Bồ-tát này đối với sắc nếu có tâm dục nhiễm thì có thể đoạn trừ. Cũng biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, cũng biết như thật về tướng của thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nếu ở trong thọ, tưởng, hành, thức có tâm dục nhiễm thì có thể đoạn trừ. Bồ-tát ở trong năm thọ ấm vì đoạn trừ dục nhiễm nên tùy thuận, thông đạt, quyết định phương tiện của năm ấm. Khi quán như vậy thì có thể

biết rõ tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm?

Đại Bồ-tát quán chúng sinh ban đầu khi mới vào thai là Ca-la-la, năm ấm trước diệt, liền có năm ấm sinh. Từ đây trở đi quán tướng sinh diệt của năm ấm. Tuy thức trước diệt nhưng cũng biết tướng thức của năm ấm không đoạn diệt. Tuy nương tựa nơi Ca-la-la cũng biết năm ấm là không thường, không đến. Quán như vậy là quán tướng sinh diệt trong một niệm lúc mới vào thai của năm thọ ấm. Từ Ca-la-la cho đến lúc sinh ra và sau khi lớn lên, cho đến khi chết, quán tướng sinh diệt trong từng niệm của năm thọ ấm này. Như vậy là quán sát tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đây là tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm. Nghĩa là năm thọ ấm trước diệt, kế tiếp là không vật đến thai. Khi thức vừa mới hợp thì năm ấm liền có sinh diệt. Do năm thọ ấm của Ca-la-la mà tạm gọi là người. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì thức không có chỗ nương thì không thể trụ. Chỗ thức nương tựa là năm thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Lại nữa, tướng sinh diệt vi tế nơi năm thọ ấm của chư Thiên trong Vô sắc giới cũng nên biết như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm như vậy, trí tuệ của Bích-chi-phật còn không thể hiểu tới, huống gì là trí tuệ của Thanh văn. Chỉ có trí tuệ của chư Phật, Như Lai mới hiểu rõ năm thọ ấm. Tướng sinh diệt vi tế từ khi mới vào thai cho đến sinh nơi cõi trời Vô sắc thì các ấm sinh diệt trong từng niệm. Nghĩa là Nhất thiết trí tuệ xuất sinh trí tuệ của tất cả thế gian. Đại Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh đến cảnh giới của Phật tuệ. Người này tuy quán sát tướng vi tế của năm thọ ấm như vậy từ khi mới nhập thai cho đến sinh nơi cõi trời Vô sắc, nhưng cũng không thể biết rõ ráo như chư Phật đã biết.

Này Bồ-tát Trì Thế! Chư Phật Như Lai không theo trí tuệ khác mà tự nhiên chứng đắc phương tiện của Nhất thiết trí tuệ, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trí tuệ của chư Phật thông đạt khắp tất cả. Trí tuệ của chư Phật vô ngại, ở trong tất cả pháp đạt được trí tuệ quyết định, ở trong tất cả pháp đạt được sức tự tại. Vì

sao? Vì ở trong vô lượng, vô biên ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, chư Phật đã từng hành pháp thâm diệu.

Này Bồ-tát Trì Thế! Tất cả phàm phu không thể quán năm thọ ấm theo phương tiện như vậy, huống hồ là quán tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm. Vì sao? Vì các phàm phu không thể biết như thật về năm thọ ấm, phàm phu không biết thủ, không biết về thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sao gọi là thủ? Thủ là thủ của ngã, thủ của chúng sinh, thủ của kiến chấp, thủ của giới, thủ của năm ấm, thủ của mười tám tánh, thủ của mười hai nhân duyên, đó là thủ. Cho đến tất cả pháp hiện có hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, đó là thủ của dục, thủ của hữu, thủ của kiến, văn giác thức, thủ của ngã, thủ của ngã sở.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phàm phu đối với thủ hư vọng này không thấy, không biết, do nhân duyên điên đảo mà chấp thủ các pháp, nên họ bị chấp thủ trói buộc. Do vô minh làm nhân duyên chấp thủ các hành, các hành làm nhân duyên chấp thủ thức, thức làm nhân duyên chấp thủ danh sắc. Chúng sinh nhiễm chấp tướng thô của danh sắc nên hưởng đến các sắc, đó là sắc thủ, sắc hợp, sắc buộc và chấp thủ bốn ấm vô sắc là thọ, tưởng, hành, thức, phân biệt là danh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu không có chư Phật thì chúng sinh chắc chắn không thể thấy, không biết, không thể chánh quán được năm thọ ấm. Chư Phật xuất hiện ở thế gian phá trừ sự nương tựa của chúng sinh về sắc, phá trừ sự nương tựa của chúng sinh về thọ, tưởng, hành, thức, phá trừ sự hòa hợp nơi một tướng, nên chư Phật Như Lai phân biệt nói như vậy: Chỗ các ông nương tựa, chỗ các ông quy hướng, gọi là sắc, sắc đó chỉ do bốn đại hòa hợp. Thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh tự vì tướng của danh sắc thành tựu nên gọi là năm thọ ấm. Chúng sinh các ông chớ có tham chấp nương tựa vào năm thọ ấm không bền chắc này!

Này Bồ-tát Trì Thế! Vì sao Như Lai nói về thọ ấm?

Này Bồ-tát Trì Thế! Người phàm phu này từ điên đảo sinh ra, nhập vào lưới vô minh, giông ruổi qua lại không biết hướng đến chỗ nào. Tham thọ tướng của năm thọ ấm nên nghĩ thế này: “Ta nương tựa vào đây sẽ được an vui.” Người này do tưởng lạc mà tham nương vào năm ấm, do tưởng khổ, tưởng chẳng khổ chẳng lạc mà tham



nương vào năm ấ. Chỗ người phạm phu quay về nương tựa, đó là năm ấ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các phạm phu từ khi sinh ra đến nay do tối tăm nên không biết năm ấ chính là những gì, không biết năm ấ từ chỗ nào đến, vì không biết như thật về năm ấ, tham thọ năm ấ cho nên gọi là thọ ấ.

Ở trong đó ai là người thọ? Trong đó, người thọ không thể thủ đắc nhưng vì điên đảo tham chấp, hư vọng phân biệt, mà tự trói buộc nơi vô minh si ám, chấp thủ ngã, ngã sở, chấp thủ bỉ, thử, nên gọi thọ ấ là năm ấ. Không có người thủ, cũng không có tướng quyết định, cho nên người trí biết phi ấ là năm thọ ấ, ấ điên đảo là năm thọ ấ, ấ vô minh là năm thọ ấ. Phạm phu bị trói buộc ở nơi đó, tham nương vào năm thủ ấ. Do tham nương vào đó nên không biết những gì là thủ, những gì là thủ ấ. Chỉ vì tham chấp về năm ấ nên qua lại trong sinh tử. Vì tham chấp năm ấ này cho nên bị giống ruồi trong các cõi. Tham về những gì? Tham chấp về chỗ thấy, nghe, tham chấp về biết, thức, ái, vô minh. Các phạm phu này bị ái trói buộc, tham ái năm thọ ấ, bị các triền cái che lấp nên chìm vào vô minh tăm tối, không biết, không giác ngộ. Nay chúng ta tham chấp chỗ nào? Chỗ nào trói buộc? Do không biết nên qua lại trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Vì tham chấp sinh tử, không chịu buông bỏ nên bị sinh tử trói buộc, không đoạn trừ năm ấ, cũng không thể biết tướng như thật của năm ấ. Vì không biết như thật nên bị các khổ não làm hại, đọa mãi trong ngục Hư không, không biết đường nào ra. Vì người này không thấy đường ra, nên ở trong đường sinh tử từ vô thủy chịu các sinh tử, nên không thể thoát được sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, cũng không vượt qua được vô lượng đường hiểm của sinh tử, cũng không thể thoát được vô số khổ lớn, rồi trở lại hưởng tới khổ, tham chấp nơi khổ, bị khổ sai khiến. Những gì là khổ? Năm thọ ấ là khổ. Khi sinh thì khổ về sinh, khi diệt thì khổ về diệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta do nhân duyên này nên nói pháp cho các đệ tử: “Này các Tỳ-kheo! Phải chánh quán về sắc ấ. Cũng phải biết như thật về tướng của sắc là vô thường. Các ông nếu đối với sắc mà có dục nhiễm thì phải mau chóng đoạn trừ. Các ông nên

chánh quán về thọ, tưởng, hành, thức. Cũng nên biết như thật về tướng thọ, tướng, hành, thức là vô thường. Nếu đối với thọ, tướng, hành, thức mà có dục nhiễm thì phải mau chóng đoạn trừ. Đoạn trừ dục nhiễm nên tâm được giải thoát chân chánh.”

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người nào hiểu nghĩa pháp của ta đã thuyết giảng, có thể y theo lời thuyết giảng này mà tu hành thì sẽ thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não. Nếu người nào không thể theo như lời thuyết giảng mà tu hành thì sẽ bị sắc trói buộc, bị ái trói buộc, rơi vào vô minh tối tăm giữ năm ấm. Người này vì tham giữ nơi năm ấm nên không thể thoát khỏi con đường hiểm sinh tử.

Này Bồ-tát Trì Thế! Vì nghĩa này nên ta nói thế gian cùng tranh chấp với ta, chứ ta không tranh chấp với thế gian. Những gì là thế gian? Đó là tham chấp nơi năm thọ ấm, bị lệ thuộc thế gian. Người này tham về năm ấm, bị năm ấm trói buộc, không biết tánh của năm ấm, không biết tướng của năm ấm là không nên tranh chấp với ta. Người này làm trái nghịch với lời Phật dạy, tranh chấp với Phật nên rơi vào sự suy não lớn.

Nếu người nào ngay khi Phật còn tại thế hay sau khi Phật đã diệt độ, có thể quán năm thọ ấm là hư vọng, là không có thực, từ vô minh tối tăm điên đảo sinh khởi, vọng tưởng hư dối, chỉ lừa dối phàm phu, không phải năm ấm cho là năm ấm. Người như vậy không tranh luận với Phật. Người không trái lời Phật dạy sẽ được thoát khỏi mọi khổ não nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Chư Phật không tranh chấp với người đời, dứt trừ tất cả mọi sự tranh tụng, đó là Phật. Chỉ diễn nói pháp thật cho chúng sinh, nêu dạy thế này: “Những điều các người giữ lấy trước kia đều là điên đảo. Tất cả chúng sinh do sức của điên đảo nên tham chấp về năm ấm, qua lại trong thế gian. Người này tham chấp về năm ấm rồi, phát sinh vô số tà kiến, tham chấp vô số danh tự, tham chấp vô số ưu bi khổ não. Người này bị vô số tà kiến phiền não, vô số ưu bi khổ não tàn hại, không thể làm người cứu hộ, làm nhà cửa, làm chỗ nương tựa, làm chỗ quy hướng. Chỉ có Phật mới có thể làm người cứu hộ. Phàm phu tâm hẹp hòi, trí tuệ kém nên tham đắm nơi dục, nương tựa nơi năm ấm nhiều lỗi lầm. Phàm phu này

tranh cãi với người cứu hộ, người khiến cho tất cả quay về, người làm chỗ nương tựa, người giải thoát tất cả khổ não!

Này Bồ-tát Trì Thế! Nay ta đưa cánh tay lên, người ấy có thể tìm thấy được năm ấm, thấy tướng năm ấm, tham chấp năm ấm, ta chắc chắn không làm thầy người đó, người đó cũng chẳng phải là đệ tử của ta, không theo ta xuất gia, không theo ta tu hành, không quy y ta. Người này vào đường tà, vào đường hư vọng, người chấp thủ điều chẳng thật, đó là người điên đảo không biết ý Phật, không biết Phật tùy nghi thuyết giảng năm ấm, không biết về Đệ nhất nghĩa của Phật. Người này không lãnh thọ lời Phật dạy, không xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường mà lại nhận. Người này xuất gia ta còn không cho, huống là sẽ được nhận sự cúng dường của người. Vì sao? Vì người như vậy là bè nhóm của ngoại đạo, nghĩa là người sinh ra tướng của năm ấm, người tham chấp, quy hướng về năm ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Năm trăm năm về sau trong đời vị lai, khi chánh pháp sắp diệt, những người xuất gia trong giáo pháp của ta, phần nhiều sinh tướng năm ấm này, quyết định nói về tướng của năm ấm, tham chấp sâu dày nơi năm ấm, đi vào đường tà hư dối, ở trong pháp của ta được xuất gia khoác ca-sa, thường ưa tới lui nhà bạch y, nên biết người này cùng với ngoại đạo không khác, phần nhiều cũng nhờ nơi pháp của ta nên được nhiều người cung kính cúng dường. Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nói đó là người thấy chấp về năm ấm, chắc chắn nói tướng của năm ấm, tham vướng nơi năm ấm, không thọ nhận của người một chén nước. Vì sao? Vì những người ấy đối với pháp của ta cho đến chẳng có được một pháp Nhẫn nhu thuận. Người ấy trái ngược với pháp của ta, trái bỏ hạnh Thánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát nơi đời xấu ác sau này, nên phát đại thệ nguyện như vậy: Đối với kinh điển thâm diệu như vậy của ta phải cùng nhau hộ trì, cũng đoạn trừ kiến chấp về năm ấm của chúng sinh để thuyết pháp cho họ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Trong kinh này ta nói về sự phá trừ tất cả tướng của ấm, lìa tham chấp nơi tướng của ấm.

Bấy giờ có nhiều người tại gia, xuất gia nghe những kinh như vậy, phát sinh tranh cãi về thật tướng không sinh. Đại Bồ-tát ở trong đó nên phát đại thệ nguyện: “Chúng ta ở nơi đời ác sau này luôn tạo

lợi ích cho các chúng sinh tà kiến, tham đắm nơi năm ấm. Nghĩa là độ thoát cho chúng sinh tham đắm vào năm ấm, tùy thuận nơi phương tiện dùng pháp làm lợi ích.”

Thế nên, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát nếu muốn hiểu rõ về thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ về chương cú của các pháp, muốn đạt được niệm lực, muốn được chuyển thân thành tựu niệm không gián đoạn, cho đến đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên thường quán tưởng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng hư vọng, tướng không bền chắc, tướng rớt ráo không, tướng từ xưa đến nay không sinh của năm thứ ấm này. Khi thường chánh quán trong năm thọ ấm, thì tất cả dục nhiễm hiện có liền có thể đoạn trừ, cũng đạt được phương tiện trong những pháp sâu xa như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Trong quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Phật hiệu Đại Ý Sơn Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiệt Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Đại Ý Sơn Vương này có tám mươi ức na-do-tha chúng Thanh văn đều là A-la-hán, đã dứt hết các lậu và tám mươi ức na-do-tha học địa A-na-hàm, bốn mươi ức na-do-tha các Đại Bồ-tát. Phật Đại Ý Sơn Vương này thọ tám mươi vạn tuổi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bảy giờ có vua tên là Đức Ích. Vua Đức Ích này có hai vạn đại thành, dân chúng đông đúc, giàu có an vui. Thành đó có bảy lớp, ngang dọc mười hai do-tuần, đều dùng bốn thứ báu để xây nên. Có bảy lớp hào, đều có lan can, có bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh và các màn lưới báu trùm khắp bên trên. Các cây nơi hào thành và các màn lưới bao phủ ở trên đều dùng bốn thứ báu: vàng ròng, lưu ly, xa cừ, mã não hợp lại để tạo thành. Mỗi một thành lớn có năm trăm vườn rừng, đều có vỏ cây bảy báu đầy khắp trong đó. Mỗi một vườn rừng đều có năm trăm ao báu, tràn đầy nước tám công đức.

Này Bồ-tát Trì Thế! Vua Đức Ích này có tám vạn thể nữ, đại phu nhân của vua có hai người con: người thứ nhất tên Vô Lượng Ý, người thứ hai tên Vô Lượng Lực.

Này Bồ-tát Trì Thế! Hai vương tử này đều mười sáu tuổi, trong giấc mơ thấy Phật đoan nghiêm như ngọn cờ vàng Diêm-phù-đàn không gì có thể sánh bằng, nên đều rất hoan hỷ. Sau khi thức giấc, cả hai vương tử đều nói kệ.

Người thứ nhất nói:

*Con nay mộng thấy Nhị Túc Tôn  
Tướng kim sắc trăm phước trang nghiêm  
Thành tựu vô lượng các công đức  
Thấy xong, trong tâm rất hoan hỷ.*

Người thứ hai nói kệ:

*Mộng thấy Phật sáng như mặt trời  
Đẹp đẽ đoan nghiêm, rất tôn quý  
Cũng như Tu-di vua các núi  
Cao vời rực rỡ thấy hoan hỷ.*

Này Bồ-tát Trì Thế! Ngay khi ấy, hai Vương tử Vô Lượng Ý và Vô Lượng Lực cùng đi đến chỗ cha mẹ thưa đầy đủ việc này: “Kính thưa cha mẹ! Hôm nay hai anh em chúng con trong giấc mơ được thấy Phật. Cúi xin cha mẹ cho phép chúng con cùng đi đến chỗ Phật, vì rất lâu xa Phật mới xuất hiện ở đời, chúng con do buông lung nên không thể biết rõ, chìm đắm trong bùn năm dục, bị sắc trói buộc, bị thọ, tưởng, hành, thức trói buộc. Chúng con tại gia do phóng dật nên không thể gặp Phật.”

Này Bồ-tát Trì Thế! Hai vương tử này thưa với cha mẹ việc như vậy xong, liền đi đến chỗ Phật Đại Ý Sơn Vương. Khi đến nơi, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường bốn sự: y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men trong ba tháng. Phía bên đại thành trang nghiêm, nơi vườn rừng vua Đức Ích thường dạo chơi được trang trí treo giăng cờ phướn, lọng báu, lụa màu, dùng các thứ hoa đẹp che phủ mặt đất, thỉnh Phật và chư Tăng đến ở nơi đó, trong ba tháng, hai vương tử dùng tất cả những vật dụng tạo an vui cúng dường Phật và chúng Tăng. Cúng dường xong hai vương tử cùng xin xuất gia trong pháp Phật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Đại Ý Sơn Vương biết sở nguyện nơi thâm tâm của hai vương tử ấy nên vì họ thuyết giảng kinh năm ấm,

mười hai nhập, mười tám tánh phương tiện Bồ-tát. Trong bốn vạn năm hoàn toàn không ngủ nghỉ, thường không ăn nhiều, cũng không nằm nghiêng, chỉ hoặc ngồi, hoặc kinh hành. Lại trong bốn vạn năm không nghĩ đến việc khác, chỉ nghĩ về tướng của năm thọ ấm là không, là hư vọng. Biết năm thọ ấm này từ diên đảo sinh khởi, thấu rõ tướng của năm thọ ấm này rồi thì trong suốt thời gian thọ mạng thường tu phạm hạnh, sau khi mạng chung, liền được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Phật diệt độ rồi, được sinh trở lại nơi nhà đại cư sĩ trong cõi Diêm-phù-đề, đến năm mười sáu tuổi lại mộng thấy Phật, được Phật thuyết giảng kinh năm ấm, mười tám tánh phương tiện Bồ-tát này. Nghe pháp ấy xong rất kinh sợ và liền giác ngộ. Lại ở trong pháp Phật, mãn một vạn năm thường tu phạm hạnh, cũng lại theo phương tiện quán sâu xa về kinh năm thọ ấm, mười hai nhập, mười tám tánh phương tiện hành hóa của Bồ-tát này, mạng chung được sinh lên cõi trời Đao-lợi, khi thọ mạng nơi cõi trời hết, sinh vào nhà thuộc tộc họ Bà-la-môn lớn ở cõi Diêm-phù-đề. Trong một ngàn năm sau thời mạt pháp của Phật Đại Ý Sơn Vương, hai người này do nhân duyên xưa nên lại được xuất gia, học vấn rộng khắp, trí tuệ như biển, cũng khéo quán sát phân biệt về tánh của năm ấm, vào pháp thông suốt như thật, ngay trong đời ấy, giáo hóa hai vạn người và hai mươi ức chư Thiên đến với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Hai vị Bồ-tát này từ đây trở về sau, đời đời cùng một lòng, cùng được gặp mười ức na-do-tha Phật, sau đây đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Được pháp nhẫn rồi, lại được gặp một ức na-do-tha Phật và sau cùng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng trong một kiếp, hai vị này lần lượt thành Phật, người thứ nhất hiệu là Vô Lượng Âm, người thứ hai hiệu là Vô Lượng Quang.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nên, Đại Bồ-tát nếu muốn mau chóng chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải ở trong pháp thanh tịnh không nhiễm này siêng năng tu tập về tánh ấm nhập ấy và thuyết giảng về thật tướng của tri kiến trong các pháp hữu vi khác.

## M

## Phẩm 3: MƯỜI TÁM TÁNH

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát biết rõ về mười tám tánh?

Các Đại Bồ-tát theo phương tiện chánh quán về mười tám tánh nghĩ thế này: Trong cảnh giới của nhãn tánh, thì nhãn tánh không thể thủ đắc. Nhãn tánh này là không ngã, không ngã sở, không thường, không bền chắc, vì tự tánh vốn không, vì trong nhãn tánh, tướng của nhãn tánh là không thể thủ đắc. Nhãn tánh hư vọng, không thật có, từ nhớ tưởng phân biệt sinh khởi. Nhãn tánh không có tướng nhất định. Tánh hư không là nhãn tánh. Ví như hư không không có tướng nhất định, không có gốc rễ, nhãn tánh cũng như vậy, không có tướng nhất định, cũng không có gốc rễ.

Vì sao? Vì trong nhãn tánh, thật sự là không thể thủ đắc. Nhãn tánh không có nơi chốn, không có phương hướng, không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Nhãn tánh không có tướng nhất định vì không có sự việc. Sự việc của nhãn tánh là không thể thủ đắc, do các nhân duyên sinh khởi nên nhãn tánh không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn tánh, nhãn tướng đều không thể thủ đắc. Nhãn tánh chỉ do nghiệp báo nơi đời trước, vì thuộc duyên hiện tại nên được gọi là nhãn tánh. Nhãn tánh tức là vô tánh. Trong nhãn tánh, nhãn tánh là không thể thủ đắc, do nhận biết về hành xử nên gọi là nhãn tánh.

Nếu nhãn căn thanh tịnh, sắc ở chỗ có thể thấy được, tương ứng với ý căn, vì ba sự hòa hợp nên gọi là nhãn tánh. Trong nhãn tánh không có tướng nhãn tánh nhất định. Người trí hiểu rõ không nhãn tánh là tánh của nhãn tánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát nếu có thể quán sát nhãn tánh như vậy, liền thông đạt vô tánh là sắc tánh. Vì sao? Vì trong sắc tánh, sắc tánh là không thể thủ đắc. Sắc tánh này không hợp, không tan. Sắc không có tướng nhất định nên gọi là sắc tánh. Sắc không có cội rễ, không phân biệt, hướng hồ là sắc tánh. Sắc tánh tức cũng không căn bản. Sắc tánh không ở trong sắc, không ở ngoài sắc,

không ở trung gian, chỉ do nhớ tưởng, phân biệt. Sắc ở chỗ có thể thấy nhãn căn thanh tịnh do ý thức tương ứng, thấy sắc hiện tại nên thường gọi là sắc tánh. Ví như dáng mặt trong gương, nếu gương trong sáng thì dáng mặt hiện rõ. Dáng mặt trong gương không có tướng nhất định. Trong gương không có người nhưng thấy có dáng người là chỉ do bên ngoài có nên mới hiện lên dáng người trong gương. Nhãn tánh thanh tịnh như vậy duyên với sắc tánh ở chỗ có thể thấy, như hình tượng trong gương nên gọi là sắc tánh. Sắc không có tánh tướng, không hình tánh, không tánh nhất định, đó gọi là sắc tánh. Tướng của các sắc vô ngã nên gọi là sắc tánh, vì tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh nên nói là sắc tánh. Nếu Bồ-tát nhận biết sắc tánh này, liền biết vô tánh là sắc tánh, tánh vô sinh là sắc tánh, tánh vô tác là sắc tánh. Vì sao? Vì sắc tánh này không có quá khứ, vị lai, hiện tại, là tánh vô sở hữu, là tánh hư vọng, là tánh giả danh, nên gọi là sắc tánh.

Quán sát sắc tánh như vậy, Bồ-tát này chánh quán về tánh của nhãn thức. Nghĩa là không có nhãn thức trong nhãn thức, không có tánh của nhãn thức, không có tánh thường. Tánh của nhãn thức không có nguồn gốc, là pháp không nhất định, tánh của nhãn thức không chỗ hiện bày. Tánh của nhãn thức này không hợp, không tan, không có căn bản, chỉ do nhân duyên nghiệp báo từ đời trước sinh khởi, thuộc duyên của hiện tại trói buộc vào duyên của sắc nên gọi là tánh của nhãn thức. Vì tùy theo tâm điên đảo của phàm phu nên thường gọi là tánh của nhãn thức.

Hiện thánh thông đạt tánh của nhãn thức tức là phi tánh. Vì sao? Vì tánh của nhãn thức không nhất định, từ các duyên sinh ra, vì thuộc các nhân duyên nên thường gọi là tánh của nhãn thức. Chỗ hành xứ của thức là tánh của nhãn thức, vì thức này không nhất định, nên nói là tướng không nhất định, không sinh, vì chỉ bày hư vọng, vì có thể phân biệt sắc tướng, vì có thể nêu rõ các duyên nên nói là tánh của nhãn thức. Tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh nên Như Lai theo phương tiện phân biệt, phá trừ một tướng hòa hợp, nên nói mười tám tánh này là để chỉ rõ thức không có tướng nhất định. Chỉ có mắt thanh tịnh mới có thể nhận biết về sắc tướng, vì hai pháp hòa hợp nên nói tánh của nhãn thức. Vì chỉ rõ thật tướng của nhãn thức



nên nói tánh của nhãn thức. Tánh của nhãn thức chỉ ra chốn hành hoạt của mắt, có thể biết sắc là nhãn thức, nên nói tánh tức là vô tánh. Vì sao? Vì trong tánh của nhãn thức, người trí tìm tướng của tánh của nhãn thức là không thể thủ đắc. Trong tánh của nhãn thức cũng không tìm được nguồn gốc của tánh nhãn thức. Vì sao? Vì tánh không nhất định là tánh của nhãn thức, tánh của nhãn thức chỉ giả danh mà nói. Nói về tánh tức là nói nghĩa không thể nắm giữ, có thể có chỗ nhận biết là nhãn thức, ý nghiệp sinh khởi là tướng nhãn thức, nên gọi là nhãn thức.

Nhãn tánh, sắc tánh, nhãn thức tánh, nói ba sự hòa hợp vì biết tướng của các duyên, tức là lìa nghĩa của các tánh. Nghĩa là nêu rõ về nhãn tánh, sắc tánh, nhãn thức tánh có các thứ như vậy, để làm cho chúng sinh đi vào con đường chân thật, trong đó thật sự không có nhãn tánh, sắc tánh, nhãn thức tánh. Các Đức Như Lai theo phương tiện nói là thấy biết về các tánh tướng, phân biệt nói là các tánh. Nếu người nào thông đạt phương tiện của các tánh này thì biết ba tánh là vô tánh. Vì sao? Vì trong các tánh không có tánh tướng, nên tướng trong các tánh là không thể thủ đắc. Nhĩ tánh, thanh tánh, nhĩ thức tánh; tỷ tánh, hương tánh, tỷ thức tánh; thiệt tánh, vị tánh, thiệt thức tánh; thân tánh, xúc tánh, thân thức tánh cũng đều như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán sát, lựa chọn ý tánh? Bồ-tát nghĩ thế này: Ý tánh không nhất định, vì nguồn gốc là không thật có. Trong ý tánh không có ý tánh, không có tánh quyết định là ý tánh. Ví như các hạt giống được gieo trồng nơi đại địa, nhờ tưới nước, nhờ ánh sáng của mặt trời, nhờ không khí, dần dần nảy mầm, mầm không từ hạt giống sinh ra, hạt giống cũng không cùng với mầm hòa hợp. Mầm sinh thì hạt giống hoại, hạt giống không lìa mầm, mầm không lìa hạt giống, trong mầm không có hạt giống. Ý tánh cũng như vậy, có thể khởi sinh ý nghiệp, có thể hiện bày ý thức, như hạt giống hiện bày ra mầm nên được gọi là ý tánh. Lìa ý tánh thì không có ý, ý tánh không thể biết ý, vì tạm mượn danh tự mà nói là ý tánh. Ý tánh này không ở trong ý, không ở ngoài ý, không ở trung gian, chỉ do nhân duyên của nghiệp báo nơi đời trước nên sinh khởi.

Vì thức là ý nghiệp, vì biết đối tượng duyên, vì danh tự của các

tánh hòa hợp, vì các duyên hiện tại sinh khởi nên thường gọi là ý tánh, tức là tướng của ý nghiệp không nhất định, là tướng hòa hợp của các duyên, nên cũng nói ý tánh từ hòa hợp sinh khởi, tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh. Trong Đệ nhất nghĩa không có ý tánh. Vì sao? Vì nguồn gốc là không thật có, nên vô sinh là ý tánh, vì sinh vốn là vô sở hữu. Ý tánh tức là lời thế tục, trong Đệ nhất nghĩa không có ý tánh, quá khứ, vị lai, hiện tại đều không thể thủ đắc. Người trí thông đạt nên biết vô tánh là ý tánh.

Các Bồ-tát quán chọn về pháp tánh, biết vô tánh là pháp tánh. Pháp tánh không có tự tánh, tự tánh không thể thủ đắc. Tánh không nhất định là pháp tánh, vì nguồn gốc của pháp tánh là không thể thủ đắc, vì sự nhất định cũng không thể thủ đắc. Chỉ vì chúng sinh khởi điên đảo, hư vọng trói buộc, vì có chỗ nhận biết nên nói là pháp tánh. Vì muốn làm cho chúng sinh nhập nơi vô tánh nên nói là pháp tánh. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có tướng pháp tánh. Pháp tánh này từ các duyên sinh ra, pháp từ các duyên sinh ra tức không tự tánh. Nơi các nhân duyên không có tự tánh, các nhân duyên đều từ các duyên hòa hợp nên nối tiếp sinh ra. Như Lai ở trong đó muốn giáo hóa chúng sinh nên nói là pháp tánh, dùng lời nói của thế tục để chỉ rõ về pháp vô tánh. Pháp tánh này không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian, chỉ làm cho chúng sinh thấy biết pháp thiện, bất thiện. Dùng pháp tánh để nêu rõ việc xa lìa tướng của tất cả pháp, vì thấy biết rõ ràng về tướng không. Nói rõ ràng không tức là pháp tánh. Vì sao? Vì vô sở hữu là pháp tánh, trong pháp tánh không có tướng nhất định. Ví như hư không không có tướng nhất định, nên thường gọi là hư không. Pháp tánh cũng như vậy, không có tướng nhất định, vì để mở bày về pháp tướng nên gọi là pháp tánh, pháp tánh tức là vô tánh. Vì sao? Vì pháp tánh này không ở quá khứ, không ở vị lai, không ở hiện tại, chỉ thuộc duyên hợp cùng các duyên nên thường gọi pháp tánh. Nói pháp tánh là tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh. Người trí chứng biết vô tánh là pháp tánh. Pháp tánh chẳng phải hợp, chẳng phải tan. Trong pháp tánh không có tướng pháp tánh, không nhiều, không ít, vì để chỉ bày phương tiện của tánh nên nói pháp tánh gọi là tánh. Nếu hành giả thật sự thông đạt tướng của pháp tánh này liền thấy biết là vô tánh. Pháp tánh trong ba cõi

này không có tướng phân biệt. Do các nhân duyên hòa hợp, do phân biệt các pháp nên nói là pháp tánh. Chỉ rõ tánh không nhất định là pháp tánh. Người trí không dùng tướng của pháp tánh để thấy pháp tánh. Pháp tánh là tướng vô sinh. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có tướng. Người trí thông đạt vô tướng là pháp tánh. Nơi pháp tánh không có tướng phân biệt, vì không tướng, không phân biệt nên gọi là pháp tánh. Trong pháp tánh không có trụ xứ, không xứ, không khởi, không trụ, không nương tựa là pháp tánh, vì từ xưa đến nay không sinh. Pháp tánh này không có người sinh. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có tánh. Lại nữa, pháp tánh không do hòa hợp mới có, không hợp, không tan, không tạo tác, không nhất định, đó gọi là pháp tánh.

Đại Bồ-tát quán sát pháp tánh như vậy, tức biết vô tánh là pháp tánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát ý thức tánh?

Đại Bồ-tát nghĩ thế này: Tánh bất sinh là ý thức tánh, tánh không nhất định là ý thức tánh. Ý thức tánh không nguồn gốc, không có pháp nhất định, dùng ý thức tánh chỉ rõ về tướng vô tánh. Vì sao? Vì trong ý thức tánh, tánh ý thức là không thể thủ đắc. Tánh ý thức này hư vọng không sở hữu, tương ứng với điên đảo, lấy ý làm đầu, do biết các pháp nên gọi là ý thức. Vì tùy theo chỗ hành của phàm phu nên gọi là ý thức tánh.

Hiền thánh quán biết phi tánh là ý thức tánh, hư vọng, không sở hữu là ý thức tánh. Nhưng vì chỉ rõ về pháp nhân duyên, vì lấy ý đứng đầu, vì biết các duyên hòa hợp nên nói là ý thức tánh. Tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh nên nói như vậy.

Người trí biết phi tánh là ý thức tánh, từ các duyên sinh ra, do nhớ tưởng phân biệt khởi lên, không có tánh tướng. Tức là ở trong Độ nhất nghĩa không có nghĩa của tánh, tướng. Để hướng dẫn chúng sinh trong pháp thế tục nên nói là ý thức tánh. Muốn làm cho chúng sinh biết: Vô tánh là ý thức tánh, chỉ vì để tiểu pháp hoại lia các tánh nên nói là ý thức tánh. Vì sao? Vì Thánh nhân tìm cầu tánh ý thức là không thể thủ đắc. Ý thức tánh không ở trong tánh ý thức, không ở ngoài tánh ý thức, không ở trung gian. Người trí thông đạt

tánh bất hợp là ý thức tánh. Ý thức không thể biết ý tánh, ý tánh không biết ý thức. Chỉ do các duyên sinh ra, từ điên đảo khởi lên do ý làm chủ.

Biết các duyên vì hai việc hòa hợp, vì vướng mắc nơi hư vọng, từ giác quán khởi sinh vì chỉ bày tướng thức cho chúng sinh nên nói là ý thức tánh. Ý thức này không ở quá khứ, không ở vị lai, không ở hiện tại, ý thức này không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không có trú xứ. Từ xưa đến nay, ý thức không có tướng sinh, trong ý thức không có nguồn gốc pháp định. Vì sao? Vì tánh tướng của ý thức này tức không có hai tướng, tức là vô tướng, vì tướng ấy không do hai tướng mà có. Tánh không chỉ rõ được là ý thức tánh. Người trí thông đạt tánh của ý thức như vậy, ý thức tánh này không ở trong tất cả pháp, không nơi chốn, không phương hướng, không cùng với pháp hoặc hợp, hoặc tan.

Thánh nhân thông đạt tướng bất sinh là ý thức tánh. Ý thức tánh này không đến, không đi, không duyên. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa, ý thức tánh không duyên, không thể thủ đắc, không thể chỉ bày. Người trí thông đạt ý thức tánh không tạo tác là ý thức tánh, vì không thể tìm được tác giả; vô sinh là ý thức tánh, vì tướng sinh là không chỗ thủ đắc.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát về ý thức tánh như vậy. Khi các Bồ-tát khởi quán này, quán chọn Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều là tánh không sinh, là tánh vô sở hữu.

Thế nào là quán? Nghĩa là trong Dục giới không có Dục giới, trong Sắc giới không có Sắc giới, trong Vô sắc giới không có Vô sắc giới. Dùng giới để chỉ bày về pháp không giới. Vì người chấp giữ tướng Dục giới thì chỉ bày Dục giới, người chấp giữ tướng Sắc giới thì chỉ bày Sắc giới, người chấp giữ tướng Vô sắc giới thì chỉ bày Vô sắc giới, vì dựa vào giới mà nói không giới. Như chỗ biết rõ của người trí giới không thật có là ba cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc. Người trí không thủ đắc về ba cõi, vì Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều không có nguồn gốc, không có pháp nhất định, chỉ từ các duyên sinh khởi, nên người trí thấy biết vô giới là tam giới, trong đó không có tướng của giới. Tam giới này đều hư vọng hợp với hành điên đảo. Vì sao? Vì người trí không chấp nơi tam giới này, không thuyết tam giới

hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại. Hiền thánh thông đạt tam giới này là hư vọng, vô sở hữu, vô tự tánh, xa lìa các pháp, chỉ từ điên đảo khởi lên. Vì dứt trừ điên đảo cho chúng sinh, vì thấy biết về tam giới nên Như Lai phân biệt nói về tướng của tam giới, muốn làm cho chúng sinh biết về nghĩa của không giới nên nói tam giới không phải do tánh tướng mà có. Người trí thấy biết tướng của tam giới là tướng không giới.

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Đại Bồ-tát quán như vậy: Quán tánh chúng sinh, tánh ngã tức là tánh hư vọng, tánh vô sở hữu, tánh vô sinh. Vì sao? Vì tánh chúng sinh, tánh ngã, tánh hư vọng không sai, không khác. Các tánh như vậy đều từ hư vọng mà ra, chỉ từ các duyên sinh, nên gọi đó là tánh, trong ấy không có tánh tướng nhất định. Vì sao? Vì trong hư không không có một tánh tướng nhất định nào. Các tánh tướng này đều nhập vào hư không, là nghĩa vô sở hữu.

Ví như hư không không có tánh, pháp này hoàn toàn là lìa tướng, là tướng vô sở hữu. Tất cả các pháp cũng xa lìa tánh tướng như vậy. Trong các tánh không có tánh tướng, tánh tướng không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Nơi tánh không có tánh, trong tánh không thấu gồm tánh, trong tánh không nương tựa vào tánh. Tất cả tánh không có chỗ nương tựa, tất cả tánh là không sinh. Người trí ở trong tánh của các pháp không thủ đắc tánh sinh, không thủ đắc tánh diệt, không thủ đắc tánh trụ. Tất cả các tánh không sinh, không khởi, không trụ, từ xưa đến nay là không thể thủ đắc. Người trí không tham, không vướng nơi các tánh giả danh, không nhận, không niệm, cho nên người trí thông đạt, thấy biết tất cả đều là tướng vô sinh.

Nếu là tướng vô sinh tức là không có diệt, trong Đệ nhất nghĩa, tất cả các tánh đều không thể thủ đắc. Vì pháp thế tục nên phân biệt giảng nói về các tánh, trong Đệ nhất nghĩa không nói các tánh. Người trí thấy biết, thông đạt tất cả các tánh như Đệ nhất nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát quán sát, thông đạt về mười tám tánh, tam giới, tánh chúng sinh, tánh ngã, tánh hư không như vậy. Khi các Bồ-tát quán sát, thấu rõ như vậy thì không thủ đắc tánh và chẳng thấy tánh, cũng thông đạt tất cả các tánh là giả danh, cũng tin hiểu các nhập, tất cả tánh là vô tánh, cũng biết phân biệt

các tánh. Vì thế tục nên phân biệt giảng nói các tánh, làm cho tất cả các tánh nhập trong Đệ nhất nghĩa. Cũng khéo thông đạt về phương tiện vô tánh, cũng vì chúng sinh mà phân biệt, giảng thuyết các tánh, cũng khiến cho chúng sinh khéo trụ nơi các phương tiện của tánh. Dùng lời nói thế tục mà thuyết giảng pháp vô tánh cho chúng sinh, cũng không dùng hai tướng để chỉ bày các tánh. Dù biết tất cả các tánh không phải hai, cũng dùng phương tiện nói các tánh là từ nhân duyên sinh khởi. Tuy dùng lời nói của thế tục để dẫn dắt chúng sinh nhưng cũng chỉ rõ về Đệ nhất nghĩa cho chúng sinh. Tuy biết phân biệt các tánh nhưng tin hiểu và thông đạt tất cả các tánh là vô sở hữu. Vì sao? Nay Bồ-tát Trì Thế! Như Lai do Đệ nhất nghĩa nên đối với tánh là không chỗ thủ đắc, cũng không thủ đắc tướng của các tánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta đối với các tánh không đoạn, không hoại mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có các tánh. Tất cả các tánh là không sở hữu, không nhất định; tất cả tánh đồng như hư không; tất cả tánh nhập nơi hư không; tất cả tánh không có tướng sinh. Như Lai thông đạt tất cả tánh như vậy. Nay Bồ-tát Trì Thế! Như Lai không thuyết các tánh tướng, cũng không nói về thế lực của các pháp. Vì sao? Vì nếu pháp không sở hữu thì không nên nói tánh tướng vô sở hữu.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai cũng thuyết giảng về tánh tướng vô sở hữu, trong đó thật không chỗ nói về tánh tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là khéo phân biệt về các tánh. Đại Bồ-tát đạt được sự khéo phân biệt như thế nên có thể biết tất cả các tánh đều giả danh. Có thể biết tướng thế tục, có thể biết tướng Đệ nhất nghĩa, có thể biết các tánh quyết định, có thể biết thế đế, có thể biết phân biệt các tướng, có thể biết tùy nghi, có thể biết các tướng hợp, có thể biết các tướng đi về đâu, có thể biết được chỗ đi vào các tướng, có thể phân biệt các tướng, có thể biết rõ các tướng là vô tánh, có thể làm cho tất cả các tánh đồng như tánh hư không. Đối với các tánh cũng không làm sai khác, ở nơi các pháp không thấy sai biệt, không nhận thức và không nói sai biệt, cũng vì chúng sinh nên khéo nói về các tánh hủy hoại.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như nhà huyễn thuật biết diễn cho chúng

sinh nhiều trò ảo thuật, làm cho chúng sinh biết vô số tướng ảo thuật. Nếu có bạn bè tri thức nói đó là huyền, là huyền thật sự, là huyền hư vọng, chỉ do chúng sinh điên đảo. Nếu người có trí thì biết là huyền.

Này Bồ-tát Trì Thế! Tánh thế gian như huyền, các Đại Bồ-tát đi vào trong pháp huyền này biết tánh thế gian như huyền, chốn hành của thế gian như huyền. Người này dùng sức của phương tiện chỉ rõ thế gian của chúng sinh là như huyền. Nếu có người biết tướng như thật của thế gian này, thì nói thế gian là hư vọng, như huyền. Nếu người có trí tuệ, lợi căn sâu xa, không cần chỉ bày, tự mình có thể biết được, biết các pháp như huyền, là không, không thật, không có nguồn gốc. Biết tất cả pháp đều đối gạt các phàm phu, tất cả pháp đều ràng buộc trong duyên hư vọng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu các Đại Bồ-tát muốn vào phương tiện của các tánh như vậy, ở nơi các kinh điển sâu xa không nhiễm, không thủ đắc, nói về tất cả tướng tri kiến của các tánh, nói về tất cả các tánh không văn tự, không hòa hợp. Cũng nói về các tánh nơi trí tuệ phương tiện, cũng nói về các nhân duyên nơi ý nghĩa sâu xa của chỗ tạo tác, cũng nói về tướng như thật của tất cả các pháp, nghĩa là thế gian, xuất thế gian, hữu vi, vô vi, hệ thuộc, không hệ thuộc, khéo biết chỗ hướng đến của phương tiện, nói nghĩa đệ nhất, nghĩa thế tục, kinh liễu nghĩa, kinh chưa liễu nghĩa, giải thích vô số nhân duyên, ở trong kinh điển thâm diệu này nên siêng năng tinh tấn.



## KINH TRÌ THẾ

### QUYỂN 3

#### Phẩm 4: MƯỜI HAI NHẬP

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

– Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ về mười hai nhập?

Khi Đại Bồ-tát quán sát về mười hai nhập, nghĩ thế này: Nhãn nhập trong nhãn thì không thể thủ đắc, nhãn nhập trong nhãn không có tính nhất định. Lại nữa, nguồn gốc của nhãn nhập cũng không thể thủ đắc. Vì sao? Vì nhãn nhập từ các duyên sinh, khởi lên từ điên đảo. Do duyên nơi sắc nên buộc vào sắc, do hai pháp hợp lại mà có. Vì có sắc nên có nhãn nhập, vì có sắc nên nói nhãn nhập. Hai pháp nương nhau nên gọi là nhãn sắc. Nghĩa là nhãn và sắc, sắc làm duyên để đi vào trong cửa nhãn, nhãn làm cửa để sắc đi vào nên có sự thấy, cho nên nói nhập. Do sắc duyên nên nói nhãn nhập, do mắt thấy nên nói sắc nhập. Đứng về mặt tục đế nên nói như vậy. Thật ra mắt không nương sắc, sắc không nương mắt, mắt không nương sắc, sắc không nương sắc, mà chỉ từ các duyên sinh ra. Sắc làm duyên nên gọi là nhãn nhập. Lại từ các nhân duyên sinh ra sự thấy biết của mắt về các hình tướng nên nói là sắc nhập.

Vì sao nói như vậy? Nghĩa là tùy thuận theo pháp điên đảo của thế tục nên nói. Trong Đệ nhất nghĩa nhãn nhập là không thể thủ đắc, sắc nhập là không thể thủ đắc. Người trí tìm các nhập không thấy có thật nhập, chỉ do phàm phu tương ứng với điên đảo, vì hai tướng nên nói đây là nhãn nhập, đây là sắc nhập. Nhãn nhập, sắc nhập này là chỉ bày nhập hư vọng, muốn làm cho chúng sinh biết như thật về thật tướng của các pháp nên nói các nhập này đều từ các nhân duyên sinh, hành động tương ứng với điên đảo, trong đó thật tướng của các nhập là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì nhãn nhập hay sắc nhập không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Nhãn nhập, sắc nhập cũng không ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Chỉ nhờ duyên



hiện tại mà biết được sắc nên nói là nhãn nhập, giống như chỗ hành động của phàm phu. Người trí thông đạt các nhập đều là hư vọng, không có thật, từ điên đảo, nhớ nghĩ, phân biệt sinh khởi, nên thấy biết phi nhập là nhập, không nói tánh các nhập. Các nhập không có tướng quyết định, chỉ do các nhân duyên sinh cho nên nói như vậy.

Như Lai thuyết giảng về chỗ thấy biết tướng của các nhập này. Nghĩa là các nhập ấy là hư vọng không có thật, thuộc các nhân duyên, tương ứng với hành hoạt điên đảo. Các nhập không có người làm ra, các nhập không có người sai khiến. Nhãn nhập không biết, không phân biệt sắc nhập, sắc nhập cũng không biết, không phân biệt được nhãn nhập, cả hai đều lìa tướng. Nếu pháp đã lìa tướng thì trong ấy không thể phân biệt được, nên nói tướng nhập này đều từ nhân duyên sinh, như phàm phu điên đảo. Hiền thánh thông đạt là nhãn nhập, sắc nhập không sinh, không diệt, không có tướng đến, tướng đi. Nhãn không biết nhãn, nhãn không phân biệt nhãn. Sắc không biết sắc, sắc không phân biệt sắc. Vì sao? Vì cả hai đều không, nên cả hai đều xa lìa. Nhãn không biết tánh của nhãn, sắc cũng không biết tánh của sắc. Nhãn và sắc đều không có tánh, không có pháp. Trong đó không có một tướng quyết định nào. Nhãn không tự làm, cũng không tự biết, sắc không tự làm, cũng không tự biết, cả hai đều không thật có. Nhãn không nghĩ ta là nhãn, sắc cũng không nghĩ ta là sắc. Tánh của nhãn và sắc như tánh huyễn, do hư vọng mà tạm gọi nên nói là nhãn, là sắc. Các Đại Bồ-tát quán sát nhãn nhập, sắc nhập như thế. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, cũng như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát ý nhập?

Khi các Đại Bồ-tát quán sát ý nhập, nghĩ thế này: “Ý nhập trong ý nhập là không thể thủ đắc, ý nhập không có tướng nhập nhất định, nguồn gốc của ý nhập cũng không có. Vì sao? Vì ý nhập là do các duyên sinh, từ điên đảo sinh khởi. Nhân ràng buộc vào pháp nhập, vào duyên, hai pháp hòa hợp nên có hành động. Ý nhập này nhân pháp nhập mà sinh ra, vì pháp nhập nên có thể phân biệt, giảng nói. Hai pháp này nương nhau. Ý là chỗ của pháp nhập, ý là cửa ngõ của pháp nhập. Pháp nhập là cửa ngõ của ý nhập, nên gọi là pháp nhập. Duyên vào cửa pháp nhập nên gọi là ý nhập. Chỉ bày

cửa ý tướng nên nói là pháp nhập. Theo tục đế nên nói như vậy, thật ra ý không nương pháp, pháp không nương ý, chỉ do duyên sinh nên lấy các pháp làm duyên, nên nói là ý nhập. Do duyên sinh, vì sự chỉ bày ý tướng, nên nói pháp nhập, tùy thuận theo pháp điên đảo của tục đế nên nói như vậy. Trong Đệ nhất nghĩa, ý nhập là không thể thủ đắc, pháp nhập cũng không thể thủ đắc. Người trí tìm các nhập không thấy thật có, chỉ do phàm phu tương ứng với điên đảo, vì hai tướng nên nói là ý nhập, pháp nhập. Ý nhập, pháp nhập này hư vọng không có thật. Như Lai thông đạt như thật nên chỉ rõ các nhập này. Các nhập này từ nhân duyên sinh, tương ứng với hành động điên đảo. Trong đó ý nhập, pháp nhập thật không thể thủ đắc.

Lại nữa, ý nhập, pháp nhập không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Ý nhập, pháp nhập không quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng có thể biết rõ về duyên hiện tại, nên nói ý nhập, pháp nhập là tùy thuận theo tâm của phàm phu. Người trí thông đạt ý nhập, pháp nhập này là hư vọng không có thật, từ nhớ tưởng điên đảo phân biệt sinh ra.

Phi nhập là nhập. Vì sao? Vì trong các nhập không có tướng nhập quyết định. Người trí thông đạt các nhập này là hư vọng, không có thật. Tự tánh của ý nhập, pháp nhập không thể thủ đắc, chỗ khởi thật tướng của ý nhập, pháp nhập này cũng không thể thủ đắc. Ý nhập, pháp nhập này chỉ do nhân duyên sinh. Như Lai nói chỗ thấy biết về tướng của các nhập là các nhập hư vọng không thật có, do tương ứng với các hành điên đảo, thuộc nhân duyên sinh. Ý nhập, pháp nhập không có người làm ra, không có người sai khiến. Ý nhập không biết, không phân biệt pháp nhập, pháp nhập cũng không biết, không phân biệt ý nhập. Vì sao? Vì cả hai đều xa lìa nhau. Nếu pháp xa lìa tướng thì trong đó không thể phân biệt. Các nhập này đều từ nhân duyên sinh, tùy thuận theo tâm điên đảo của phàm phu nên nói như vậy. Theo như sự thông đạt của Hiền thánh thì ý nhập, pháp nhập không sinh, không diệt, không đến, không đi. Ý nhập không biết ý, không phân biệt ý, pháp nhập không biết pháp, không phân biệt pháp. Cả hai đều không, nên cả hai đều xa lìa. Ý không biết tánh của ý, pháp không biết tánh của pháp, hai tánh này là vô sở hữu, trong đó không có một pháp nhất định nào. Ý không thể thành

tự ý, không thể phá hoại ý, pháp không thể thành tự pháp, không thể phá hoại pháp, vì cả hai đều không thật có. Ý nhập không nghĩ: Ta là ý nhập. Pháp nhập không nghĩ: Ta là pháp nhập. Vì cả hai đều không, đều như tướng huyễn, chỉ là tạm mượn danh tự nên phân biệt nói như thế. Đại Bồ-tát quán sát ý nhập, pháp nhập như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát chánh quán sáu nhập bên trong, sáu nhập bên ngoài? Nghĩa là mười hai nhập này đều hư vọng, từ các duyên sinh, tương ứng với điên đảo. Do có hai tướng nên có hoạt dụng trong ngoài. Phạm phu không nghe pháp chân thật, không biết tướng như thật của mười hai nhập nên tham chấp nơi nhãn nhập, cho nhãn nhập là ngã, nhãn nhập là ngã sở. Tham chấp sắc nhập cho: Sắc nhập là ngã, sắc nhập là ngã sở. Tai theo tiếng, mũi theo mùi, lưỡi theo vị, thân theo xúc, ý theo pháp cũng như vậy: Cho ý nhập là ngã, ý nhập là ngã sở, pháp nhập là ngã, pháp nhập là ngã sở. Do tham chấp nên bị mười hai nhập trói buộc, giống ruồi qua lại trong năm đường sinh tử không biết lối ra. Đại Bồ-tát ở trong đó khi chánh quán về mười hai nhập, thấy mười hai nhập này hư dối, không bền chắc, là không, như huyễn tướng, không tham chấp nhãn nhập là ngã hay ngã sở. Do không tham chấp nên không nhớ nghĩ, phân biệt. Đó là Bồ-tát biết rõ về mười hai nhập.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát đạt được phương tiện của các nhập như vậy nên ở trong mười hai nhập không bị ràng buộc, cũng chứng biết các nhập và phân biệt các nhập. Cũng nhờ các pháp duyên sinh mà thông đạt mười hai nhập, cũng dùng tướng vô tướng mà phá bỏ mười hai nhập, cũng không rơi vào nơi các nhập ở trong các cảnh giới. Cũng biết tánh của các nhập là vô tánh, cũng biết các nhập là phương tiện đến bờ cứu cánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Giống như máy phát nước phun cả bốn mặt, mười hai nhập cũng như vậy. Nhờ nhân duyên trong ngoài nên có các hành động, trong đó không tìm ra một cái gì chân thật cả. Mười hai nhập này là máy nghiệp của đời trước ràng buộc nên có hành động.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nói nhập là do phạm phu không thấy, không biết, đó là cửa của phiền não đi vào. Mắt là cửa ngõ của sắc,

do sinh yêu ghét, nên sắc là cửa ngõ của mắt. Do sinh yêu ghét nên tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa ngõ của pháp. Do sinh yêu ghét nên pháp là cửa ngõ của ý. Do sinh yêu ghét nên mười hai nhập này hợp cùng với yêu ghét nên không biết tướng thật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong đó biết rõ tánh của các nhập, vì biết thật tướng của các nhập này nên không bị yêu ghét khống chế.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát biết rõ về các nhập.

## M

### Phẩm 5: MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát mười hai nhân duyên?

Đại Bồ-tát quán sát mười hai nhân duyên nghĩa là từ không có nên gọi là vô minh. Trong vô minh, vì không có pháp nên gọi là vô minh, vì không biết rõ nên gọi là vô minh.

Thế nào là không biết rõ?

Nghĩa là không biết trong vô minh không thể có pháp quyết định, đó gọi là vô minh. Vì sao? Nói vô minh duyên các hành, các hành là không thật có, nhưng phàm phu cho là có nên nói nhân vô minh duyên các hành. Từ hành sinh khởi nên có thức, cho nên nói từ các hành làm nhân duyên sinh ra thức. Từ thức sinh ra hai tướng danh và sắc nên nói thức làm nhân duyên sinh ra danh sắc. Từ danh sắc sinh ra sáu nhập, nên nói là danh sắc làm nhân duyên sinh ra sáu nhập. Từ sáu nhập sinh xúc nên nói là sáu nhập làm nhân duyên sinh xúc. Từ xúc sinh thọ nên nói xúc làm nhân duyên sinh thọ. Từ thọ sinh ái nên nói thọ làm nhân duyên sinh ái. Từ ái sinh thủ nên nói ái làm nhân duyên sinh thủ. Từ thủ sinh hữu nên nói thủ làm nhân duyên sinh hữu. Từ hữu có sinh nói hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Từ sinh có ra lão, tử, ưu bi, khổ não nhóm họp nên nói sinh làm nhân duyên sinh ra lão, tử, ưu bi, khổ não nhóm họp. Như vậy tạo thành một khối khổ lớn.

Ở trong đó do pháp nào tập khởi? Nên biết điên đảo trái với sáng suốt, do khối vô minh làm cho thân sau nhiễm ái nường vào

nhiểm hỷ mà tìm cầu chỗ sinh khắp nơi, đó là ái tập.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế gian bị mười hai nhân duyên này trôi buộc, như không có mắt, rơi vào lưới vô minh, đọa trong sự tối tăm, vì vô minh là đứng đầu phát sinh đầy đủ mười hai nhân duyên. Các Đại Bồ-tát quán sát tư duy về thật tướng của vô minh, vì biết rõ vô minh là không, nên không có nguồn gốc. Vì sao? Vì vô minh không có, nên nguồn gốc cũng không. Người trí quán sát không nguồn gốc vốn là nguồn gốc nên không phân biệt nguồn gốc. Chấm dứt nhớ tưởng, phân biệt nên không tham chấp vô minh. Biết tất cả pháp không thật có, pháp đó không đúng như chỗ đã thuyết. Như nói tất cả pháp là không thật có tức là nói thấy biết về vô minh. Có thể thông đạt tất cả pháp là không thật có, đó chính là minh, trong ấy hoàn toàn chẳng có minh nào khác, chỉ thấy biết về vô minh, đó gọi là minh.

Thế nào là thấy biết về vô minh? Nghĩa là thấy biết tất cả pháp không thật có, tất cả pháp không thể thủ đắc, tất cả pháp đều hư vọng, điên đảo, tất cả pháp đó không đúng như chỗ đã thuyết. Đó gọi là thấy biết về vô minh. Thấy biết về vô minh tức là minh. Vì sao? Vì minh là vô sở hữu.

Vô minh làm nhân duyên sinh các hành, nên các pháp không thật có. Phàm phu chìm trong vô minh tối tăm, mê lầm tạo ra các hành nghiệp, hành nghiệp này không hình, không tướng, không nơi chốn. Vô minh này không thể sinh ra nghiệp, vì không có pháp mà khởi tạo tác nên nói vô minh làm nhân duyên sinh các hành. Các hành nghiệp không có tụ tập các hành nghiệp đến ở hoặc chỗ này hoặc chỗ kia. Các hành nghiệp cũng không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vô minh vốn không có tánh vô minh. Hành nghiệp vốn không có tánh hành nghiệp. Các hành nghiệp không có chỗ nương, chỉ nương vào vô minh để sinh ra các hành nghiệp. Các hành nghiệp không nương vô minh, vô minh không nương các hành nghiệp. Vô minh không biết vô minh, hành nghiệp không biết hành nghiệp. Các hành nghiệp - vô minh này do điên đảo nên từ vô minh sinh ra. Trong đó không tìm được vô minh, không tìm được các hành nghiệp, không tìm được tánh vô minh, không tìm được tánh các hành nghiệp. Chỉ vì tối tăm nên thường gọi là tối tăm. Do vô minh tối tăm này nên phân biệt

nói là hành nghiệp. Vì từ pháp không có thật mà khởi tạo nên vô minh hành nghiệp cũng đều không có thật.

Hành nghiệp làm nhân duyên sinh thức. Thức không nương hành nghiệp, thức cũng không lia hành nghiệp để sinh ra. Hành nghiệp cũng không sinh ra thức. Vì sao? Vì hành nghiệp không biết hành nghiệp. Hành nghiệp cũng không đem thức đến, chỉ do chúng sinh điên đảo theo hành nghiệp sinh ra thức. Thức này không ở trong hành nghiệp, không ở ngoài hành nghiệp, không ở trung gian. Thức này không có người tạo tác, không có người sai khiến, chỉ do hành nghiệp tiếp nối không dứt nên có thức sinh ra. Người trí tìm tướng của thức không thể được, cũng không tìm được cái sinh ra thức. Thức cũng không biết thức, thức cũng không thấy thức, thức cũng không nương thức.

Thức làm nhân duyên sinh danh sắc. Danh sắc không nương thức, danh sắc cũng không lia thức mà sinh ra. Danh sắc cũng không theo trong thức đến vì chỉ duyên theo thức. Phạm phu tối tăm tham chấp nơi danh sắc, vì thức cũng không đem danh sắc đến. Người trí ở trong đó tìm danh sắc không thể được, không thể thấy. Danh sắc này không có hình tướng, không có phương hướng, từ nhớ tưởng, phân biệt mà sinh khởi. Tướng danh sắc này do nhân duyên của thức nên có. Tánh của thức còn không thể thủ đắc, hướng là từ thức làm nhân duyên sinh ra danh sắc. Nếu quyết định tìm được tánh của danh sắc, điều đó là không thể có.

Danh sắc làm nhân duyên sinh sáu nhập. Sáu nhập là nhân sinh khởi danh sắc. Vì danh sắc ở trong thân nên có hơi thở ra vào, làm lợi ích cho thân và tâm, tâm số pháp. Sáu nhập này hoàn toàn hư dối, không có thật, từ phân biệt sinh ra nên có hành động điên đảo.

Sáu nhập làm nhân duyên sinh xúc. Xúc này nương sắc mà có, xúc không tiếp xúc với sắc. Vì sao? Vì sắc vô tri, không khác gì với cỏ cây, ngói đá, chỉ từ sáu nhập sinh ra nên phân biệt nói là xúc. Vì sao? Vì sáu nhập còn hư vọng không có thật, hướng là từ sáu nhập làm nhân duyên sinh ra xúc, xúc không có thật, từ nhớ tưởng điên đảo sinh ra. Xúc này không phương hướng, không nơi chốn, xúc này là không. Do xúc không có tánh nên xúc không biết sáu nhập, sáu nhập cũng không biết xúc.

Xúc làm nhân duyên sinh thọ. Thọ này không ở trong xúc, không ở ngoài xúc, không ở trung gian. Xúc cũng không đem thọ từ nơi khác đến, mà là từ xúc sinh ra thọ. Bản thân xúc còn hư vọng không có thật, huống là từ xúc làm duyên sinh ra thọ. Các thọ không có một tướng quyết định nào, các thọ đều không thật có, chỉ từ duyên đảo sinh khởi mà có hoạt dụng điên đảo.

Thọ làm nhân duyên sinh ái. Thọ không đem ái từ chỗ khác đến, thọ cũng không hòa hợp với ái. Thọ cũng không biết ái, ái cũng không biết thọ, cũng không phân biệt thọ. Ái không hòa hợp với thọ, ái cũng không nương thọ, cũng không lia thọ mà có ái. Tướng của thọ trong thọ hãy còn không có, huống là thọ làm duyên sinh ra ái. Ái không ở trong thọ, không ở ngoài thọ, không ở trung gian. Trong ái, tướng ái không thể có. Ái này chỉ từ nhớ tưởng hư vọng, tương ưng với điên đảo nên gọi là ái. Ái không quá khứ, vị lai, hiện tại. Ái không phải do tướng trói buộc sinh ra, ái cũng không phải là tướng trói buộc, chỉ do nhân duyên nối nhau không dứt nên nói thọ làm nhân duyên sinh ái. Người trí thấy ái không nơi chốn, không phương hướng, là không, không bền chắc, hư vọng không có thật.

Ái làm nhân duyên sinh thủ. Ái không đem thủ từ nơi khác đến, ái cũng không hòa hợp với thủ, ái cũng không thể sinh ra thủ. Vì có ái nên gọi là thủ. Tùy theo nhân duyên hòa hợp nên nói như vậy. Thủ không hòa hợp với ái, cũng không xa lia ái. Ái không hòa hợp với thủ, cũng không xa lia thủ. Thủ không ở trong ái, không ở ngoài ái, không ở trung gian. Ái còn không có, huống là từ ái làm nhân duyên sinh ra thủ. Tướng quyết định của thủ không thể có. Người trí thấy biết thủ này hư vọng, không có thật, không có tướng thủ trong thủ. Thủ không quá khứ, vị lai, hiện tại. Thủ không ở trong thủ, không ở ngoài thủ, không ở trung gian. Thủ chỉ từ nhân duyên đảo sinh ra. Do duyên sinh, các duyên hòa hợp nên có thủ, không có pháp hợp hay tan. Thủ không có nguồn gốc, không thể có một pháp nhất định. Phạm phu nhận thủ hư vọng này, các hành đều hư vọng nên thế gian bị thủ trói buộc. Người trí thông đạt thủ này hư vọng, là không, không bền chắc, không nguồn gốc, không thể có được pháp quyết định.

Thủ làm nhân duyên sinh hữu. Thủ không đem hữu đến, thủ

không thể sinh ra hữu, nhưng nói thủ làm nhân duyên sinh hữu. Hữu không ở trong thủ, không ở ngoài thủ, không ở trung gian. Hữu không nương tựa thủ, thủ không hòa hợp với hữu, cũng không xa lìa hữu, chỉ do các nhân hòa hợp nên nói thủ làm nhân duyên sinh ra hữu. Thủ không thể sinh ra hữu, thủ không phân biệt hữu. Bản thân thủ còn hư vọng, không có thật, hướng là từ thủ làm nhân duyên sinh ra hữu. Hữu không đem thủ đến, không thể có hữu trong hữu. Hữu không ở trong hữu, không ở ngoài hữu, không ở trung gian. Hữu không quá khứ, vị lai, hiện tại. Người trí thông đạt hữu này hư vọng, tương ứng với điên đảo, không hợp không tan. Hữu không chỗ biết, không chỗ phân biệt. Hữu không nơi chốn, không phương hướng. Hữu không có đời trước, đời giữa, đời sau. Hữu này phi hữu nên cũng phi vô. Chỉ tùy thuận mười hai nhân duyên nên nói là hữu. Người trí thông đạt tướng của hữu là không, không bền chắc.

Hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Hữu không đem sinh đến. Sinh cũng không hòa hợp với hữu, cũng không xa lìa hữu. Sinh không ở trong hữu, không ở ngoài hữu, không ở trung gian. Hữu không thể sinh ra sinh, cũng không lìa hữu sinh ra sinh. Chỉ do mười hai nhân duyên tiếp nối nên nói hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Hữu không phải duyên, không phải không duyên với sinh. Hữu còn không thể có, hướng là từ hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Người trí thông đạt: Sinh này không dựa vào nơi hữu mà sinh. Ở trong sinh không có tướng sinh, ở trong sinh không có tự tánh, trong sinh không có nguồn gốc, không một pháp nhất định nào có thể thủ đắc. Người trí thông đạt sinh này không tánh, không có thật, chỉ mười hai nhân duyên hòa hợp tiếp nối nên nói sinh từ hữu làm nhân duyên sinh ra, sinh không có pháp hợp hay tan. Sinh không ở trong hữu, không ở ngoài hữu, không ở trung gian. Sinh không phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Sinh không có đời trước, đời giữa, đời sau. Nguồn gốc của sinh này là không thể thủ đắc. Người trí thông đạt sinh là từ các nhân duyên sinh tương ứng với điên đảo, hư vọng, như tướng huyễn hóa, không có thật.

Sinh làm nhân duyên sinh ra lão, tử, ưu bi, khổ não. Sinh không đem lão, tử, ưu bi khổ não đến, sinh cũng không thể sinh ra lão, tử, ưu bi khổ não. Lão, tử, ưu bi khổ não không ở trong sinh, không ở



ngoài sinh, không ở trung gian. Lão, tử, ưu bi khổ não cũng không dựa vào sinh. Do sinh cho nên nói lão, tử, ưu bi khổ não, vì để chỉ bày các pháp duyên sinh, nên sinh không hòa nhập, cũng không xa lìa với lão, tử, ưu bi khổ não. Sinh trong sinh còn không thể có, huống là từ sinh làm nhân duyên sinh ra lão, tử, ưu bi khổ não. Trong lão, tử, ưu bi khổ não thì lão, tử, ưu bi khổ não là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì lão, tử, ưu bi khổ não không ở trong lão, tử, ưu bi khổ não, không ở ngoài, cũng không ở trung gian. Lão, tử, khổ não không hòa hợp, cũng không xa lìa với lão, tử, khổ não, chỉ các duyên hòa hợp, tương ứng với điên đảo làm thành đầy đủ mười hai nhân duyên, nên nói sinh làm nhân duyên mà có lão, tử, ưu bi khổ não.

Lão, tử, khổ não không nơi nương tựa, tướng quyết định của lão, tử, khổ não là không thể có. Đời trước, đời giữa, đời sau của lão, tử, khổ não không thể tìm thấy được. Người trí thông đạt lão, tử, khổ não là hư vọng, không có thật, tương ứng với điên đảo, không nguồn gốc, không tạo tác, không khởi, không sinh. Quán pháp mười hai nhân duyên như vậy không thấy pháp nhân duyên hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không thấy tướng của pháp mười hai nhân duyên, chỉ biết nhân duyên là không duyên, không sinh, không tướng, không tạo tác, không phát khởi, không nguồn gốc. Từ xưa đến nay, tất cả pháp không thật có nên thông đạt mười hai nhân duyên này thì cũng thấy mười hai nhân duyên ấy không có người làm, người thọ. Nếu pháp theo nhân duyên sinh ra, nhân duyên này không có, nên pháp cũng không. Bồ-tát tùy theo nghĩa vô minh nên biết tất cả pháp là không thể thủ đắc. Đi vào pháp quán như vậy thì không nhân duyên tức là mười hai nhân duyên. Trong đó không có pháp nào sinh ra. Bồ-tát quán mười hai nhân duyên là do hư vọng sinh. Tùy thuận nghĩa vô minh nên thông đạt mười hai nhân duyên. Nếu pháp đó không có thì pháp này cũng không, nên nói tùy thuận nghĩa vô minh.

Thông đạt mười hai nhân duyên, vô minh là không sinh, không tạo tác, không phát khởi, không nguồn gốc, không có pháp quyết định, không nhân duyên, không thật có. Bồ-tát bấy giờ không phân biệt là minh hay là vô minh. Thật tướng của vô minh tức là minh. Do vô minh nên tất cả pháp không thật có. Tất cả pháp không nhân duyên, không tướng nghĩ phân biệt nên tùy thuận nơi nghĩa vô minh,

thông đạt mười hai nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đây gọi là trí tuệ phương tiện của Đại Bồ-tát về mười hai nhân duyên. Nếu Đại Bồ-tát thông đạt mười hai nhân duyên hợp tan như vậy, đó gọi là Đại Bồ-tát chứng đắc trí tuệ vô sinh. Vì sao? Vì quán chỗ sinh diệt thì không thể biết hoàn toàn về mười hai nhân duyên. Nếu quán sát sự hợp và tan của mười hai nhân duyên, đó gọi là chứng đắc trí tuệ vô sinh. Nếu chứng đắc trí tuệ vô sinh, đó gọi là thông đạt mười hai nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát muốn đi vào chỗ thông đạt, muốn chứng trí tuệ vô sinh, cần phải siêng năng hành tập trí tuệ nơi mười hai nhân duyên này thì mới có thể quán và chứng tướng vô sinh của mười hai nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu Đại Bồ-tát biết vô sinh tức mười hai nhân duyên thì liền có thể đạt được phương tiện nơi mười hai nhân duyên này. Người ấy dùng tướng vô sinh để thấy biết ba cõi, mau được pháp Nhẫn vô sinh. Nên biết Bồ-tát này ở chỗ chư Phật hiện tại gần được thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy không lâu sẽ được thọ ký, lần lượt thọ ký.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát này nhân được thọ ký, tâm được an ổn, ở nơi phương tiện hưởng tới của tất cả pháp được trí tuệ sáng suốt. Người ấy thông đạt mười hai nhân duyên là vô sinh, hiện tại được gần chư Phật. Người này không còn sợ hãi các ác ma. Người này vượt dòng sinh tử, đến bờ bên kia. Người ấy vượt được vũng bùn vô minh, đến được chỗ an ổn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ngay khi ta còn tại thế hay sau khi diệt độ, người nào tin, nghe, đọc tụng, tu tập mười hai nhân duyên phương tiện này, ta thọ ký cho người đó không lâu sẽ được pháp Nhẫn vô sinh. Ta cũng thọ ký cho người này không lâu ở chỗ chư Phật hiện tại, được thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

## M

### Phẩm 6: BỐN NIỆM XÚ

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

– Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ bốn Niệm xứ?

Đại Bồ-tát quán sát bốn Niệm xứ: Thuận thân quán thân, thuận thọ quán thọ, thuận tâm quán tâm, thuận pháp quán pháp.

Thế nào là thuận thân quán thân; thuận thọ, tâm, pháp, quán thọ, tâm, pháp?

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Đại Bồ-tát thuận thân quán thân là quán tướng như thật của thân, nghĩa là quán thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như ung nhọt, tướng của nó biến đổi, hư hoại, khổ não, buồn lo. Thân này bất tịnh, đáng ghét, trong đó tràn đầy những thứ nhơ nhớp, chín lỗ bài tiết thường tuôn ra những thứ dơ bẩn. Thân này nhơ nhớp giống như hầm xí. Khi quán thân như vậy, thân này chẳng có được một mảy may sạch sẽ, không có một chỗ nào là không đáng gớm. Thân này do các dây gân ràng rịt, xương cốt và da thịt bao bọc. Từ nhân duyên quả báo của đời trước phát sinh nghiệp, bị trói buộc trong tập và thủ.

Thế nào là tập? Thế nào là thủ? Nghĩa là từ nhân duyên đời trước mà có ra thân này, đó gọi là thủ. Nay nhờ vào các việc ăn uống, tắm rửa, y phục, giường nằm, mền nệm, thuốc thang, đó gọi là tập. Nhân duyên trong hiện tại như vậy đều bị trói buộc do tập và thủ. Lại do sức nơi quả báo của nghiệp đời trước nên có hoạt dụng. Lại nữa, thân này do bốn đại tạo thành không có thật tướng nhất định, thuộc về sắc ấm, thường gọi là thân.

Sao gọi là thân? Vì hay có sự tạo tác nên gọi là thân, là chỗ nương tựa của tham chấp nên gọi là thân, vì tùy ý hoạt dụng nên gọi là thân, từ nhớ tưởng phân biệt sinh ra nên gọi là thân, hợp cùng với nghiệp nên gọi là thân. Thân này không lâu sẽ trở về chỗ hư hoại, tướng của nó thay đổi, không thường, không nhất định. Thân này không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở trung gian. Thân không biết thân, cũng không thấy thân. Thân này không tạo tác, không hành động, không cầu, cũng không có tâm, không khác gì với cỏ cây, ngói đá... Không có tướng nhất định của thân trong thân. Đó là chánh quán về thân. Biết nó không có tác giả, cũng không có người sai khiến. Thân này không có đời trước, đời giữa, đời sau. Thân này không có một tướng bền chắc, thường hằng nhất định nào, như đám bọt nước không thể nắm bắt. Thân này là chỗ ở của tám

vạn loài trùng. Thân này bị trăm loại các thứ bệnh làm tổn hại. Do ba thứ khổ nên thân này là khổ, không có cứu được, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Thân này là dụng cụ chứa các thứ khổ. Khi chánh quán thân như vậy, ai tư duy thân này không phải của ta, không phải của người, không được tự tại, không được tùy ý, dầu là làm thiện hay không làm thiện cũng như vậy. Thân này không có nguồn gốc, không thể có được pháp nhất định. Tánh của thân là không, không một tướng nhất định nào. Thân này được phát sinh do hư vọng, lệ thuộc vào pháp mà hành động, theo nhân duyên của nghiệp quả đời trước mà sinh khởi. Đối với thân không nên sinh tưởng có ngã và ngã sở. Chúng ta không nên tham tiếc mạng sống của thân này.

Bồ-tát khi quán như vậy, không thủ đắc sự hợp hay tan của thân. Cũng không thấy thân từ chỗ nào đến, đi về đâu và trụ ở chỗ nào, không phân biệt quá khứ, vị lai, hiện tại của thân này, thì liền không nương tựa thân mạng, không tham tiếc thân, cho là ngã, ngã sở, nên thường xa lìa cảm thọ về thân. Bồ-tát này quán thân là không, không có ngã, ngã sở. Trong thân này, ngã và ngã sở là không thể thủ đắc nên tướng của thân cũng là không thể thủ đắc. Bồ-tát này nếu không thủ đắc tướng thân thì không mong cầu nhập thân, vì thân không khởi tác đạo.

Thế nào là nhập? Thân này không người tạo tác, không người sinh khởi, thân này không có tướng tạo tác, sinh khởi mà từ các nhân duyên sinh ra. Các nhân duyên này hòa hợp thành thân, nhưng các nhân duyên này cũng hư dối không có thật, tương ứng với điên đảo, không bền chắc. Cũng do nhân duyên nên thân này được sinh ra, nhân duyên này cũng không sinh, không tướng. Quán thân như vậy tức là đi vào trong thân không tướng sinh. Vào xong, quán thân không có tướng. Do chánh quán thân không có tướng, biết thân này không tướng, vì tướng không thể thủ đắc nên vô sinh, tướng quá khứ, vị lai, hiện tại của thân này là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì thân này không nguồn gốc, không thể có được pháp nhất định, cũng không tìm được thân hoặc đây hoặc kia. Khi quán như vậy, biết thân không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, liền đi vào cảnh giới bất sinh, bất diệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán thân, nhập thân tướng như thật thì đối với thân dục nhiễm liền làm cho chánh niệm an trụ trong thân, gọi đó là thuận thân quán thân.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thuận thọ quán thọ?

Đại Bồ-tát quán khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ, thấy ba thọ này không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Chỉ là sự tập hợp của nhân duyên hư vọng, quả báo nghiệp đời trước duy trì, tương ứng với diên đảo. Biết các thọ hư vọng, từ nhớ tưởng phân biệt sinh ra. Bồ-tát quán các thọ như vậy, chẳng được thọ quá khứ, vị lai, hiện tại. Bồ-tát thấy thọ quá khứ, vị lai, hiện tại là không, không có ngã, ngã sở, vô thường, không bền chắc, tướng của nó luôn thay đổi. Quán các thọ như vậy ở quá khứ là không tướng, là tướng tịch diệt, là tướng vô tướng. Quán tướng các thọ vị lai là không, không có ngã và ngã sở, vô thường, không bền chắc, tướng luôn thay đổi. Quán tướng các thọ trong vị lai là không tướng, là tướng tịch diệt, là tướng vô tướng. Khi Bồ-tát quán như vậy, suy nghĩ: “Các thọ không có tướng nhất định, không nguồn gốc, không phải là pháp nhất định, vì không phải là pháp tương tự nên luôn luôn sinh diệt, không có lúc nào dừng.”

Bồ-tát nghĩ: “Các thọ này không tạo tác, cũng không có người tạo tác, chỉ do tâm của phàm phu tương ứng với diên đảo nên sinh khởi. Ba loại thọ thuộc nghiệp nhân đời trước, hợp cùng với duyên đời nay nên có ra các thọ này. Các thọ này là không, không bền chắc, là pháp hư vọng, giống như nắm đấm giữa hư không. Quán thọ như vậy, tâm được trụ một chỗ. Bấy giờ Bồ-tát thông đạt tướng diệt mất của tập hợp các thọ, thấy các thọ không hợp, không tan, lại cũng không thấy thọ trong thọ.”

Bồ-tát suy nghĩ: “Các thọ là không tánh nên liền thông đạt tướng vô sinh của các thọ. Các thọ này không sinh, không diệt, không tướng thành. Các thọ này đều không tướng, không có tướng thành.” Tư duy như vậy thì khi thọ nhận các thọ hoàn toàn không đắm chấp. Thấy biết như thật tướng các thọ, xa lìa các sự cảm thọ, đối với các sự cảm thọ này cũng không đắm vướng. Đối với các thọ mà tâm phóng xả thì mau chóng được Tam-muội xả.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thuận thọ quán thọ như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sao gọi là Đại Bồ-tát thuận tâm quán tâm?

Đại Bồ-tát quán tướng của tâm sinh, trụ, dị, diệt. Khi quán như vậy, suy nghĩ: “Tâm ấy không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, chỉ do thức duyên với tướng nên sinh ra, không nguồn gốc, không có pháp nhất định nào có thể thủ đắc. Tâm này không đến, không đi, không trụ, không dị, không có thể đắc. Tâm này không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Tâm này do thức duyên theo nhớ nghĩ mà sinh khởi. Tâm này không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Tâm này không có một tướng sinh, tâm này không tánh, không định, không người sinh, không người khiến sinh, vì khởi tạp nghiệp nên gọi là tâm, vì có thể biết duyên nên gọi là tâm, do niệm niệm sinh diệt tiếp nối không dứt nên gọi là tâm. Vì chỉ muốn khiến cho chúng sinh thông đạt tướng của tâm duyên nên không có tướng của tâm trong tâm. Tâm này từ xưa đến nay tánh thường thanh tịnh, không sinh không khởi. Vì nhiễm phiền não của khách trần nên có phân biệt. Tâm không biết tâm, cũng không thấy tâm. Vì sao? Vì tâm này là không, tự tánh của nó là không, không có nguồn gốc nên tâm này không có pháp nhất định. Vì pháp định đắc nên tâm này không có pháp hợp hay tan. Tâm này không có đời trước, đời giữa, đời sau. Tâm này vô hình, không thể thấy, tâm không tự thấy, không biết tự tánh, chỉ do phàm phu tương ứng với điên đảo, do hư vọng duyên với thức tướng nên sinh ra. Tâm này là không, không có ngã, ngã sở, không thường hằng, không bền chắc, tướng của nó luôn thay đổi.” Tư duy như vậy là được thuận tâm niệm xứ. Bấy giờ người này không phân biệt là tâm, là phi tâm, chỉ biết tướng vô sinh của tâm, thông đạt tâm này là tánh vô sinh. Vì sao? Vì tâm không có tánh nhất định, cũng không có tướng nhất định. Người trí thông đạt tâm này không sinh, không tướng. Khi ấy quán sát như thật về tướng sinh diệt của tâm, khi quán sát như vậy không tìm được tướng sinh hay diệt của tâm, không còn phân biệt tâm diệt hay bất diệt, mà có thể đạt được tướng tâm chân thật, thanh tịnh. Bồ-tát nhờ tâm thanh tịnh này, nên phiền não của khách trần không thể nào làm hại. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy biết tướng của tâm thanh tịnh, cũng thấy biết tướng tâm của chúng sinh thanh tịnh, nên nghĩ: “Tâm cấu bấn nên chúng

sinh cấu bản, tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.” Khi tư duy như vậy không tìm thấy tướng cấu bản của tâm hay tướng thanh tịnh của tâm. Chỉ biết tướng của tâm thường thanh tịnh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thuận tâm quán tâm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thuận pháp quán pháp?

Đại Bồ-tát quán tất cả pháp không thấy ở trong, ở ngoài hay trung gian, cũng chẳng thấy các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Chỉ biết các pháp từ các nhân duyên sinh ra mà sinh khởi điên đảo, các pháp không có tướng nhất định, nghĩa là các pháp này thuộc người. Bản thể các pháp là ở trong các pháp không có các pháp. Các pháp không ở trong, ở ngoài hay trung gian. Các pháp không hợp cũng không lìa với các pháp. Tất cả pháp không nguồn gốc, không có tướng nhất định. Các pháp không thật có nên không hành động, không tạo tác. Tất cả pháp như hư không, vì không có thật. Tất cả pháp hư dối như huyễn vì tướng như huyễn không thật có. Tất cả pháp là tướng thường tịnh, vì hoàn toàn không nhơ. Tất cả pháp là tướng không thọ, vì các thọ không thật có. Tất cả pháp như mộng, vì tánh mộng không thật có. Tất cả pháp không có hình, vì hình không thật có. Tất cả pháp như bóng, vì tánh thường không có. Tất cả pháp không danh, không tướng, vì danh tướng không thật có. Tất cả pháp như tiếng vang, vì hư vọng tạo ra, không có thật. Tất cả pháp không tánh, vì tánh không thể thủ đắc. Tất cả pháp như dợn nắng, vì biết không có thật. Khi Bồ-tát quán tất cả pháp như vậy, không thấy các pháp có một tướng hay nhiều tướng, cũng không thấy pháp hợp hay tan với pháp, cũng không thấy pháp nương trú nơi pháp. Khi quán như vậy thấy tất cả pháp không từ đâu đến, cũng không thấy chỗ dừng của tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp không trụ, không nương tựa, không sinh khởi. Tất cả pháp không có chỗ dừng, vì chỗ dừng không thật có, vì chỗ dừng không nắm bắt được.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các pháp không sai khác, tất cả pháp không có tướng phân biệt. Từ các duyên điên đảo sinh ra nên có hoạt dụng, các pháp này không có nơi chốn, phương hướng. Người trí biết rõ các pháp không phải một tướng, không phải hai tướng, không phải nhiều tướng. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì tất cả pháp không

sinh, không khởi, không tạo tác, không có tác giả. Tất cả pháp lìa nguồn gốc, tất cả pháp không có tự tánh. Vượt các tánh nên tất cả pháp không có chỗ quay về, vì các chỗ quay về không thật có. Quán các pháp như vậy, biết rõ các pháp không ngã, không nhân, quán sát các pháp không tánh, các pháp đều là không vì tánh nó tự không, các pháp vô tướng, vì không thấy tướng. Ở trong các pháp không phát nguyện, liền quán sát tất cả pháp không sinh, nghĩ thế này: “Ở trong đó thật sự chẳng có pháp sinh hay diệt.” Khi quán như vậy, tâm trụ một chỗ, bấy giờ lại thông đạt được sự vô sinh của tất cả các pháp, cũng thấy biết được sự diệt tận và tập khởi của tất cả pháp, cũng có thể thể nhập nơi tất cả các pháp lìa tướng, lìa tánh. Vì sao? Đây Bồ-tát Trì Thế! Vì tất cả pháp không có tánh nhất định. Người trí thông đạt các pháp là vô tướng, lìa tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thuận pháp quán pháp. Người quán như vậy đối với pháp không thủ đắc, không thọ nhận, đối với pháp không bị sinh, không bị trụ, không bị diệt, cho nên hành dụng mà thấy được tướng tận diệt, tướng tịch diệt của tất cả các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là Đại Bồ-tát khéo quán sát về bốn Niệm xứ.

Thế nào là bốn Niệm xứ? Niệm xứ tức là tất cả pháp không xứ, không nơi sinh khởi, không chỗ thật có. Người thể nhập vào tất cả pháp như vậy thì chánh niệm không loạn, nên gọi là niệm xứ. Lại niệm xứ là tất cả pháp không trụ, không sinh, không thủ, là chỗ thấy biết như thật, gọi là niệm xứ.

## M



### Phẩm 7: NĂM CĂN

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ các căn?

Đại Bồ-tát chánh quán năm Căn xuất thế gian. Những gì là năm? Đó là: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Khi Bồ-tát tu tập năm Căn, tin tất cả pháp đều từ các nhân duyên sinh mà có điên đảo, hợp với duyên hư vọng, giống như vòng lửa, lại cũng giống như tính chất của mộng. Tin tất cả các pháp đều vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, như bệnh tật, ghẻ lở, không bền chắc. Tướng của nó hư hoại, giả dối không thật. Lại tin tất cả pháp hư hoại, không có thật, giống như nắm đấm giữa hư không, như cầu vồng nhiều màu sắc đối gạt trẻ con. Do nhớ tưởng, phân biệt, giả mượn mà có, không có bản thể, không có pháp nhất định. Lại tin tất cả pháp không quá khứ, vị lai, hiện tại. Tin tất cả pháp không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Tin tất cả pháp là không, vô tướng, vô tác. Tin tất cả pháp không sinh, không tạo, không khởi, không tướng, xa lìa các tướng và tin trì giới được thanh tịnh, thiền định thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh, giải thoát thanh tịnh, giải thoát tri kiến thanh tịnh. Bồ-tát thành tựu được tín căn không thoái chuyển như vậy. Do tín căn đứng đầu nên giữ gìn giới đức, đức tin này thường không thoái thất. Thành tựu pháp bất thoái, an trụ bất động. Trong đức tin này thường tùy theo quả báo của nghiệp mà thành tựu. Người có tín tâm đoạn trừ tất cả tà kiến, không lìa tướng của pháp. Cầu thầy, chỉ lấy chư Phật làm thầy. Thường hành theo thật tướng của các pháp, biết việc làm chánh đạo của chư Tăng, giữ giới thanh tịnh, thành tựu nhẫn nhục, được bất động, tín bất hoại, vì tín tăng thượng như vậy, nên gọi là thành tựu tín căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát chánh quán tinh tấn căn, thành tựu tinh tấn căn, biết rõ tinh tấn căn?

Đại Bồ-tát thực hành tinh tấn không dừng nghỉ, thường muốn đoạn trừ năm thứ ngăn che nên siêng năng tinh tấn, cho đến vì nghe những pháp sâu xa như vậy nên gọi là tinh tấn. Bồ-tát ấy cầu pháp không dừng, không nghỉ, tinh tấn không thoái lui. Cũng muốn đoạn trừ các pháp chướng ngại nên siêng năng tinh tấn mà không khiếm nhược. Cũng vì muốn đoạn trừ vô số pháp ác bất thiện, suy não nên

siêng năng tinh tấn. Lại vì muốn tăng trưởng vô số pháp thiện nên siêng năng tinh tấn. Bồ-tát này quyết định thành tựu tinh tấn, không tham chấp nơi tinh tấn mà thể nhập pháp tinh tấn bình đẳng, thành tựu tinh tấn bất thoái. Người này được chánh phương tiện, thông đạt tất cả pháp nên pháp hành luôn tinh tấn. Ở trong việc tinh tấn không lệ thuộc người khác, ở trong tinh tấn được trí tuệ sáng suốt, thành tựu tướng bất thoái, đạt được tinh tấn bất thoái. Vì tinh tấn tăng thượng như vậy nên được gọi là thành tựu tinh tấn căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt được niệm căn và khéo tu tập niệm căn một cách trọn vẹn?

Đại Bồ-tát thường thấu giữ niệm lại một chỗ, nhu hòa, bố thí, phạm hạnh đầy đủ, giữ thanh tịnh hoàn toàn nơi giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Thường nghĩ đến việc làm thanh tịnh thân, khẩu ý nghiệp; thường nghĩ đến việc ấy một cách rốt ráo; thường nghĩ đến sinh, trụ, dị, diệt của tất cả pháp nên hành phương tiện; thường nghĩ đến tri kiến Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế; thường nghĩ đến các căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát, các Tam-muội phương tiện; thường nghĩ đến tất cả các pháp không sinh, không diệt, không tác, không khởi, tướng của nó là không thể nêu bày; thường nghĩ đến muốn được trí tuệ vô sinh; thường nghĩ đến muốn được đầy đủ trí nhãn; thường nghĩ đến trí lià, trí diệt; thường nghĩ đến muốn được đầy đủ pháp của Phật; thường nghĩ đến không để cho pháp Thanh văn, Bích-chi-phật vào tâm; thường nghĩ đến trí tuệ vô ngại; thường không quên, không mất, không thoái niệm này. Quán sát như vậy nhưng không chạy theo người khác. Người ấy được niệm tăng thượng bền vững như vậy, nên gọi là thành tựu niệm căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt được định căn, đạt được phương tiện định căn?

Đại Bồ-tát ở trong định địa thường hành thiền định, không nương thiền định, không tham thiền định, giỏi nắm giữ tướng thiền định, giỏi đắc phương tiện thiền định, khéo sinh thiền định và cũng có thể hành thiền định vô duyên. Biết hết các môn thiền định, biết rõ nhập thiền định, biết rõ trụ thiền định, biết rõ xuất thiền định, mà ở trong thiền định không hề nương chấp, khéo biết rõ tướng nơi đối tượng duyên, biết rõ tướng chân duyên, cũng không tham thọ các vị

thiền. Ở trong các định được tự tại hiện bày diệu dụng mà không tùy thuộc người khác, cũng không sinh theo thiền định. Ở trong các định được sức tự tại, ở trong các định không lấy làm khó, không lấy làm dễ. Tùy theo ý muốn, người này được thiền định tăng thượng. Như vậy gọi là được định căn, được phương tiện định căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thành tựu tuệ căn, đắc tuệ căn phương tiện?

Đại Bồ-tát thành tựu thông đạt tuệ căn, nghĩa là có thể diệt ngay các khổ. Người thành tựu thông đạt tuệ thì ở mọi chỗ hành dụng đều được lìa quán, xả quán, thành tựu trí tuệ, thuận với Niết-bàn. Vì thành tựu tuệ căn này nên biết rõ về ba cõi như lửa dữ, biết rõ ba cõi đều là khổ, do trí tuệ này nên không ở trong ba cõi. Người này quán sát ba cõi đều Không, Vô tướng, Vô nguyên, vô sinh, vô tác, vô khởi. Ngay khi ấy thấy con đường ra khỏi tất cả pháp hữu vi. Vì muốn được đầy đủ các pháp Phật nên siêng năng tinh tấn như cứu lửa cháy đầu. Trí tuệ của Bồ-tát này không thể hư hoại, vì trí tuệ thông đạt này có thể thoát ly ba cõi, cũng không lệ thuộc vào việc của ba cõi, đoạn tất cả sự ưa thích trong pháp hữu vi. Trong tất cả pháp có thể nhiếp, có thể ràng buộc, có thể đấm chấp mà tâm không còn ham thích. Đối với tất cả pháp năm dục, tâm xa lìa, tâm cũng không trụ nơi sắc giới, vô sắc giới, thành tựu trí tuệ tăng thượng, thành tựu vô lượng công đức giống như biển lớn. Do trí tuệ này, ở trong phương tiện tất cả pháp không còn nghi ngờ. Người dùng trí tuệ này thông đạt ba cõi, ở trong ba cõi, tâm không bị ràng buộc, vì được trí tuệ tăng thượng này nên gọi là tuệ căn, được phương tiện tuệ căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là căn? Vì nghĩa tăng thượng nên gọi là căn, nghĩa bất động nên gọi là căn, nghĩa không thể hoại nên gọi là căn, không thể thoái lui nên gọi là căn, không tùy thuộc người khác nên gọi là căn, không thoái chuyển nên gọi là căn, không bị lôi kéo nên gọi là căn, tùy thuận theo chánh pháp nên gọi là căn, không tham chấp nên gọi là căn, không xen tạp nên gọi là căn.

Lại nữa, này Trì Thế! Đại Bồ-tát biết rõ các căn nơi chúng sinh, cũng có thể khéo phân biệt học căn. Bồ-tát biết các căn dục nhiễm của chúng sinh, biết các căn của chúng sinh lìa dục nhiễm,

biết các căn sân hận, lìa sân hận của chúng sinh; biết các căn ngu si, biết các căn lìa ngu si của chúng sinh; biết các căn sắp đọa nơi cõi ác của chúng sinh; biết các căn sinh trong loài người của chúng sinh; biết các căn sinh lên cõi trời của chúng sinh; biết các căn tâm nhu hòa của chúng sinh; biết các căn thượng trung hạ của chúng sinh; biết các căn hư hoại, không hư hoại của chúng sinh; biết các căn siêng tu, không siêng tu của chúng sinh; biết các căn giả dối, không giả dối của chúng sinh; biết các căn có tội, không tội, có cấu, không cấu của chúng sinh; biết các căn sân hận, không sân hận, biết tùy thuận, không tùy thuận của chúng sinh; biết các căn chướng ngại, không chướng ngại của chúng sinh; biết các căn tạo nghiệp nơi dục giới, tạo nghiệp nơi sắc giới, tạo nghiệp nơi vô sắc giới của chúng sinh; biết căn lành nhiều, căn lành ít của chúng sinh; biết các căn hoàn toàn định, không hoàn toàn định, tà định của chúng sinh; biết các căn keo kiệt, lìa keo kiệt; biết đùa giỡn, không đùa giỡn; biết điên cuồng, không điên cuồng; biết nóng nảy, không nóng nảy; biết sân giận, không nhẫn nhục; biết mềm mại hay nhẫn nhục; biết keo kiệt sâu dày; biết bố thí đầy đủ các căn cho chúng sinh; biết tin, biết không tin; biết cung kính, không cung kính; biết trì giới đầy đủ, biết trì giới thanh tịnh; biết nhẫn nhục đầy đủ, biết biếng trễ, biết tinh tấn, biết tâm tán loạn, biết tâm được định, biết có trí tuệ, biết không có trí tuệ, biết ám độn, biết không ám độn, biết tăng thượng mạn, biết không tăng thượng mạn, biết hành chánh đạo, biết hành tà đạo, biết vọng niệm, biết niệm an ổn, biết thu giữ căn, biết buông xả căn, biết căn hư hoại, biết căn không hư hoại, biết căn tịnh, biết căn bất tịnh, biết căn sáng suốt, biết căn phát Tiểu thừa, biết căn phát Bích-chi-phật thừa, biết căn phát chư Bồ-tát, biết căn phát Phật thừa. Bồ-tát có thể vượt qua được các căn như vậy bằng phương tiện phân biệt. Ở trong trí tuệ phương tiện, phân biệt các căn như vậy của chúng sinh, không tùy thuộc người khác nên gọi là được các căn phương tiện, cũng gọi là không bị người khác dẫn dắt, cũng gọi là không thể phá hoại, cũng gọi là không thoái chuyển, cũng gọi là được sức phương tiện, cũng gọi là đắc căn nhân, cũng gọi là đắc căn chư Thiên, căn nơi Rồng, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... cũng gọi là được

tự tại lớn, cũng gọi là được bất hoại, bất động, cũng gọi là đến bờ kia. Người thành tựu công đức như vậy, đối với tất cả pháp mau chóng đắc tự tại.



## KINH TRÌ THẾ

### QUYỂN 4

#### Phẩm 8: TÁM THÁNH ĐẠO

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ đạo? Đại Bồ-tát an trụ trong đạo? Những gì là đạo?

Đó là tám phần Thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành tám Thánh đạo? Thế nào gọi là chứng đắc phương tiện của tám phần Thánh đạo?

Đại Bồ-tát đắc chánh kiến, an trụ nơi chánh kiến, vì muốn đoạn trừ tất cả kiến nên hành đạo. Vì đoạn trừ tất cả các kiến nên an trụ nơi đạo, cho đến đoạn trừ kiến chấp về Niết-bàn, kiến chấp về Phật. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì tất cả kiến đều là tà kiến, cho đến kiến chấp về Niết-bàn, về Phật cũng như vậy. Vì phá tan tất cả sự tham chấp về các kiến nên gọi là chánh kiến. Lại không có các kiến, không giữ lấy các kiến, không niệm, không tham chấp, không duyên, không hành, không phân biệt tất cả các kiến, đó gọi là chánh kiến. Dùng chánh kiến này để thấy những gì? Nghĩa là thấy tất cả thế gian đều bị các kiến trói buộc, hư vọng, điên đảo. Khi thấy như vậy gọi là an trụ nơi việc đoạn trừ tất cả kiến. Chánh kiến cũng không niệm, không kiến, không tham chấp, phân biệt cho đến kiến chấp về Niết-bàn, kiến chấp về Phật cũng như vậy. Vì không khởi tất cả kiến nên hành đạo.

Thế nào gọi là chánh kiến? Tất cả pháp đều vắng lặng nên tướng không sinh, không diệt, đồng với Niết-bàn. Như vậy, tất cả pháp này cũng không niệm, không phân biệt. Không niệm, không phân biệt, không hiện tiền, không chánh, không tà, không lấy, không bỏ, gọi đó là chánh kiến xuất thế gian.

Thế nào là chánh kiến xuất thế gian? Người này không thủ đắc thế gian, không thủ đắc xuất thế gian, đã vượt khỏi thế gian, không còn phân biệt, đó gọi là chánh kiến xuất thế gian. Người chánh kiến là người thấy biết như thật về thế gian, xuất thế gian cũng như vậy. Người này không còn phân biệt đây là thế gian, đây là xuất thế gian, đoạn trừ các vọng tưởng phân biệt, gọi là chánh kiến xuất thế gian. Người này không thấy tà, thấy chánh, đoạn tất cả ý niệm của tâm, đó gọi là chánh kiến. Lại nữa, người chánh kiến là ở trong các pháp hoàn toàn không sai biệt nên gọi là chánh kiến. Lại nữa, người chánh kiến là thấy biết như thật về nghĩa các tà kiến. Chánh kiến là quán các tà kiến tức là bình đẳng. Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ nơi chánh kiến.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát trụ trong chánh kiến, biết như thật về chánh tư duy và nghĩ thế này: “Tất cả tư duy đều là tà, cho đến tư duy về Niết-bàn, tư duy về Phật cũng đều là tư duy tà. Vì sao? Vì đoạn trừ các phân biệt, đó gọi là chánh tư duy, không còn phân biệt gọi là chánh phân biệt, đoạn trừ phân biệt là chánh phân biệt. Vì sao? Vì người này thấy biết tất cả tướng tư duy rồi thì không thấy có tà. Người này liền không còn phân biệt là đây, là kia, an trụ trong chánh phân biệt như vậy. Lại không còn phân biệt là chánh hay tà. Người này liả các sự phân biệt, vượt qua các phân biệt, nên gọi là

chánh tư duy. Người chánh tư duy tức là người thấy biết, phân biệt về tất cả phân biệt đều là hư vọng, không thật, từ điên đảo sinh khởi. Trong các phân biệt không có phân biệt thì người này an trụ nơi chánh tư duy, lại không phân biệt là chánh hay tà. Lìa các phân biệt, vượt qua các phân biệt, đoạn trừ các phân biệt nên gọi là chánh phân biệt. Lúc ấy, người này ở trong tất cả phân biệt không còn bị ràng buộc, thấy biết các tánh phân biệt đều bình đẳng nên gọi là an trụ nơi Chánh tư duy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát siêng năng tu tập chánh ngữ tức người ấy thấy tất cả lời nói đều hư vọng không thật, đều từ điên đảo sinh ra, chỉ từ các nhân duyên, phân biệt, tưởng nghĩ mà có. Người ấy nghĩ thế này: “Tương ngôn ngữ trong ngôn ngữ là không thể thủ đắc, dứt bất tất cả ngôn ngữ, biết như thật tất cả khẩu nghiệp, gọi đó là chánh ngữ. Người có thể thấy lời nói không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, đó gọi là chánh ngữ. Khi người này an trụ trong thật tướng, những lời họ nói ra đều là chánh ngữ, nên nói an trụ trong chánh ngữ. Người này được an trụ nơi khẩu nghiệp thanh tịnh bậc nhất, cũng thấy biết các tướng của khẩu nghiệp, cũng thông đạt tất cả ngôn ngữ. Lời người này nói ra hoàn toàn không tà vạy, nên gọi là an trụ nơi chánh ngữ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát biết rõ tất cả nghiệp đều là tà nghiệp, biết tất cả nghiệp đều hư vọng, không có thật, không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì trong các nghiệp không có một tướng nhất định, diệt tất cả các nghiệp gọi là chánh nghiệp. Người chánh nghiệp là đối với nghiệp không phân biệt là tà hay chánh, vì bình đẳng đi vào các nghiệp nên không phân biệt là tà nghiệp hay chánh nghiệp, nên nói là chánh nghiệp.

Lại chánh nghiệp là nghĩa không bị ràng buộc trong ba cõi, thấy biết nghĩa như thật. Trong bình đẳng như thật lại không có phân biệt là tà, là chánh. Bồ-tát hành chánh nghiệp như vậy, là thấy biết như thật nơi tất cả nghiệp. Đối với các pháp không lấy không bỏ, nên gọi là hành chánh nghiệp, trong chánh nghiệp không có tà nghiệp. Người này vì thấy biết như thật nên nói an trụ nơi chánh nghiệp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ tất cả các mạng đều là tà mạng? Vì sao? Vì nếu có tướng mạng, tướng pháp, tướng thủ, cho đến tướng Niết-bàn, tướng Phật, tướng pháp Phật thanh tịnh, an trụ trong đó mà cho là mạng thanh tịnh đều gọi là tà mạng.

Người chánh mạng là xả bỏ sự tham chấp về của cải của đời sống riêng tư, chấm dứt các sự mua bán, đổi chác, không phân biệt, không hý luận, vượt qua tất cả hý luận, đó gọi là chánh mạng. Trong chánh mạng không còn phân biệt đây là chánh mạng, đây là tà mạng, liền được tất cả mạng thanh tịnh nên gọi là được chánh mạng thanh tịnh. Lại nữa, tất cả các mạng đều không sinh, không có chánh tà. Người đó được gọi là đắc mạng thanh tịnh, an trụ nơi chánh đạo, không còn hý luận. Trụ trong chánh mạng như vậy, không lấy chánh mạng, không bỏ tà mạng, cho nên nói là trụ trong chánh mạng. Bấy giờ không còn gọi người này là trụ nơi chánh, trụ nơi tà, được mạng thanh tịnh bình đẳng, lìa tướng mạng, không động, không tác, không nghĩ mạng, không nghĩ phi mạng. Chỉ gọi là người biết như thật, người thấy như thật, nên nói là trụ nơi chánh mạng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ chánh tinh tấn? Đại Bồ-tát trụ nơi chánh tinh tấn là đoạn trừ tất cả đạo tinh tấn, nên gọi là trụ nơi chánh tinh tấn. Vì sao? Vì tất cả tinh tấn đều là tà, có các sự phát sinh, có tạo tác, có hành động, đều gọi là tà. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là tạo tác, tà có sự phát sinh, tạo tác là hư vọng. Nếu là hư vọng cũng là tà.

Chánh tinh tấn là không phát, không tác, không hành, không nguyện, ở trong tất cả

pháp dứt hẳn sự tạo tác. Bồ-tát ở trong tất cả pháp dứt hết sự tạo tác, cho đến trong tướng Phật, tướng Niết-bàn, không còn sinh tướng tạo tác. Người này biết rõ tất cả sự tạo tác đều là hư vọng, vì không tạo tác nên hành đạo. Nếu là người chân chánh thì không tạo tác, tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác, vượt qua tướng tạo tác, không còn tạo tác. Bồ-tát này biết rõ tinh tấn không phải là đạo tinh tấn, không lấy, không bỏ nên nói là trụ nơi chánh tinh tấn.

Người chánh tinh tấn tức là ở nơi các nghĩa tinh tấn không thể thủ đắc, tức là thấy biết như thật nghĩa tất cả các pháp. Người thấy như vậy là chánh tinh tấn, không còn phân biệt là tà tinh tấn, hay là chánh tinh tấn, nên nói là chánh tinh tấn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ về chánh niệm?

Đại Bồ-tát thấy biết tất cả niệm đều là tà niệm, hễ có chỗ của đối tượng niệm đều là tà niệm. Vì sao? Vì tất cả niệm là tà niệm. Nếu ở chỗ đối tượng niệm mà sinh khởi đều là tà niệm, không tưởng, không niệm, gọi là chánh niệm. Vì sao? Vì tất cả niệm đều từ nhân duyên hư vọng sinh khởi, cho nên chỗ nào có sinh ra niệm là tà niệm, nếu chỗ nào không sinh không diệt, gọi là chánh niệm. Không có chỗ nào để nghiệp của niệm phát sinh, nên gọi là an trụ trong niệm thanh tịnh, không chỗ sinh tà niệm. Người này thấy biết tất cả pháp đều là tà, ở trong chánh pháp này không có niệm nên nói an trụ trong chánh niệm.

Lại nữa, người chánh niệm là đối với pháp không phân biệt là chánh niệm hay là tà niệm. Người này thông đạt tất cả niệm đều là tướng vô niệm, thường hành sáu tâm xả nên nói là trụ nơi chánh niệm. Người này không còn tham ưa, cũng không phân biệt vô niệm ấy, vì các pháp bình đẳng. Người này thông đạt tất cả niệm, vì thấy biết như thật nơi tất cả niệm, không lấy, không bỏ niệm hay phi niệm, nên nói an trụ trong chánh niệm. Đối tượng niệm của người này không phân biệt là bình đẳng hay không bình đẳng. Đối với niệm, phi niệm, không tùy thuộc, không duyên dựa. Do không duyên dựa nên biết tất cả niệm là phi niệm, tâm không còn ở trong niệm hay phi niệm. Người này an trụ nơi chánh niệm, không thể diễn nói, không thể chỉ bày, đoạn dứt tất cả ngôn ngữ, xa lìa tất cả ngôn ngữ, thấy biết như thật về tất cả ngôn ngữ, không còn phân biệt đây, kia nên gọi là an trụ nơi chánh niệm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ nơi chánh định?

Đại Bồ-tát quán tất cả định đều là tà định. Vì sao? Vì ở trong các pháp chấp thủ nơi tướng duyên định, chấp thủ nơi tướng biết định, chấp thủ nơi tướng Tam-muội hý luận về định thì đều gọi là tà. Tà tức là nghĩa tham chấp, định này không như vậy. Như đối tượng duyên chấp thủ nơi tướng hay không thủ nơi tướng cũng không cầu, không hý luận, không nhớ nghĩ, gọi đó là chánh định. Nếu không tham chấp, không phân biệt cái này, cái kia, chấm dứt sự ưa thích, tham vương, không thọ vị định, phá trừ tướng chấp thủ nơi định, tâm không trụ nơi nào, đó gọi là chánh định.

Lại nữa, người chánh định là không nương tựa trong tất cả định, không hý luận. Thông đạt như thật về bản thể của pháp, biết rõ tướng định, tâm không tham chấp, muốn phá ý niệm chỗ này, chỗ kia. Lời nói như vậy cũng không phân biệt, dứt trừ tất cả phân biệt nên gọi là chánh định. Lại nữa, trong chánh định hoàn toàn không sinh tướng tà chánh, phá bỏ tất cả tướng, dứt tất cả tướng, diệt tất cả tướng, gọi là chánh định.

Chánh định không sinh tà, chánh, không phân biệt tà, chánh, gọi đó là chánh định. Vì sao? Vì Bồ-tát này thông đạt định phương tiện nên trụ trong chánh định ấy, không còn bị định hay tướng định trói buộc, vượt qua các tướng định nên gọi là chánh định. Gọi



chánh định là đối với các pháp không còn hý luận, bình đẳng trong các pháp, dứt bật hý luận, nghĩa là không còn gọi đây là chánh, đây là tà. Chánh định tức là nghĩa bình đẳng nơi các pháp. Chánh định thoát ra khỏi các thiền định thuộc tất cả pháp hữu vi trong ba cõi, có thể thấy biết như thật về sinh tử trong năm đường.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là Đại Bồ-tát trụ ở trong chánh định, còn gọi là đắc chánh định phương tiện, gọi là biết rõ đạo, biết rõ về đạo phương tiện, nghĩa là thấy biết như thật, có thể đạt đến đạo Niết-bàn.

## M

### Phẩm 9: THẾ GIAN, XUẤT THẾ GIAN

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ pháp thế gian, xuất thế gian? Thế nào là Bồ-tát được phương tiện của pháp thế gian, xuất thế gian?

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán pháp thế gian, xuất thế gian. Những gì là pháp thế gian?

Bồ-tát suy nghĩ: “Tất cả pháp tướng nghĩ, phân biệt đều từ các nhân duyên điên đảo phát sinh, lệ thuộc duyên hư vọng, từ hai tướng ấy sinh khởi, hoàn toàn không có thật, cũng như cầu vồng nhiều màu, giống như vòng lửa đối gặt phàm phu với nghĩa hư hoại, tạm mượn thế gian nên gọi là thế gian. Các pháp thế gian đều chẳng phải thật có, từ các duyên hư vọng, không có tướng sinh khởi, không có tướng tạo tác. Chỉ vì ấm, giới, nhập, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên nói là thế gian, vì danh sắc nên nói là thế gian. Tùy theo chỗ tham chấp của tâm phàm phu, lại tùy theo vô số tham chấp nơi tà kiến như núi tơ rối không có đầu mối, như rễ loài cỏ tranh bò lan dưới mặt đất đan nhau chằng chịt, tương ứng theo điên đảo nên gọi là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian?

Pháp thế gian như vậy từ xưa đến nay tánh vốn xa lìa, như thật, nên gọi là xuất thế gian. Vì sao? Vì người trí tìm cầu pháp thế gian không thể được, tìm cầu pháp xuất thế gian không thể được, không có thế gian, không có xuất thế gian. Ở trong đó không phân biệt đây là thế gian, đây là xuất thế gian, chỉ vì thế gian nên nói xuất thế gian. Thật tướng của thế gian tức là xuất thế gian. Vì sao? Vì thế gian không thể có được tướng nhất định. Tướng thế gian từ xưa đến nay thường là không, vì pháp thế gian không nhất định, nên thế gian từ xưa đến nay là tướng tịch tĩnh. Bồ-tát này quán thế gian, xuất thế gian như vậy, không chấp thủ thế gian, cũng không tham vướng xuất thế gian. Người này vì không niệm, không tham vướng thế gian, xuất thế gian nên không tranh luận với thế gian. Vì sao? Vì người trí thông đạt thế gian là tướng hư vọng, thấy thật tướng của thế gian nên không còn phân biệt đây là thế gian, đây là xuất thế gian. Vì sao? Này Trì Thế! Thế gian là nghĩa năm thọ ấm, tất cả pháp thế gian được thấu gồm vào trong đó. Người trí tìm ấm chẳng được ấm, chẳng được tánh ấm, chẳng được chỗ ấm đến, chẳng được chỗ ấm trụ, chẳng được chỗ ấm đi, chẳng có năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, không phân biệt, không danh tự, không tánh, không tướng, không hành, thì gọi là xuất thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Bồ-tát quán pháp thế gian, xuất thế gian, không thấy thế gian hợp cùng với xuất thế gian, không thấy xuất thế gian xa lìa thế gian. Người này không lìa thế gian thấy xuất thế gian, cũng không lìa xuất thế gian thấy thế gian. Người này không còn duyên vào hai hành thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Này Trì Thế! Vì

tướng như thật của thế gian tức là xuất thế gian, không tìm thấy tướng thế gian trong thế gian, không tìm thấy được pháp thế gian trong pháp thế gian, vì không thấy có. Người thông đạt pháp này tức là xuất thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu thế gian cùng với xuất thế gian khác nhau, chư Phật sẽ không xuất hiện ở đời, chư Phật cũng sẽ không thuyết giảng tất cả thế gian là không thể thủ đắc, tất cả thế gian không sinh, thấy biết như thật về tất cả thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu không đắc thế gian, không thủ thế gian tức là xuất thế gian, cho nên phải biết thấy biết như thật về thế gian, vì thông đạt thế gian không thể thủ đắc tức là nói về xuất thế gian, cho nên chư Phật xuất hiện nơi thế gian. Tất cả các pháp thế gian hay xuất thế gian, vì không phân biệt, không hai, vì chứng tri kiến như thật, nên nói pháp xuất thế gian ấy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Pháp thế gian sâu xa như vậy, khó đạt được tận cùng, y vào pháp thế gian thì được pháp thế gian. Người hy vọng nơi pháp xuất thế gian thì đối với lời nói thế tục, sinh tướng biết rõ về Đệ nhất nghĩa. Người trụ nơi hai pháp không thể vào được trong pháp như vậy. Vì sao? Vì người này không biết thế gian, không biết xuất thế gian, nên đều hành hai pháp ấy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Người hành hai pháp không thể thông đạt thế gian, xuất thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát biết rõ pháp thế gian, xuất thế gian như vậy nên đạt được phương tiện của pháp thế gian, xuất thế gian.

## M

### Phẩm 10: PHÁP HỮU VI, VÔ VI

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ pháp hữu vi, vô vi và đắc phương tiện của pháp hữu vi, vô vi?

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán pháp hữu vi, vô vi. Thế nào là chánh quán? Pháp hữu vi này không có người làm ra, không có người lãnh thọ. Pháp hữu vi này luôn luôn nằm trong sự tự sinh tự diệt nên gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi này do các hành hòa hợp với nhân duyên hư vọng. Vì sao? Vì các hành luôn ở trong sự tự diệt. Do hai tướng duyên, biết nên gọi là pháp hữu vi sinh. Pháp này không có người tạo tác, không có người sai khiến, pháp này tự sinh, không ai có thể tạo ra nên gọi là pháp hữu vi. Các pháp hữu vi này không ở trong, ngoài, trung gian, không hợp, không tan. Từ gốc hư vọng phân biệt sinh khởi, do nhân duyên vô minh nên đều không thật có, chỉ do sức của các hành nên có tác dụng. Pháp này không có người tạo tác, không có người làm ra, nên gọi là hữu vi. Hữu vi là nghĩa ràng buộc, tùy theo chỗ tham chấp điên đảo của phàm phu mà nói ra. Người trí thông đạt không theo pháp hữu vi, không bị pháp hữu vi trói buộc. Người trí không theo chỗ tính đếm nên gọi là hữu vi. Vì sao? Vì người trí không phân biệt hữu vi, vì phàm phu thế tục nên tạm gọi, phân biệt là hữu vi. Hiền thánh không theo danh số của tất cả các pháp. Các Hiền thánh lìa danh số của các pháp nên gọi “Đắc vô vi”, nên gọi là Hiền thánh. Người trí thông đạt tất cả pháp hữu vi đều là vô vi nên không còn tạo ra các nghiệp. Người trí thấy rõ tất cả pháp hữu vi sinh khởi là do vọng tưởng hư dối, nên không còn khởi tác hữu vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi không có tánh nhất định. Tất cả pháp hữu vi đều không có tánh, không khởi tác. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Không có trường hợp hành duyên hữu vi mà có thể thông đạt vô vi. Người

thông đạt hoàn toàn không còn duyên nơi hữu vi. Thế nào là thông đạt? Người trí thấy tất cả pháp hữu vi đều hư vọng, không có nguồn gốc, không quyến thuộc, không ở trong số lượng. Khi quán như vậy không còn tham chấp duyên nơi hữu vi, cũng không chấp thủ pháp hữu vi. Vì sao? Nay Bồ-tát Trì Thế! Không phải lia hữu vi là được vô vi, không phải lia vô vi là được hữu vi. Tướng như thật của hữu vi chính là vô vi. Vì sao? Vì không có hữu vi trong hữu vi, không có vô vi trong vô vi. Chỉ vì chúng sinh tương ứng với điên đảo, làm cho họ thấy biết về pháp hữu vi nên phân biệt nói pháp hữu vi, pháp vô vi, tướng hữu vi, tướng vô vi. Ở trong ấy những gì là tướng hữu vi? Nghĩa là sinh, trụ, dị, diệt.

Thế nào là tướng vô vi? Nghĩa là không sinh, không trụ, không dị, không diệt. Đó là nói tướng hữu vi và tướng vô vi chỉ vì hướng dẫn cho phàm phu.

Này Bồ-tát Trì Thế! Pháp hữu vi không có tướng sinh, tướng trụ, tướng dị, tướng diệt, nên nói tướng sinh, trụ, dị, diệt là không có sinh, không có tướng. Nếu pháp hữu vi này nhất định có ba tướng, Phật sẽ quyết định nói tướng như vậy là sinh, tướng như vậy là diệt, như vậy là trụ, dị.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai thuyết giảng tất cả pháp đều là vô tướng. Nay Trì Thế! Vô sinh nếu có tướng, vô diệt nếu có tướng, vô trụ, dị nếu có tướng, chắc chắn Phật phải nói đó là tướng vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu vô vi mà có tướng, có nói được thì chẳng phải là vô vi. Nói về tướng, chỉ vì phàm phu nên nói về số pháp, nói về ba tướng hữu vi là sinh, diệt, trụ, dị, nói ba tướng vô vi là vô sinh, vô diệt, vô trụ dị.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người thấy biết, thông đạt pháp hữu vi, vô vi, người ấy hoàn toàn không còn có sinh, diệt, trụ dị, nên gọi là người được vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sinh diệt tức là thấy nghĩa của tập diệt. Nếu pháp không tập khởi thì không có diệt mất. Nếu không tập khởi thì không có thoái thất, cũng không có trụ dị.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là thấy biết như thật về hữu vi. Nếu người thấy biết như thật về hữu vi thì không rơi trong pháp số là sinh, diệt, trụ, dị. Bồ-tát tư duy về pháp hữu vi, vô vi như vậy, không thấy pháp hữu vi hợp với pháp vô vi, cũng không thấy pháp vô vi hợp với pháp hữu vi. Chỉ nghĩ thế này: “Tướng như thật của pháp hữu vi tức là vô vi” thì hoàn toàn không còn phân biệt. Nếu không phân biệt pháp hữu vi, vô vi tức là pháp vô vi. Nếu phân biệt đây là hữu vi, đây là vô vi thì không thể thông đạt vô vi. Dứt trừ tất cả phân biệt, gọi là thông đạt vô vi. Thông đạt tánh duyên như thật, dứt các duyên, không ở pháp số, không ở phi pháp số.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát biết rõ phương tiện về pháp hữu vi, vô vi, nghĩa là đối với các pháp không chỗ trụ, không bị trói buộc, cũng không tham thọ nhận pháp hữu vi hay vô vi.

### M

#### Phẩm 11: BẢN SỰ

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu Đại Bồ-tát biết rõ như thật về năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập, mười hai nhân duyên, bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Thánh đạo, pháp thế gian, xuất thế gian, pháp hữu vi, vô vi, sẽ được biết rõ về thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt văn từ, chương cú của tất cả pháp. Cũng được niệm lực, do niệm lực này

chuyển thân thành tựu niệm bất đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nơi đời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, bấy giờ có Phật hiệu là Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương này sống lâu năm kiếp, có vô lượng chúng Thanh văn. Quốc độ của Phật đó thanh tịnh, trang nghiêm, giàu có, an ổn, vui vẻ. Các chúng sinh ở quốc độ đó hoàn toàn sung sướng, ít tham dục, sân giận, ngu si, dễ dạy, dễ độ, dễ làm cho thanh tịnh. Này Trì Thế! Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương này vì các Bồ-tát cũng thuyết giảng kinh Đoạn Trừ Nghi Hoặc Cho Chúng Sinh Thuộc Bồ-tát Tạng này.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bấy giờ có Bồ-tát tên là Bảo Quang, nghe âm, giới, nhập, duyên, bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Thánh đạo, thế gian, xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, phương tiện thì liền phát khởi tinh tấn. Hai mươi ức năm hoàn toàn không sinh tâm ác, hoặc tham dục, sân giận, ngu si, hoặc lợi dưỡng về ẩm thực, y bát. Chỉ vì hội nhập nơi pháp môn phương tiện này nên thường siêng năng tinh tấn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát Bảo Quang ấy ở chỗ Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương trọn đời luôn tu phạm hạnh. Sau khi mạng chung được sinh trở lại làm người ở trong quốc độ của Phật đó. Mạng chung lúc tuổi còn nhỏ, liền sinh trở lại quốc độ Phật đó và tu tập phạm hạnh, nơi mỗi một kiếp có năm trăm lần sinh tử. Lần sinh cuối cùng lúc Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương sắp nhập Niết-bàn thì ở kiếp thứ năm thành tựu pháp đa văn như vậy, cũng chứng đắc phương tiện thật tướng của các pháp như vậy. Theo Phật nghe các pháp thì đều có thể ghi nhớ, được niệm lực như vậy nên bạch Phật: “Cúi xin Đức Thế Tôn rộng thuyết giảng các pháp cho con. Ngay trong đời này độ thoát cho vô lượng, vô biên chúng sinh, khiến họ an trụ trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương này khi nhập Niết-bàn vì sự hộ trì pháp nên hộ niệm cho Bồ-tát Bảo Quang. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ một kiếp, người này ở trong một kiếp ấy, nơi năm trăm đời thường sinh vào cõi nhân gian, xuất gia học đạo, cũng thường đối với thật tướng của các pháp được tăng trưởng tự tại, cũng tạo lợi ích cho vô lượng, vô biên chúng sinh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát Bảo Quang ấy lần lượt được gặp vạn ức chư Phật như vậy, vào đời sau cùng, được Phật Vô Lượng Quang thọ ký, trải qua a-tăng-kỳ kiếp sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong a-tăng-kỳ kiếp lại gặp trăm ngàn vạn ức na-do-tha chư Phật, sau cùng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành Phật hiệu là Nhất Thiết Nghĩa Quyết Định Trang Nghiêm gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng Bồ-tát và vô lượng Thanh văn Tăng. Phật sống hai kiếp, quốc độ của Đức Phật ấy giàu có, an ổn, vui tươi, tất cả đều được trang nghiêm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Bồ-tát muốn được các pháp phương tiện như vậy thì ở trong bốn pháp phải siêng năng tinh tấn. Bốn pháp đó là:

1. Xuất gia.
2. Độc hành.
3. Trì giới thanh tịnh.

4. Trừ tâm biếng trễ.

Bồ-tát có bốn pháp ấy nên siêng cầu về đa văn, an trụ nơi nhẫn nhục sẽ mau được gặp ngay bốn pháp. Đó là:

1. Sinh trong cõi Diêm-phù-đề.
2. Được gặp Phật.
3. Tùy pháp hành.
4. Đoạn trừ mọi nghiệp chướng của tội lỗi.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong pháp này phải siêng năng tinh tấn mới được sức của bố thí thanh tịnh, trì giới thanh tịnh, nhẫn nhục thanh tịnh, tinh tấn thanh tịnh, thiền định thanh tịnh, sức của trí tuệ thanh tịnh. Đại Bồ-tát trụ trong pháp này thì sẽ mau chóng được sức phương tiện như vậy.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát tuy hành pháp Đầu-đà vi tế, cũng thường có tâm đại Bi đối với chúng sinh. Người ấy đi vào tâm đại Bi nên ở trong pháp phương tiện này rất siêng năng tinh tấn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Lại có Đại Bồ-tát muốn chứng đắc pháp như vậy phải siêng năng tinh tấn đi vào các môn Đà-la-ni. Vì sao nhập nơi môn Đà-la-ni cần phải siêng năng tinh tấn? Nghĩa là quán sát rõ vô lượng duyên của tất cả các pháp, cũng quán vô lượng phương tiện của tất cả pháp, cũng quán vô lượng phương tiện sinh khởi. Khi quán như vậy, dùng môn Tam-muội phương tiện khéo vào vô lượng duyên của các pháp môn, cũng vào vô lượng phương tiện, vào sự sinh khởi vô lượng duyên phương tiện, ở trong pháp này nhờ đạt được diệu lực nên biết rõ thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ văn từ, chương cú, cũng được niệm lực, cũng được chuyển thân thành tựu niệm bất đoạn, pháp bất thoái, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát đi vào các môn Đà-la-ni nên thông đạt nhân duyên tùy thuận nơi tất cả các pháp. Dùng một nhân duyên có thể đi vào ngàn loại nhân duyên, tùy sức của trí tuệ mà được phương tiện các pháp.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong pháp như vậy nhờ siêng năng tinh tấn nên đi vào môn nhất tướng Tam-muội, được môn nhất tướng Tam-muội thì đi vào môn vô lượng tướng Tam-muội. Đi vào như vậy rồi thì dùng vô số phương tiện nhân duyên đi vào các pháp môn ấy. Các Bồ-tát đi vào tất cả các pháp môn như vậy rồi thì sẽ được tất cả phương tiện của các pháp.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát phần nhiều hành trí tuệ nên biết rõ tướng các thiền định, cũng biết rõ Tam-muội vô duyên. Nhờ sức của Tam-muội phương tiện này nên biết rõ vô lượng duyên, phát sinh vô lượng thiền định. Bồ-tát trụ trong địa ấy tức đạt được tất cả thật tướng của các pháp phương tiện.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thường quán sát các duyên phương tiện của thế gian, thường quán sát duyên phương tiện của pháp hữu vi, thường quán sát các duyên phương tiện của thế đế, cũng thường siêng năng phá trừ duyên phương tiện của tất cả pháp, cũng không tham chấp một nơi nào. Bồ-tát tu tập pháp như vậy thì mau chóng được phương tiện thật tướng của các pháp.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát siêng năng tinh tấn, phát khởi sức phương tiện mà cũng thường quán thật tướng của các pháp, không nương tựa vào cái vui ở đời, cũng không thực hành xen tạp pháp của thế gian. Người thành tựu pháp như vậy thì sẽ mau chóng chứng đắc thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ về văn từ, chương cú của tất cả pháp, cũng được niệm lực, cũng được chuyển thân thành tựu niệm bất đoạn,

cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát muốn được vượt qua bờ kia của các pháp thì ngay nơi pháp này phải y như lời dạy mà tu hành. Này Trì Thế! Các ông nên siêng năng tinh tấn đối với pháp này, không bao lâu các ông sẽ được trí tuệ vô ngại nơi pháp ấy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nơi đời quá khứ vô lượng, vô biên bất khả tư nghì a-tăng-kỳ kiếp về trước, bấy giờ có Phật hiệu là Vô Lượng Quang Đức Cao Vương gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này sống lâu một kiếp, quốc độ của Đức Phật ấy dùng màn lưới bằng bảy báu che phủ ở trên, dùng tất cả các cây Đa-la bằng bảy báu để trang nghiêm cho thế giới đó. Các cây Đa-la này cũng dùng màn lưới bằng bảy báu bao phủ ở trên. Bên mỗi gốc cây có trái tòa Sư tử. Các cây Đa-la đều sinh ra thiên y, các tòa đều dùng lưu ly báu, vàng Diêm-phù-đàn, xích trân châu làm thành. Bốn bên các cây Đa-la đều có cây hương, cây hoa trang nghiêm chung quanh. Nơi mỗi gốc cây đều có hồ, nước tám công đức tràn đầy trong đó. Các ao đó đều dùng pha lê, xa cừ, xích trân châu làm thành. Trên mặt nước trong các ao đều có các loại hoa sen xanh, đỏ, trắng, hồng bao phủ, dùng toàn bảy báu làm lan can bao quanh các ao.

Này Bồ-tát Trì Thế! Quốc độ của Phật ấy dùng toàn các thứ báu như vậy để trang nghiêm thế giới. Lại có cây báu bốn bên như cây Ba-lợi-da Đa-la, Ca-câu-tỳ Đa-la ở cõi trời Đao-lợi. Ngàn vạn ức số cây báu như vậy bao bọc chung quanh thế giới. Các cây báu này sáng chói, che khuất tất cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng, khiến chúng không còn hiện được.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các cây Đa-la và lưới báu tự nhiên phát ra vô số mùi thơm, tiếng hay như âm thanh ca ngâm của kỹ nữ cõi trời. Quốc độ của Phật đó thường phát ra những âm thanh vi diệu như vậy. Quốc độ ấy không có ba đường ác, cũng không có tên gọi ba đường ác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này vì các chúng sinh nên thuyết giảng nhiều pháp như vậy. Đó là Bát-nhã Ba-la-mật và kinh thuộc Bồ-tát tạng: Đoạn Nhất Thiết Chúng Sinh Nghi, Hỷ Nhất Thiết Chúng Sinh Tâm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương thuyết pháp, trong một ngày có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người đã phát tâm đều được đầy đủ pháp trợ Bồ-đề. Này Trì Thế! Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này dùng nhân duyên ấy để giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sinh thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong quốc độ của Đức Phật đó có vô số Đại Bồ-tát.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sau khi Đức Phật đó diệt độ, chánh pháp trụ nửa kiếp. Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này sau khi diệt độ, lúc chánh pháp sắp diệt thì ở phương dưới, cách mười thế giới Phật, có Bồ-tát tên là Vô Lượng Ý, mạng chung rồi thì thọ sinh trở lại, mới mười sáu tuổi xuất gia học đạo, ngay khi chánh pháp của Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương sắp diệt, nghe giảng nói kinh Phương Tiện Ấm Giới Nhập này của Đại Bồ-tát, Bồ-tát Vô Lượng Ý nghe xong liền phát khởi đại tinh tấn, ngay nơi pháp ấy đạt đến tận cùng, thành tựu sức phương tiện sâu xa. Bồ-tát ấy nhờ nhân duyên của căn lành này, nên sau khi mạng chung được gặp hai mươi ức Phật, đều được thành tựu pháp như vậy, thường biết túc mạng, đồng chân xuất gia tu hành phạm hạnh, thường

được niệm lực, đời đời không lìa pháp ấy, đời đời thành tựu niệm không gián đoạn, sau cùng đắc thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Phật Vô Lượng Quang Trang Nghiêm Vương.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát nếu muốn mau chóng đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu muốn mau chóng được đầy đủ tất cả trí tuệ, sau khi ta diệt độ năm trăm năm trong đời ác trước, phải siêng năng hộ trì, phát đại thệ nguyện, nên sinh tâm mong muốn, rất tinh tấn, hoàn toàn không buông lung, ở đời sau phải luôn hộ trì những kinh điển như vậy.

Bấy giờ, các Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa... là bậc Thượng thủ, từ tòa ngai đứng dậy, hướng về phía Phật, chấp tay thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con trong năm trăm năm sau, sau khi Phật diệt độ, lúc chánh pháp sắp diệt, chúng con sẽ giữ gìn những kinh như vậy, sẽ siêng năng tinh tấn đọc tụng, lãnh thọ, cũng sẽ giảng dạy rộng rãi cho những người khác.

Lại có ngàn ấy ngàn số Bồ-tát từ chỗ ngai đứng dậy, chấp tay hướng về Phật chiêm ngưỡng tôn nhan Phật và phát nguyện:

–Kính bạch Thế Tôn! Trong năm trăm năm nơi đời sau, chúng con phát thệ nguyện: Ở nơi trụ xứ của chư Phật thâm diệu không cấu nhiễm như vậy, nghe các công đức thiện có thể sinh của Bồ-tát, được đầy đủ pháp trợ Bồ-đề cho các Bồ-tát, chúng con sẽ cùng nhau hộ trì người nghe pháp này, sẽ làm cho tâm người đó luôn thanh tịnh, vui vẻ và chuyên tâm dốc cầu, thọ trì, đọc tụng.

Bấy giờ, Phật liền mỉm cười. Ngay khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới có vô lượng ánh sáng chiếu khắp, tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách. Lúc này, Tôn giả A-nan liền rời tòa ngai đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì sao hôm nay Đức Thế Tôn mỉm cười và đại địa chấn động?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy các Bồ-tát này phát đại thệ nguyện là ở đời sau sẽ hộ trì các pháp thâm diệu không cấu nhiễm như vậy không? Này A-nan! Các Bồ-tát này không phải chỉ đời này mới phát thệ nguyện như vậy. Này A-nan! Ta nhớ các Bồ-tát này ở chỗ vô lượng, vô biên chư Phật đã từng phát thệ nguyện như vậy. Ba đời hộ trì pháp của chư Phật, cũng thường làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ngày nay trong ba thời cũng hộ trì pháp của ta. Ngay hiện tại và sau khi ta nhập Niết-bàn, khi pháp sắp diệt cũng sẽ làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Này A-nan! Như Bồ-tát Bạt-đà-bà-la... ba thời hộ trì pháp của ta, cũng lại ngay trong Hiền kiếp này, ba thời hộ trì pháp của chư Phật. Đối với chư Phật đời vị lai cũng ba thời hộ trì pháp như vậy. Này A-nan! Ta nay khen ngợi người này thành tựu công đức vô lượng như vậy nói không thể hết luôn thương xót tạo lợi ích, an ổn cho chúng sinh.

Này A-nan! Nếu ta nói hết công đức của người ấy, người đời không thể tin. Nếu người không tin lời Phật, người đó mãi mãi mất mọi sự lợi ích, đọa nơi đường ác, chịu các khổ não.

Này A-nan! Ta nay nói sơ lược về các Bồ-tát này đã làm lợi ích cho chúng sinh. Giả sử tam thiên đại thiên thế giới, ở đó đầy cả chúng sinh đều bị đọa nơi đại địa ngục, trong đó có một người nói với các chúng sinh kia: “Các người chớ có sợ hãi, nay ta sẽ thay thế cho tất cả các người chịu khổ trong cõi này.” Người này lập tức đưa chúng sinh

ra khỏi địa ngục và đều vì mỗi một chúng sinh mà chịu khổ nơi địa ngục trải qua ngàn vạn năm.

Này A-nan! Ý ông nghĩ thế nào? Có phải người này làm lợi ích lớn, tạo an lạc lớn không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Người này đã làm lợi ích lớn, tạo an lạc lớn cho chúng sinh.

–Này A-nan! Người này đưa chúng sinh ra khỏi địa ngục xong, hiện bày uy lực làm cho tất cả đều thành tựu sự an vui bậc nhất ở thế gian. Này A-nan! Có phải người này là người có công ơn ban vui cho chúng sinh không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Người này đã tạo lợi ích cho chúng sinh, không có thể dùng lời nói diễn đạt được.

–Này A-nan! Nay ta nói thật cho ông rõ: Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa... đã tạo lợi ích cho chúng sinh và nay cũng tạo lợi ích cho chúng sinh, việc làm lợi ích an vui của hai người này, toán số, thí dụ cũng không thể so sánh. Vì sao? Này A-nan! Vì sự ưa thích của người ấy hoàn toàn trái với pháp hữu vi, không phải vì sự nhàm chán, không phải vì lừa dối, không phải vì trí tuệ, không phải vì quả vị Sa-môn, không phải vì Niết-bàn. Này A-nan! Các Bồ-tát này làm lợi ích cho tất cả chúng sinh bằng cách ban vui vô thượng. Tất cả những người trí vì ưa cầu Phật đạo, đều làm Phật sự, người chưa đi vào chánh vị thì Bồ-tát này cũng làm cho họ được quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật. Các Bồ-tát đem pháp Phật giáo hóa, chỉ dạy khiến họ được lợi ích an vui.

Này A-nan! Các Bồ-tát này thường chỉ dạy, tạo lợi ích an vui cho các chúng Bồ-tát, vì không diệt mất giống Phật, vì giữ gìn hạt giống Nhất thiết trí nên trụ ở thế gian.

Này A-nan! Những vị ấy nơi quá khứ trong vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, khi hành đạo Bồ-tát đều khiến cho giống Phật không bị đoạn mất. Ở vô lượng trăm ngàn vạn na-do-tha kiếp đời vị lai cũng khiến cho hạt giống Phật không bị đoạn mất. Vì sao? Này A-nan! Vì các Bồ-tát ấy khi hành đạo Bồ-tát đã làm cho vô lượng chư Phật an trụ nơi Phật đạo. Các Bồ-tát này đời đời hộ trì, giáo hóa, thành tựu trăm ngàn vạn ức chư Phật, khiến thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đấy trở về sau cũng lại giáo hóa vô số trăm ngàn vạn ức chúng sinh, làm cho trụ trong Phật đạo. Nhờ sức giáo hóa này nên được đầy đủ pháp Phật, cũng đều sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Cho nên các Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la... này vì ban sự an lạc của giác ngộ, sự an lạc của Nhất thiết trí tuệ cho chúng sinh, nên luôn siêng năng tinh tấn.

Này A-nan! Nếu có người hỏi: “Các Bồ-tát nào là cha mẹ, là người cứu hộ, là nhà cửa, là chỗ nương tựa, là hòn đảo... cho chúng sinh?” Các Bồ-tát sẽ nói đó là năm trăm Bồ-tát như các Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa...

Này A-nan! Người nào thành thật hỏi: “Người nào là các vị Bồ-tát ấy?”, thì phải nói đó chính là năm trăm vị Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa... Các vị thiện nam ấy vì không để đoạn mất giống Phật, không đoạn mất tất cả giống trí tuệ nên trụ ở thế gian. Các thiện nam này cũng ở năm trăm năm cuối nơi đời sau, dùng sức của phương tiện ấy giáo hóa, dùng nhân duyên tạo an lạc làm cho chúng sinh không rơi vào ba đường ác, cũng làm cho vô lượng trăm ngàn chúng sinh trụ nơi thừa Bồ-tát.

Này A-nan! Vô số ngàn Đức Phật nói về những công đức của những thiện nam này cũng không thể hết được. Vì sao? Vì các thiện nam ấy đã thành tựu công đức bất khả tư



ngành như vậy.

Này A-nan! Những pháp tạng mà ta giảng dạy trong vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, các thiện nam ấy đều thọ trì hoàn mãn.

Này A-nan! Ta nay đem pháp bảo đã tu tập trong vô lượng ức kiếp này phó chúc cho các vị ấy. Các thiện nam ấy luôn được chư Phật hiện ở trong vô lượng a-tăng-kỳ quốc độ hộ niệm.

Này A-nan! Các thiện nam này được tất cả hàng trời, người ở thế gian lễ bái, cúng dường.

Này A-nan! Những vị này thường được ngàn Đức Phật trong mười phương khi giảng thuyết pháp luôn khen ngợi.

Này A-nan! Ta đã ấn chứng vì nhằm đoạn nghi ngờ cho tất cả chúng sinh. Người nào ở nơi đời sau cùng, thọ trì, đọc tụng, thông suốt về kinh này và giảng rộng cho người khác thì nên biết, thiện nam, thiện nữ ấy gần với Nhất thiết chủng trí. Người nào ở vào đời sau cuối, được nghe kinh thâm diệu như vậy mà tin hiểu và phát thệ nguyện thì Ta đều thọ ký cho họ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu năm trăm năm cuối nơi đời sau sinh tâm tin hiểu, siêng năng tinh tấn hộ trì kinh này thì nay thiện nam, thiện nữ ấy được ta đem pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phó chúc cho họ. Nếu hàng Thanh văn tin thọ pháp sâu xa này, không có tâm trái ngược, ta cũng thọ ký cho họ đời sau sẽ được gặp pháp hội của Đức Phật Di-lặc. Người nào cầu Phật đạo nghe pháp này mà thọ trì, tin hiểu thì người ấy sẽ được Đức Phật Di-lặc thọ ký, nhờ bản nguyện nên được xuất gia học đạo.

Tôn giả A-nan nên biết! Những thiện nam, thiện nữ ấy, nơi đời sau lúc năm trăm năm cuối, đối với pháp này mà siêng năng tinh tấn hành trì thì nên biết, người ấy căn lành rất mạnh mẽ.

## M

### Phẩm 12: CHÚC LỤY

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trì Thế bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn vì sự lợi ích cho các Đại Bồ-tát mà hộ niệm kinh này. Các Đại Bồ-tát ở đời sau được nghe pháp này thì tâm liền thanh tịnh, an vui, cũng vì muốn đạt được đầy đủ pháp như vậy nên siêng năng tinh tấn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì hộ niệm kinh này, liền dùng thần lực làm cho hương thơm lan khắp tam thiên đại thiên thế giới, từ xưa chưa từng có. Tất cả chúng sinh đều hưởng đến nhau bằng tâm Từ.

Phật hộ niệm xong, bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nay hộ niệm kinh Pháp Ấn Phẩm này để đoạn trừ tất cả nghi ngờ. Này Bồ-tát Trì Thế! Người nào thọ trì đọc tụng kinh này không lâu sẽ được tất cả trí tuệ, chỉ trừ bản nguyện. Ta nay cũng thọ ký cho người ấy mau chóng đạt được đầy đủ tất cả trí tuệ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thọ trì đọc tụng kinh Pháp Ấn Phẩm này mà tư duy, vì người khác giảng nói thì người ấy không lâu sẽ mau chóng đạt được phương tiện của năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Thánh đạo, pháp thế gian, xuất thế gian, pháp phương tiện hữu vi, vô vi, cũng mau chóng chứng đắc thật tướng của các pháp, cũng mau chóng đạt được sự phân biệt

về chương cú nơi tất cả các pháp, cũng mau chóng chứng đắc niệm lực, cũng mau chóng đạt được chuyển thân, thành tựu niệm bất đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Kinh này vào đời sau có thể vì chúng sinh làm nhân duyên phước đức, làm ánh sáng của đại pháp, làm ánh sáng của đại trí tuệ, cũng giúp cho các Bồ-tát đạt đầy đủ pháp trợ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Bồ-tát nào ở đời sau cùng được gặp kinh này và kinh sâu xa khác thuộc tạng Bồ-tát, tương ứng với các Ba-la-mật, thì người ấy không bị việc ma che lấp, không bị nghiệp chướng nào hại.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người ấy chưa được pháp Nhẫn vô sinh thì ta sẽ thọ ký cho người đó nơi Đức Phật thứ hai, thứ ba trong đời vị lai sẽ được pháp Nhẫn vô sinh. Khi đã được pháp Nhẫn vô sinh rồi, đối với tất cả pháp mau chóng đạt được sức tự tại, mau chóng được quốc độ thanh tịnh của Phật, mau được vô lượng chúng Thanh văn, mau được vô lượng chúng Bồ-tát.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nay thuyết giảng pháp ấn này vì đoạn trừ tất cả nghi ngờ cho đời sau. Này Trì Thế! Đại Bồ-tát thấy bốn việc lợi ích nên nơi đời sau cùng hộ trì những kinh này và phát thệ nguyện. Những gì là bốn nguyện? Các Bồ-tát nghĩ thế này:

1. Ta sẽ mau được vô lượng, vô biên công đức, cũng làm cho chúng sinh phát khởi căn lành lớn.

2. Cũng hộ trì chánh pháp cho chư Phật.

3. Cũng làm người giữ gìn tạng pháp cho chư Phật.

4. Cũng gặp và khen ngợi vô lượng chư Phật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy bốn việc lợi ích nơi đời sau cùng hộ trì kinh này và phát thệ nguyện. Những gì là bốn nguyện? Các Bồ-tát nghĩ như vậy:

1. Chúng ta nơi đời xấu ác, sợ hãi sau cùng vì sự hộ trì chánh pháp mà hành đại tinh tấn.

2. Nơi đời xấu ác, sau khi chánh pháp bị suy diệt, dốc giữ gìn tạng pháp, làm việc khó làm này.

3. Nơi đời xấu ác, sau khi pháp đạo loạn, chúng ta dốc bảo vệ chánh pháp nên tâm không loạn.

4. Bây giờ sẽ được đầy đủ nhẫn nhục, dùng pháp không sân giận để giữ gìn chánh pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thấy bốn việc lợi ích ấy nên nơi đời xấu ác sau cùng, hộ trì những kinh sâu xa như vậy và phát thệ nguyện như vậy. Bây giờ năm trăm Bồ-tát như Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa... và các Bồ-tát khác, được nghe kinh Pháp Ấn Phẩm này, liền ở trước Đức Phật chấp tay phát nguyện: “Nơi đời xấu ác sau này xin dốc sức hộ trì pháp sâu xa ấy.”

Phật đưa tay phải xoa đầu tất cả và dạy:

–Này các thiện nam! Ta nơi vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tích tập pháp bảo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Tạng pháp bảo lớn thật khó tích tập, chịu vô lượng, vô biên các ưu bi khổ não, cũng xả bỏ vô lượng, vô biên sự hoan hỷ, an lạc. Nay ta đem phước chúc cho các ông, nơi đời sau cùng sẽ ở trong vô lượng kiếp kiến tập pháp tạng này và mở bày chỉ dạy cho tất cả mọi người, rộng vì bốn chúng phân biệt ban bố môn chánh pháp ấy, khiến không bị đoạn mất. Các ông phải đốt lên ngọn đuốc đại pháp.

Các thiện nam! Ngày nay Như Lai mong muốn: Phật tử các ông hãy trụ chỗ Phật

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trụ. Ta ở nơi vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp kết tập Tạng pháp bảo này, vì các hàng trời, người rộng giảng dạy cùng khắp.

Ngay lúc ấy, các Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa... liền đánh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con nương theo năng lực, cũng nương nhờ oai thần của Phật nên ở đời sau sẽ ban bố rộng khắp Tạng pháp bảo này.

Khi Phật thuyết giảng kinh Pháp Ấn Phẩm này, có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ các Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ thành tựu căn lành, cùng có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được thọ ký thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phật thuyết giảng kinh này xong, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Bồ-tát Già-la-ha-đạt-đa... và các Bồ-tát khác cùng bốn chúng, tất cả chúng Trời, Người, A-tu-la... nghe Phật giảng thuyết đều rất hoan hỷ.

